



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 64 - Số 663 / Kỳ I - 02/2024



*Xuân
Giáp Thìn*
2024



Chúc mừng năm mới 2024



TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI

Số 5 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel: 84.24.38241650, Fax: 84.24.39331637

Số 32 Nguyễn Công Trứ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Tel: 84.24.39763585, Fax: 84.24.39761996

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tiếp và làm việc với Giám đốc Văn phòng phát triển năng lực Quỹ Tiền tệ quốc tế tại Thái Lan

Sáng ngày 18/01/2024, tại trụ sở cơ quan Tổng cục Thống kê, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương có buổi tiếp và làm việc với bà Eteri Kvintradze, Giám đốc Văn phòng phát triển năng lực Quỹ Tiền tệ quốc tế tại Thái Lan (CDOT) và ông Renato Perez, cố vấn thống kê khu vực ngoại thương. Cùng tiếp đoàn công tác CDOT có đại diện lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị thuộc Tổng cục.

Phát biểu mở đầu buổi làm việc, bà Eteri Kvintradze - Giám đốc CDOT cho biết, CDOT có 6 chuyên gia thường xuyên, dài hạn để làm việc với các quốc gia trong nhiều lĩnh vực như: Chính sách tiền tệ, nợ công, tài khoản quốc gia, thống kê khu vực nước ngoài... Từ tháng 10/2023, ông Renato Perez được bổ nhiệm là Cố vấn thống kê khu vực ngoại thương và sẽ làm việc với Việt Nam về các lĩnh vực được phụ trách. Bà Eteri Kvintradze - Giám đốc CDOT cũng thông tin, thời gian qua, tại Việt Nam đã hình thành nhóm công tác liên bộ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì để làm việc với CDOT về các nội dung tài chính chính phủ, thống kê nợ công, cán cân thanh toán... giúp hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế vĩ mô, công tác soạn thảo xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Về nội dung buổi làm việc với TCTK, bà Eteri Kvintradze mong muốn hai bên cùng trao đổi về các hoạt động hỗ trợ trong năm 2024, đặc biệt là về đào tạo.

Ghi nhận và đánh giá cao sự hỗ trợ, hợp tác của Quỹ Tiền tệ

quốc tế (IMF) và CDOT, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương khẳng định, IMF là một trong các tổ chức quốc tế hợp tác và hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển của Thống kê Việt Nam. Trong thời gian qua, sự đồng hành của IMF nói chung và CDOT nói riêng đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thống kê cho đội ngũ công chức của Ngành. Hỗ trợ kỹ thuật của IMF và CDOT có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh TCTK phải đáp ứng yêu cầu số liệu ngày càng nhiều với phân tổ chi tiết của Đảng, Chính phủ, doanh nghiệp và các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước.

Bày tỏ vui mừng được gặp bà Eteri Kvintradze - Giám đốc CDOT, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tin rằng với năng lực chuyên môn và bề dày kinh nghiệm của mình, bà Eteri Kvintradze và các cộng sự sẽ góp phần tiếp tục đưa CDOT phát triển lên tầm cao mới và hỗ trợ mạnh mẽ cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tổng cục trưởng cũng chúc mừng ông Renato Perez được bổ nhiệm là Cố vấn thống kê khu vực ngoại thương và tin rằng Ông sẽ hoàn thành xuất sắc vai trò cố vấn trong lĩnh vực ngoại thương, hỗ trợ cho những người làm thống kê nâng cao năng lực biên soạn số liệu thống kê ngoại thương có chất lượng cao.

Tại buổi họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương và lãnh đạo các vụ chuyên môn thuộc Tổng cục đề xuất IMF tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật về tài khoản quốc gia cho TCTK để nâng cao năng lực biên soạn các chỉ tiêu đo lường

khu vực kinh tế chưa được quan sát; biên soạn bảng SUT; chuyển đổi năm gốc...

Bên cạnh đó, TCTK đề xuất IMF, CDOT hỗ trợ tổ chức các hội thảo và khóa đào tạo về biên soạn kinh tế số ở Việt Nam; nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về tài khoản quốc gia; biên soạn các tài khoản theo khu vực thể chế; biên soạn các chỉ tiêu tài chính chính phủ, tiền tệ, tài khóa, các tài khoản vệ tinh; phát triển nguồn nhân lực về xây dựng các công cụ thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu lớn (Big data), các nguồn dữ liệu phi truyền thống, trí tuệ nhân tạo trong thống kê; phân tích dữ liệu thống kê và kinh tế sử dụng các phần mềm thống kê hiện đại.

Nói về các nội dung đề xuất của TCTK, ông Renato Perez - cố vấn thống kê khu vực ngoại thương của CDOT cho biết, sẽ làm việc với các bên liên quan tại trụ sở chính của CDOT và IMF để có giải pháp hỗ trợ về kỹ thuật và đào tạo phù hợp và hiệu quả.

Kết thúc buổi làm việc, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ mong muốn IMF, CDOT tiếp tục có sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả và sâu rộng trong thời gian tới, tăng cường kết nối TCTK với những kiến thức, công cụ mới của thế giới thông qua công tác đào tạo. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cũng đề xuất CDOT báo cáo với Thống kê Liên Hợp Quốc về việc sớm ban hành hướng dẫn biên soạn, tính toán đóng góp kinh tế số trong GDP và TCTK mong muốn được tham gia các buổi thảo luận về vấn đề này./.

Bích Ngọc

HỢP BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN “HỖ TRỢ VIỆT NAM CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ CHÍNH THỨC”

Chiều ngày 23/01/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức cuộc họp lần thứ 3 Ban Chỉ đạo Dự án “Hỗ trợ Việt Nam cải thiện chất lượng số liệu Thống kê chính thức” do Chính phủ Đan Mạch tài trợ.

Tham dự cuộc họp, về phía TCTK có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến - Giám đốc Dự án; các thành viên Ban Chỉ đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan thuộc cơ quan TCTK. Về phía Đan Mạch có ông Nicolai Prytz, Đại sứ, Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam cùng các cán bộ thuộc Đại sứ quán và Cơ quan Thống kê (CQTK) Đan Mạch.

Cuộc họp tập trung vào 2 nội dung chính, gồm: (i) Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của toàn bộ dự án và từng hợp phần đến thời điểm hiện tại, khó khăn vướng mắc cần giải quyết, biện pháp khắc phục; (ii) Kế hoạch triển khai các hoạt động trong năm 2024 và thống nhất ngày tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ tư.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng - Giám đốc Dự án Nguyễn Trung Tiến cho biết, kể từ sau Cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án được tổ chức thành công vào tháng 8/2023, các hợp phần Dự án của TCTK đã chủ động phối hợp với chuyên gia và Đại sứ quán Đan Mạch để đưa ra các giải pháp phù hợp, nhằm thực hiện thành công và đạt hiệu quả cao ở các hoạt động được đề ra trong Điều khoản tham chiếu (TOR). Theo đó, từ tháng 8/2023 đến nay, TCTK đã đón 04 Đoàn chuyên gia của CQTK Đan Mạch với 09 chuyên gia vào làm việc ở cả 04 hợp phần dự án của TCTK và các bộ, ngành liên quan.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề nghị: Điều phối viên quản lý dự án phía Đan Mạch tiếp tục phối hợp với Điều phối viên dự án của TCTK và các Đầu mối hợp phần triển khai các hoạt động còn lại của dự án. Tổ chức tốt các đoàn khảo sát sang Đan Mạch, đặc biệt chuyển khảo sát học tập và chia sẻ kinh nghiệm về dữ liệu lớn tại Đan Mạch trong tháng 3/2024 sắp tới.

Phát biểu đáp từ, ông Peter Vig Jensen - đại diện CQTK Đan Mạch bày tỏ vui mừng khi hợp tác với TCTK Việt Nam và cho biết, phía Đan Mạch hiện đang tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến hợp phần Dân số và đang hoàn thiện các báo cáo về dân số ở Đan Mạch.

Ông Nicolai Prytz, Đại sứ, Đại sứ quán Đan Mạch nhận định, đây là dự án tuyệt vời, xuất phát từ sự hợp tác chặt chẽ giữa 2 CQTK với những thành viên tài năng và xuất sắc. Đặc biệt, Dự án được đưa lên tầm cao mới sau khi Việt Nam và Đan Mạch có sự ký kết hợp tác trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Đan Mạch năm 2023 vừa qua. Đại sứ nhấn mạnh, ngành Thống kê đóng vai trò vô cùng đặc biệt, hiện diện xuyên suốt ở tất cả các khía cạnh kinh tế - xã hội, nhất là trong xây dựng các chính sách vĩ mô. Sự thành công của Dự án là điều kiện tiên quyết để có thể thực hiện thành công các dự án khác; đồng thời là tiền đề xây dựng văn hóa thống kê giữa 2 nước; tạo nền tảng để củng cố chất lượng quản trị ở cấp vĩ mô.

Tại cuộc họp, các đại biểu tham dự đã được nghe ông Peter Bohnstedt Anan Hansen - Quản lý Dự án - Cố vấn cao cấp, Bộ phận Tư vấn quốc tế trình bày Kế hoạch hoạt động của Dự án và nghe

các thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo tình hình triển khai hoạt động của các hợp phần trong Dự án; Các báo cáo tập trung vào 4 hợp phần được CQTK Đan Mạch hỗ trợ TCTK triển khai thực hiện gồm: Hợp phần Thống kê dân số và di cư; Hợp phần Thống kê Giáo dục; Hợp phần Dữ liệu lớn; Hợp phần Tài khoản kinh tế môi trường. Tại đây, các đại biểu đã cùng bàn bạc và thống nhất về các hoạt động trong thời gian tới, xác định ngày tổ chức cuộc họp Ban Chỉ đạo lần thứ tư và một số nội dung trao đổi khác. Dự kiến, cuộc họp lần thứ tư Ban Chỉ đạo Dự án sẽ tiến hành vào khoảng đầu tháng 6/2024.

Kết luận cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, Dự án của Chính phủ Đan Mạch có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ để tăng cường năng lực 4 lĩnh vực mà TCTK đã đề ra trong Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong quá trình thực hiện, khó khăn lớn nhất của Dự án chính là phối hợp, chia sẻ dữ liệu hành chính của các Bộ, ngành, do đó cần nâng cao nhận thức về phối hợp và chia sẻ dữ liệu. Qua đây, Phó Tổng cục trưởng bày tỏ cảm ơn sự hỗ trợ của Đại sứ quán và CQTK Đan Mạch trong việc tích cực đẩy mạnh nâng cao nhận thức về phối hợp và chia sẻ dữ liệu hành chính của các Bộ, ngành với ngành Thống kê. Đồng thời bày tỏ mong muốn TCTK sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Chính phủ Đan Mạch, Đại sứ quán, CQTK Đan Mạch trong triển khai Dự án nói chung và các hợp phần còn lại của Dự án, cùng các hoạt động thống kê cho giai đoạn tiếp theo, sau khi dự án này thực hiện thành công./.

Thu Hiền

TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ

Vũ Thị Thu Thủy

Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê - TCTK

Công tác chuyển đổi số và sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê là các hoạt động then chốt giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động thống kê; tăng cường cung cấp thông tin, số liệu kịp thời, đảm bảo chất lượng.

Trong những năm qua, Tổng cục Thống kê đã quyết liệt triển khai thực hiện các nội dung này và mang lại hiệu quả cho công tác thống kê. Theo đó, chuyển đổi số và sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ nhận thức, nghiệp vụ, năng lực số đến dữ liệu số, hạ tầng số, ứng dụng công nghệ thông tin.

Chuyển đổi nhận thức

Tổng cục Thống kê luôn nhận thức ứng dụng công nghệ thông tin là then chốt để thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý và sản xuất thông tin thống kê nhằm nâng cao chất lượng thông tin thống kê, đáp ứng nhu cầu phân tích, hoạch định và điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Người đứng đầu mỗi đơn vị được giao trách nhiệm về chuyển đổi số trong đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách, tổ chức phổ biến và quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức của lãnh đạo, công chức, viên chức thuộc đơn vị về sự cần thiết, cấp thiết, lợi ích của chuyển đổi số. Nhờ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nên lễ lối, phương thức làm việc của lãnh đạo, công chức, viên chức của ngành Thống kê đã có những thay đổi tích cực. Trong đó, một số hoạt động đã thực hiện nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đó là:

(i) Tuyên truyền, quán triệt, triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông về công tác chuyển đổi số:

Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2045; Quyết định số 2172/QĐ-BKHĐT ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số; Quyết định số 879/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2025.

(ii) Tổ chức Hội thảo quốc tế về Quản lý hệ sinh thái dữ liệu, quản trị và giám hộ dữ liệu với sự tham gia của các cơ quan, bộ, ngành thuộc Chính phủ, các tổ chức, chuyên gia quốc tế và trong nước.

Hội thảo được tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến kết nối đến 63 Cục Thống kê cấp tỉnh giúp nâng cao nhận thức của Bộ, ngành và các công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành Thống kê về vai trò của dữ liệu, giám hộ dữ liệu và chuyển đổi số trong công tác thống kê thời đại kỹ nguyên số. Xây dựng tài liệu tuyên truyền phổ biến về kết quả hội thảo (các video tuyên truyền) và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

(iii) Tuyên truyền và triển khai phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia các năm 2022, 2023 để hướng tới kỷ niệm Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 và Ngày Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2023 (10/10/2023).

(iv) Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức và nghiệp vụ về an toàn an ninh thông tin và các nhiệm vụ chuyển đổi số tới 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bên cạnh đó, vai trò của việc sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê được thể hiện

trong văn bản quy phạm pháp luật tại Mục 2 Luật Thống kê, trong đó nêu rõ những lĩnh vực dữ liệu hành chính, nội dung sử dụng và trách nhiệm cung cấp, sử dụng, quản lý nguồn dữ liệu này. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược) cũng đặt ra mục tiêu phấn đấu vào năm 2025 đạt 50%, vào năm 2030 đạt 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

Phát triển dữ liệu số, hạ tầng số và nhân lực số phục vụ công cuộc chuyển đổi số và sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê

Về phát triển dữ liệu số

Tổng cục Thống kê xây dựng Hệ thống thông tin thống kê bao gồm dữ liệu thống kê vi mô và dữ liệu thống kê tổng hợp, dữ liệu báo cáo, thông tin điều hành, tác nghiệp của tất cả các cuộc điều tra, tổng điều tra được xử lý trên môi trường số, tiến tới xây dựng kho dữ liệu thống kê vi mô và dữ liệu đặc tả. Các hoạt động phát triển dữ liệu số trong năm 2023 đã được thực hiện bao gồm:

- Phối hợp xây dựng Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 và Quyết định số 1349/QĐ-BKHĐT ngày 02/8/2023; thông qua đó, công bố Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở của Tổng cục Thống kê.

- Cung cấp dữ liệu mở về tình hình kinh tế - xã hội và một số chỉ tiêu chủ yếu như chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số sản xuất công nghiệp, số liệu xuất nhập khẩu, các danh mục thống kê, số liệu thống kê công khai, miễn phí cho tất cả người dân và doanh nghiệp

sử dụng trên Trang thông tin điện tử Tổng cục Thống kê và trên Cổng dữ liệu mở Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ <https://data.mpi.gov.vn>.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu điều tra thống kê kết nối với dữ liệu hành chính (dữ liệu Báo cáo tài chính của cơ quan thuế) phục vụ khai thác, biên soạn chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo thống kê định kỳ tháng, quý, năm. Hiện nay có khoảng gần 200 cơ sở dữ liệu điều tra đang được lưu trữ và khai thác sử dụng.

- Triển khai thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành thông qua các Quy chế phối hợp công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành.

Về phát triển hạ tầng số

Hệ thống hạ tầng số đã được xây dựng và tiếp tục được nâng cấp mở rộng phục vụ công tác chuyển đổi số ngành Thống kê. Trong đó, hệ thống mạng của toàn Ngành đã được kết nối thành một mạng riêng với 67 điểm kết nối (gồm cơ quan Tổng cục, 03 Trung tâm tin học thống kê khu vực và 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); các Trung tâm tin học Thống kê khu vực tiếp tục thực hiện vai trò là nơi quản lý, vận hành máy chủ, trung tâm dự phòng và sao lưu các dữ liệu và hệ thống vận hành máy chủ nhằm thực hiện

các nghiệp vụ thống kê và hệ thống quản lý thông suốt từ trung ương đến các địa phương, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Tất cả các Cục Thống kê đều được trang bị mạng LAN, gồm: Máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật được lắp đặt trên một tủ rack. Mỗi công chức, viên chức làm chuyên môn thống kê đều được trang bị máy tính riêng.

Hạ tầng CNTT đã và đang đáp ứng tốt việc cung cấp hàng loạt dịch vụ như quản lý người dùng, phân giải tên miền, cấp địa chỉ IP tự động, thư điện tử, truyền file, trao đổi thông tin, sao lưu dữ liệu, họp trực tuyến, lưu trữ dữ liệu dùng máy chủ ảo,... cho người dùng ngành Thống kê.

Về phát triển nhân lực số

Nhằm nâng cao năng lực bảo vệ thông tin trên môi trường số, từ năm 2022 đến nay, Tổng cục Thống kê đã tổ chức các lớp tập huấn hằng năm về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các lãnh đạo và nhân sự phụ trách công nghệ thông tin của các đơn vị địa phương trong toàn Ngành. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê cử 06 công chức, viên chức tham gia thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tham gia khóa diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng



theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời gian tới, Tổng cục Thống kê sẽ thành lập Đội ứng cứu sự cố với nhiệm vụ quản lý, ứng cứu, xử lý sự cố và sẵn lòng mỗi nguy hại trong hệ thống mạng toàn Ngành.

Đội ngũ kỹ sư tin học được trau dồi, nâng cao nghiệp vụ thông qua việc xây dựng/phát triển, xử lý các bài toán CNTT của Ngành với nhiều cải tiến kỹ thuật giúp cho công tác sản xuất thông tin thống kê được thuận lợi và kịp thời hơn; ứng dụng công nghệ thông tin và cải tiến phương thức trao đổi thông tin trong kết nối dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê, đặc biệt là dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng với số lượng gần 4,3 triệu tờ khai một năm.

Kết quả chuyển đổi số trong công tác thống kê

Đối với công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý

Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý các công việc liên quan đến hoạt động thống kê đã thực hiện triệt để chuyển đổi số nhằm thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số. Cụ thể, các ứng dụng/phần mềm chung và nội dung đang sử dụng trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý gồm: Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (EOffice), Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ (TaskGov); Hệ thống quản lý tài chính và tài sản (MISA); Hệ thống quản lý nhân sự; Hệ thống quản lý công nghệ thông tin (các phần cứng, phần mềm, tài khoản sử dụng, ...); Hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ; Hệ thống quản lý các điều tra thống kê,... đã được áp dụng triển khai trong toàn Ngành. 100% văn bản, hồ sơ được xử lý trên môi trường mạng trừ các văn bản, tài liệu chứa bí mật nhà nước. Văn bản được áp dụng chữ ký số

chuyên dùng của Chính phủ do Ban Cơ yếu chính phủ cung cấp.

Ngoài ra, các nghiệp vụ chung khác cũng đã và đang được thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin như: Hợp tác quốc tế, thanh tra, quản lý xây dựng cơ bản.

Đối với sản xuất thông tin thống kê

Tổng cục Thống kê thực hiện cải tiến quy trình nghiệp vụ sản xuất thống kê nhằm tiếp cận, ứng dụng những tiến bộ khoa học để chuyển đổi toàn bộ quá trình sản xuất thống kê lên môi trường số: Sử dụng bảng hỏi điện tử CAPI, Webform thay thế hình thức phiếu giấy và nhập tin thủ công hoặc công nghệ quét (năm 2023: 84% các cuộc điều tra; mục tiêu 85% vào năm 2025 và trên 95% vào năm 2030 như đã đề ra trong Chiến lược phát triển thống kê). Hoạt động quản lý, điều hành, giám sát thu thập thông tin thống kê được thực hiện chủ yếu trên môi trường số thông qua các trang web điều hành - tác nghiệp, thay thế hình thức giám sát trực tiếp, nhờ vậy, chất lượng thông tin được cải thiện, thời gian thu thập thông tin được rút ngắn. Đặc biệt, đã thực hiện xử lý đồng bộ giữa thông tin thu thập đầu vào và thông tin phổ biến đầu ra để nâng cao chất lượng thông tin thống kê, nhằm hỗ trợ tích cực cho quá trình ra quyết định của lãnh đạo các cấp trong quản lý, điều hành đất nước.

Ngành Thống kê đã triển khai phổ cập sử dụng các phần mềm phân tích thống kê thông dụng như STATA, SPSS, R, Excel, Microsoft SQL... để phân tích, dự báo và biên soạn báo cáo thống kê từ các nguồn dữ liệu số của ngành.

Cải tiến công tác phổ biến thông tin thống kê theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, trực quan hóa số liệu

bằng hình ảnh. Một số sản phẩm thông tin được phổ biến theo hình thức mới như: Kho dữ liệu (data warehouse), dashboard, infographic, GIS, video,... Thời gian tới, công tác chuyển đổi số trong phổ biến thông tin thống kê tiếp tục được thực hiện thông qua xây dựng Niên giám thống kê điện tử, Cổng thông tin phổ biến thông tin, dữ liệu thống kê; thực hiện chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương dựa trên nền tảng thu thập và trao đổi dữ liệu; hệ thống dashboard phân tích dữ liệu thống kê.

Bên cạnh đẩy mạnh công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê từ điều tra và báo cáo thống kê, Tổng cục Thống kê đã thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong sử dụng dữ liệu hành chính như dữ liệu thuế, hải quan, giáo dục, y tế,... Trong đó, dữ liệu thông tin về thuế doanh nghiệp được xử lý và chia sẻ cho Tổng cục Thống kê tự động qua cầu nối dữ liệu giữa hai cơ quan (Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế) được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2018 đến nay; chuyển định kỳ trên hệ thống quản lý dữ liệu. Kết nối và xử lý dữ liệu thuế với dữ liệu điều tra được thực hiện định kỳ thông qua hệ thống thông tin về dữ liệu hành chính và dữ liệu điều tra doanh nghiệp.

Đối với công tác bảo đảm an toàn an ninh thông tin, an ninh mạng

Nhận thức được tầm quan trọng của thông tin là tài sản có giá trị và được xử lý trên môi trường số, việc bảo vệ dữ liệu là hoạt động cấp thiết trong quá trình chuyển đổi số, Tổng cục Thống kê thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

theo Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; quản lý, vận hành Hệ thống thông tin thống kê theo phương án bảo đảm cấp độ 03 đã được phê duyệt; liên tục giám sát, phát hiện và ngăn chặn các kết nối mất an toàn, thư rác, mã độc, các lỗ hổng bảo mật trong toàn Ngành; xử lý, ứng cứu sự cố theo hướng dẫn nghiệp vụ từ cơ quan chức năng.

Kết quả sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê

Tại Tổng cục Thống kê, nguồn dữ liệu chủ yếu phục vụ báo cáo thống kê là điều tra và tổng điều tra thống kê; mới chỉ có một phần nhỏ dữ liệu hành chính được khai thác, tổng hợp phục vụ công tác thống kê. Đến nay, một số nguồn dữ liệu hành chính đang được khai thác, tổng hợp phục vụ công tác thống kê, gồm:

- Dữ liệu đăng ký thuế: Dữ liệu đăng ký thuế của các doanh nghiệp và chi nhánh của doanh nghiệp được Tổng cục Thuế chia sẻ cho Tổng cục Thống kê dùng chung từ năm 2002 nhằm cung cấp một số thông tin làm dàn mẫu cho các cuộc điều tra, đặc biệt là điều tra doanh nghiệp.

- Dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng, hàng quý, hàng năm: Gồm các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Dữ liệu này được tổng hợp để bổ sung thông tin điều tra phục vụ biên soạn các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô hàng quý. Sắp tới, dữ liệu tờ khai thuế sẽ được liên kết với dữ liệu điều tra để kiểm tra chéo các thông tin điều tra.

- Dữ liệu báo cáo tài chính: Gồm bảng cân đối kế toán, kết quả sản xuất kinh doanh, các báo cáo thuyết minh... Từ năm 2018, dữ liệu này được sử dụng thay thế một số chỉ tiêu điều tra

doanh nghiệp hàng năm giúp cắt giảm 25% kinh phí và giảm gánh nặng cung cấp thông tin. Dữ liệu báo cáo tài chính được sử dụng kết hợp với kết quả của điều tra doanh nghiệp hàng năm để biên soạn, tính toán các chỉ tiêu thống kê kinh tế tổng hợp về hoạt động của doanh nghiệp.

- Dữ liệu xuất, nhập khẩu: Dữ liệu xuất, nhập khẩu được sử dụng để biên soạn, tính toán các chỉ tiêu thống kê về xuất, nhập khẩu hàng tháng và là dàn mẫu cho một số cuộc điều tra thống kê như điều tra giá xuất nhập khẩu, điều tra xuất nhập khẩu dịch vụ...

- Dữ liệu về y tế và chăm sóc sức khỏe: Dữ liệu này được sử dụng để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê liên quan đến các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực y tế phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh.

- Dữ liệu về giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội: Các dữ liệu hành chính này được sử dụng để biên soạn thông tin thống kê về tình hình xã hội phục vụ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng quý.

- Dữ liệu hành chính khác: Phục vụ tổng hợp, tính toán và biên soạn báo cáo thống kê như dữ liệu đăng ký kinh doanh, dữ liệu lâm nghiệp...

Tổng cục Thống kê đang tiếp tục đẩy mạnh sử dụng nguồn dữ liệu hành chính để sản xuất thông tin thống kê thông qua hoạt động trao đổi dữ liệu với các bộ, ngành và qua Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia sẽ được triển khai trong thời gian tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động thống kê cũng gặp những bất cập, liên quan đến cơ sở dữ liệu, hạ tầng CNTT và nguồn nhân lực. Để chuyển đổi số thành công,

trong thời gian tới, ngành Thống kê cần tập trung một số giải pháp sau:

Nâng cao nhận thức

- Thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trong đội ngũ công chức, viên chức thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

- Tổ chức tập huấn để hướng dẫn, phổ biến thông tin về kỹ năng số, bao gồm: Kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng, sử dụng các dịch vụ số.

- Lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về tiềm năng, lợi ích và sự cần thiết sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn, dữ liệu mở trong tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê.

Hoàn thiện quy trình sản xuất thông tin thống kê

- Xây dựng văn bản, quy định hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động thống kê đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ chi tiết sản xuất thông tin thống kê, yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật

- Ứng dụng nền tảng giải pháp số hoá tài liệu thông minh cho các hoạt động thống kê; kế thừa và chuyển đổi dữ liệu hiện có để quản lý, khai thác đồng bộ trên môi trường số.

- Ứng dụng các công nghệ hiện đại mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin, kế thừa hạ tầng công nghệ thông tin hiện có để tiết kiệm chi phí.

- Lựa chọn các công nghệ thông minh nhằm thúc đẩy chuyển đổi số



trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng nội dung, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật về thống kê, công nghệ thông tin đáp ứng các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động thống kê.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về cách mạng số, chuyển đổi số hoạt động thống kê.

Như vậy, để thực hiện tốt quá trình chuyển đổi số và tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính cho công tác thống kê, một số nhiệm vụ cần được chú ý triển khai:

Về chuyển đổi số

- Sửa đổi cơ chế, chính sách và nâng cao nhận thức: Tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm của các nước tiên tiến cũng như các nước có điều kiện tương đồng trên thế giới và trong khu vực; khảo sát và đánh giá hiện trạng của ngành Thống kê, đặc biệt là hoạt động thống kê của các Bộ, ngành và địa phương; nghiên cứu sửa đổi Luật Thống kê và ban hành các văn bản dưới Luật, tạo điều kiện và tháo gỡ các điểm nghẽn cho tư liệu hóa và chuyển đổi số hoạt động thống kê; tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến cuộc CMCN4.0, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tư liệu hóa hoạt động thống kê: Xây dựng và ứng dụng quy trình số hóa tài liệu trong hoạt động thống kê; ứng dụng nền tảng giải pháp số hóa tài liệu thông minh theo tiêu chuẩn an ninh thông tin ISO/IEC 27001:2013, đồng thời xây dựng kho tư liệu số (tài liệu đã được số hoá dưới nhiều hình thức khác nhau: văn bản, hình ảnh, audio, video...)

về các hoạt động thống kê; ứng dụng các công nghệ hiện đại để xây dựng thư viện số, công nghệ để đáp ứng các yêu cầu là công cụ, môi trường để bảo đảm các tài liệu số hóa sau khi được tạo lập có thể truy cập, tìm kiếm và sử dụng dễ dàng trên một giao diện đồng nhất.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tạo nền tảng cho chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ triển khai Chiến lược CMCN 4.0: Xây dựng trung tâm dữ liệu mới dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn tối thiểu TIER III để đảm bảo năng lực lưu trữ, tính toán hiệu năng cao, đảm bảo khả năng dự phòng, đáp ứng nhu cầu triển khai các ứng dụng thông minh, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đồng thời kết nối nền tảng số của Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn; ứng dụng công nghệ ảo hóa để triển khai các hệ thống thông tin; ứng dụng công nghệ học máy, trí tuệ nhân tạo để khai thác dữ liệu, sản xuất thông tin thống kê từ các nguồn dữ liệu mới; ứng dụng công nghệ Chatbot, xử lý ngôn ngữ tự nhiên để hỗ trợ thu thập thông tin; ứng dụng công nghệ Blockchain để lưu trữ dữ liệu bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; sử dụng tối đa các sản phẩm thương mại có uy tín, phối hợp với các công cụ đặc thù, có giao diện Web và API mở để chia sẻ, dùng chung và tích hợp với các ứng dụng khác một cách dễ dàng; phát triển các công cụ dùng chung cho các bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm chi phí đầu tư.

Về tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính

- Tổng cục Thống kê là cơ quan điều phối hoạt động thống kê

cần bắt buộc tham gia vào quá trình thiết lập các hệ thống thông tin của bộ, ngành và địa phương để hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và sử dụng số liệu. Sự tham gia của Tổng cục Thống kê sẽ giúp hệ thống thông tin tại bộ, ngành và địa phương được thực hiện đồng bộ, kết nối thông suốt và đảm bảo dữ liệu hành chính có thể sử dụng hiệu quả đồng thời cho công tác quản lý ngành, lĩnh vực và mục đích thống kê.

- Dữ liệu quản lý, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành và địa phương phải được chia sẻ với Tổng cục Thống kê nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia phục vụ điều hành chung của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương và báo cáo thống kê. Trước tiên là 05 nguồn dữ liệu: Quản lý thuế (đang được chia sẻ với Tổng cục Thống kê); xuất, nhập khẩu hàng hóa; dữ liệu dân cư; bảo hiểm xã hội; nguồn dữ liệu về thuê bao điện thoại di động (Bộ Thông tin và Truyền thông). Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp tập bản đồ cập nhật hàng năm và dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ công tác thống kê. Các cơ sở dữ liệu được chia sẻ là dữ liệu vi mô nhằm đáp ứng yêu cầu thống kê.

- Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp CNTT để kết nối dữ liệu hành chính của các bộ, ngành, địa phương; trong đó, dữ liệu thống kê các cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ chỉ đạo, điều hành nhanh của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Mục tiêu là thành lập cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung dùng chung giữa các bộ, ngành, địa phương trên toàn quốc đảm bảo số liệu thống kê nhất quán, phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia và các địa phương./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG MỘT NĂM 2024

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/01/2024, cả nước gieo cấy được 1.821,4 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 96,9% cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 63,4 nghìn ha, bằng 66,6% cùng kỳ năm trước; các địa phương phía Nam đạt 1.757,9 nghìn ha, bằng 98,5%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.427,7 nghìn ha, bằng 99,5%.

Chăn nuôi: Tổng số lợn của cả nước ước tính đến thời điểm cuối tháng 01/2024 tăng 4,1% so với cùng thời điểm năm 2023; tổng số bò tăng 0,4%; tổng số trâu giảm 1,2%; tổng số gia cầm tăng 3,6%.

Tính đến ngày 23/01/2024, cả nước không còn dịch lợn tai xanh, dịch lở mồm long móng còn ở Hòa Bình, Cao Bằng; dịch cúm gia cầm còn ở Bắc Ninh, Tiền Giang; dịch viêm da nổi cục còn ở Tiền Giang; dịch tả lợn châu Phi còn ở 16 địa phương chưa qua 21 ngày. Đáng chú ý là hiện nay đang xuất hiện dịch đại trên động vật tại 5 địa phương chưa qua 21 ngày.

Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 01/2024 ước đạt 7,8 nghìn ha, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2023 do thời tiết ở một số địa phương không thuận lợi làm ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng như: Nghệ An bằng 94,5% cùng kỳ năm trước, Quảng Ngãi bằng 96,7%, Yên Bái bằng 60%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 4 triệu cây, giảm 2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.030,5 nghìn m³, tăng 3,6%.

Trong tháng 01/2024, diện tích rừng bị thiệt hại là 31,5 ha, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị cháy là 2,5 ha, tăng 2%, diện tích rừng bị chặt, phá là 29 ha, giảm 1%.

Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 01/2024 ước đạt 590,1 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 440,2 nghìn tấn, tăng 3,1%; tôm đạt 54,6 nghìn tấn tăng 3,8%; thủy sản khác đạt 95,3 nghìn tấn tăng 2,9%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 313,3 nghìn tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 228,6 nghìn tấn, tăng 1,6%; tôm đạt 44,6 nghìn tấn, tăng 3,7%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 01/2024 ước đạt 276,8 nghìn tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước bao gồm: Cá đạt 211,6 nghìn tấn, tăng 4,8%; tôm đạt 10 nghìn tấn, tăng 4,2%; thủy sản khác đạt 55,2 nghìn tấn, tăng 4%. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 258 nghìn tấn, tăng 4,5%, trong đó: Cá đạt 198,3 nghìn tấn, tăng 4,8%; tôm đạt 8,5 nghìn tấn, tăng 3,7%.

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2024 ước tính giảm 4,4% so với tháng trước và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 15,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; sản xuất và phân phối điện tăng 21,6%, đóng góp 1,9 điểm

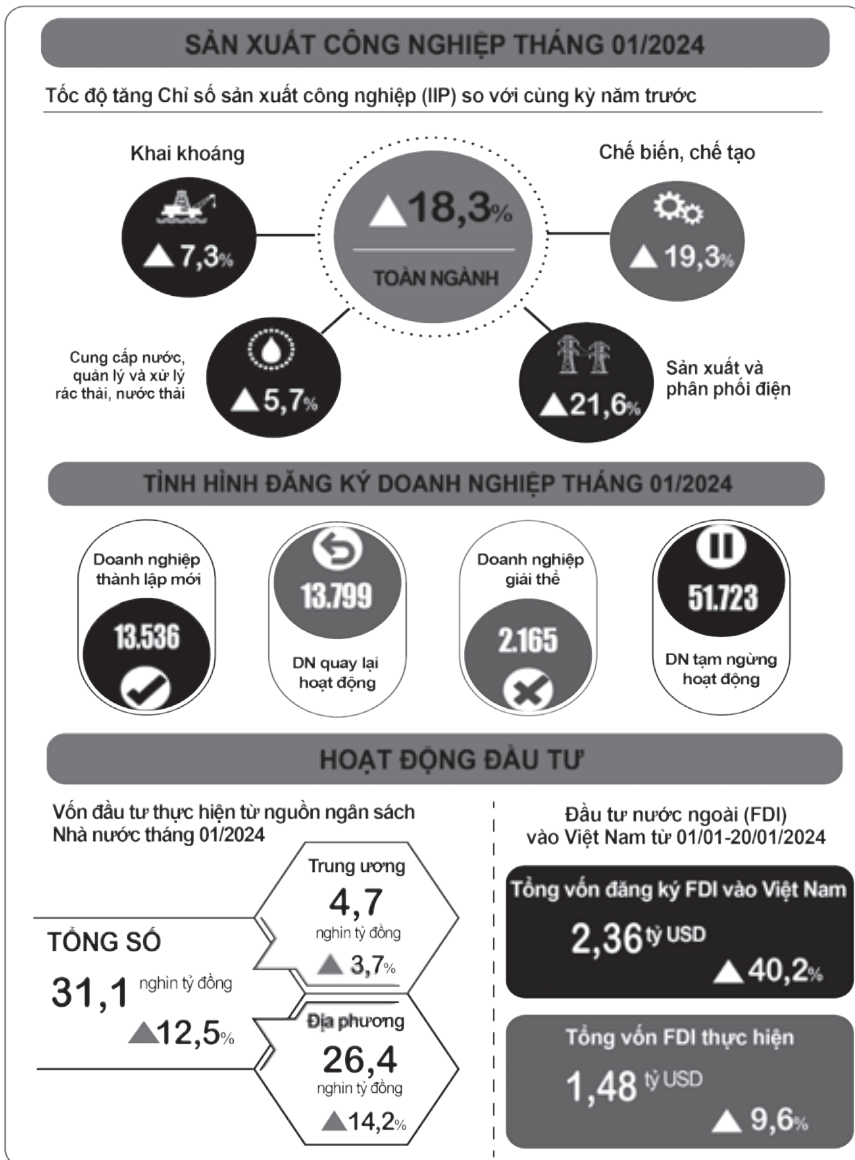
phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 7,3%, đóng góp 1,2 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2024 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 60 địa phương và giảm ở 3 địa phương trên cả nước.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2024 tăng 0,5% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,1% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 0,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,7% và tăng 0,8%.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Một năm 2024, cả nước có 13,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 151,5 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký hơn 103,4 nghìn lao động, tăng 2,2% về số doanh nghiệp, giảm 2,3% về vốn đăng ký và tăng 31,8% về số lao động so với tháng 12/2023. So với cùng kỳ năm trước, tăng 24,8% về số doanh nghiệp, tăng 52,8% về số vốn đăng ký và tăng 50,8% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 11,2 tỷ đồng, giảm 4,4% so với tháng trước và tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2023. Nếu tính cả 218,7 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm



của 4,4 nghìn doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng Một là 370,1 nghìn tỷ đồng, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước có gần 13,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (gấp 2,2 lần so với tháng 12/2023 và giảm 8,4% so với cùng kỳ năm 2023), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tháng 01/2024 lên hơn 27,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng 01/2024, có 43,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký

tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm trước; có 7.798 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 14%; có 2.165 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 6,2%. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 53,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2024 ước đạt 31,1 nghìn tỷ đồng, bằng 4,4% kế hoạch năm và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước

(cùng kỳ năm 2023 bằng 3,8% và tăng 5,6%). Trong đó:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 4,7 nghìn tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch năm và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý đạt 26,4 nghìn tỷ đồng, bằng 4,5% kế hoạch năm và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2024 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 2,36 tỷ USD, tăng 40,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Vốn đăng ký cấp mới có 190 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 2,01 tỷ USD, tăng 24,2% về số dự án và tăng 66,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản được cấp phép mới đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 1,24 tỷ USD, chiếm 61,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 715,9 triệu USD, chiếm 35,6%; các ngành còn lại đạt 51,6 triệu USD, chiếm 2,6%.

- Trong số 25 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong tháng 01/2024, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 1,32 tỷ USD, chiếm 65,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 302,6 triệu USD, chiếm 15%; Trung Quốc 142,1 triệu USD, chiếm 7,1%; Đặc khu hành chính Hồng Công (Trung Quốc) 74,7 triệu USD, chiếm 3,7%; Xa-moa 49,4 triệu USD, chiếm 2,5%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2024 ước đạt 1,48 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 01/2024 có 11 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 16,2 triệu USD, gấp 9,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng Một năm 2024 ước đạt 43,7 nghìn tỷ đồng, bằng 2,6% dự toán năm. Cụ thể một số khoản thu chính như sau: Thu nội địa đạt 30,6 nghìn tỷ đồng, bằng 2,1% dự toán năm; Thu từ dầu thô đạt 2.404 tỷ đồng, bằng 5,2% dự toán năm; Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 10,6 nghìn tỷ đồng, bằng 5,2% dự toán năm.

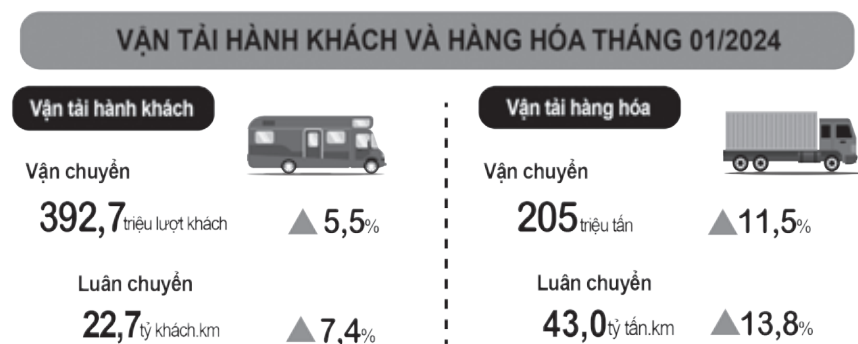
Tổng chi ngân sách Nhà nước trong 15 ngày đầu tháng 01/2024 ước đạt 46,4 nghìn tỷ đồng, bằng 2,2% dự toán năm, bao gồm: Chi thường xuyên đạt 28,2 nghìn tỷ đồng, bằng 2,2%; chi đầu tư phát triển 5,9 nghìn tỷ đồng, bằng 0,9%; chi trả nợ lãi 12,3 nghìn tỷ đồng, bằng 11,1%.

Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm 2024 ước đạt 524,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 13,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,8% (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,1%).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01/2024 ước đạt 407,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 58,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành tháng ước đạt



4,4 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác tháng ước đạt 53,2 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong kỳ 1 tháng 01/2024 (từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/01/2024), tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 29,78 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 4,1%; nhập khẩu tăng 6,8%; cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 0,38 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng hóa: Tính đến hết ngày 15/01/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 15,08 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tính đến hết ngày 15/01/2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 13,35 tỷ USD, chiếm 88,5%.

Nhập khẩu hàng hóa: Tính đến hết ngày 15/01/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 14,7 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tính đến hết ngày 15/01/2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất sơ bộ đạt 13,83 tỷ USD, chiếm 94,1%.

Cán cân thương mại hàng hóa kỳ 1 tháng Một sơ bộ xuất siêu 0,38 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 0,73 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,19 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,57 tỷ USD.

Vận tải hành khách và hàng hóa

Hoạt động vận tải tháng 01/2024 khá sôi động đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách và vận chuyển hàng hóa phục vụ dịp Tết Nguyên đán sắp đến. So với cùng kỳ năm trước, vận tải hành khách tăng 5,5% về vận chuyển và tăng 7,4% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 11,5% về vận chuyển và tăng 13,8% về luân chuyển.

Vận tải hành khách tháng Một ước đạt 392,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 3% so với tháng trước và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển đạt 22,7 tỷ lượt khách.km, tăng 3,6%

và tăng 7,4%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 391 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước và 17,3 tỷ lượt khách.km luân chuyển, giảm 0,8%; vận tải ngoài nước ước đạt 1,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 41,9% và 5,4 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 46,2%.

Vận tải hàng hóa tháng Một ước đạt 205 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển đạt 43 tỷ tấn.km, giảm 0,2% và tăng 13,8%. Trong đó, vận tải trong nước đạt 201,3 triệu tấn vận chuyển, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước và 27,5 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 16,8%; vận tải ngoài nước đạt 3,7 triệu tấn vận chuyển, tăng 0,1% và 15,5 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 8,8%.

Xét theo ngành vận tải, tất cả các ngành đường trong tháng 01/2024 có tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước do vận chuyển hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước tăng.

Khách quốc tế đến Việt Nam

Chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam được thực hiện rộng khắp, cùng với Việt Nam là điểm đến an toàn nên khách quốc tế đến nước ta trong tháng Một năm 2024 đạt hơn 1,5 triệu lượt người, tăng 10,3% so với tháng trước và tăng 73,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tổng số hơn 1,5 triệu lượt khách quốc tế đến nước ta tháng 01/2024, khách đến bằng đường hàng không đạt gần 1,3 triệu lượt người, chiếm 85,1% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 60,9% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 176,9 nghìn lượt người, chiếm 11,7% và gấp 2,7 lần; bằng đường biển đạt 48,4 nghìn lượt người, chiếm 3,2% và gấp 8,6 lần.

Khách đến từ châu Á đạt 1.125,6 nghìn lượt người, tăng 85,2% so cùng kỳ năm trước; từ Châu Âu đạt 216,9 nghìn lượt người, tăng 85%; từ châu Mỹ đạt 97,2 nghìn lượt người, tăng 1,1%; từ châu Úc đạt 67,4 nghìn lượt người, tăng 41,7% và từ Châu Phi là 5,2 nghìn lượt người, tăng 123,3%

Một số tình hình xã hội

Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Theo khảo sát tình hình đời sống của hộ dân cư tháng Một năm 2024, tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm trước là 92,4%; tỷ lệ hộ đánh giá đình có thu nhập giảm là 7,6%.

Về tác động của các sự kiện tiêu cực đến đời sống trong tháng đầu năm 2024, các hộ gia đình đánh giá: 32,1% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao; 2,9% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với con người.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và người lao động được Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp chăm lo đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, đón Tết vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Ngoài ra, để đảm bảo người dân không bị thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 04/01/2024, cấp xuất gạo từ kho dự trữ hỗ trợ 3.545 tấn gạo cho khoảng hơn 59 nghìn hộ với hơn 236,3 nghìn nhân khẩu tỉnh Sóc Trăng.

Tai nạn giao thông

Trong tháng Một (15/12/2023-14/01/2024), trên địa bàn cả nước xảy ra 2.434 vụ tai nạn giao thông, làm 967 người chết; 1.076 người bị thương và 961 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông tăng 6,8%, số người chết tăng 4%; số người bị thương tăng 16,3% và số người bị thương nhẹ tăng 10,1%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông gấp 3,1 lần; số người chết gấp 1,9 lần; số người bị thương gấp 3,5 lần và số người bị thương nhẹ gấp 4,8 lần. Bình quân một ngày trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 79 vụ tai nạn giao thông làm 31 người chết, 35 người bị thương và 31 người bị thương nhẹ.

Thiệt hại thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

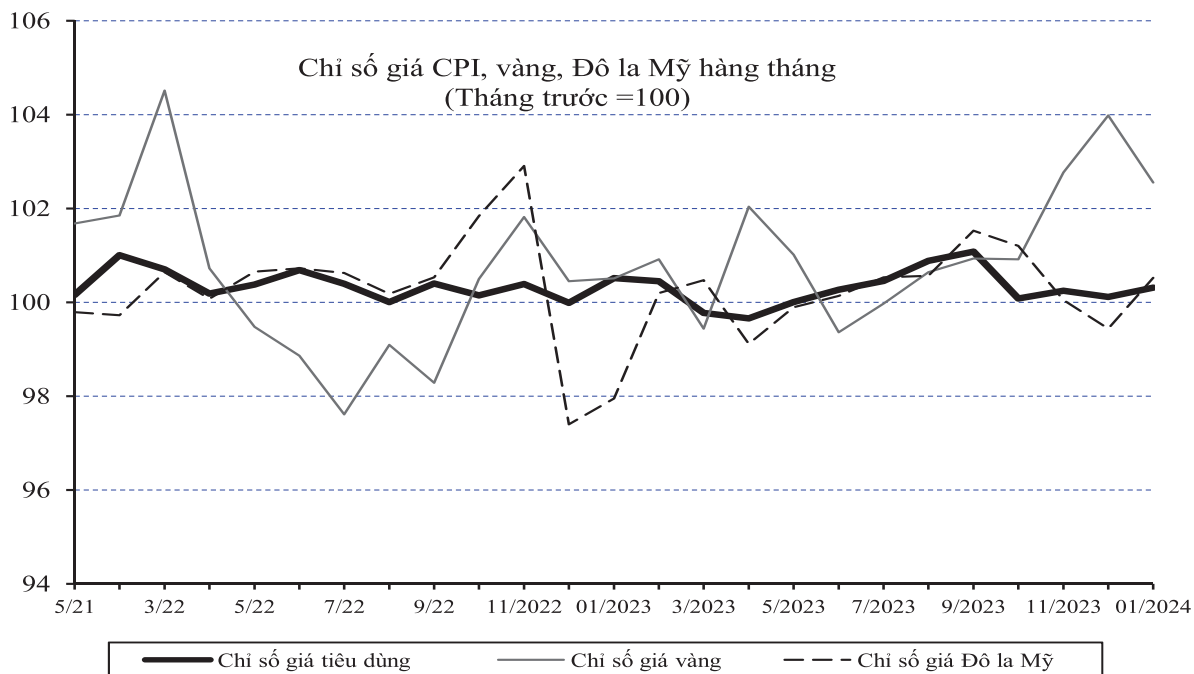
- Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là mưa lớn; sạt lở làm 9 người mất tích và 1 người bị thương; 969,4 ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 72 ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 62,2 tỷ đồng, gấp 3,9 lần cùng kỳ năm 2023.

- Trong tháng 01/2024 (tính từ ngày 17/12/2023 đến ngày 16/01/2024), theo báo cáo từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được các Cục Thống kê tổng hợp, các cơ quan chức năng đã phát hiện 3.443 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 2.952 vụ với tổng số tiền phạt 26,1 tỷ đồng, tăng 49,5% so với tháng 12/2023 và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong tháng 01/2024, trên địa bàn cả nước xảy ra 376 vụ cháy, nổ, làm 5 người chết và 1 người bị thương, thiệt hại ước tính 19,5 tỷ đồng, gấp 4,6 lần tháng trước và gấp 2,7 lần cùng kỳ năm trước./.

(Trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng Một năm 2024 - TCTK)

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG MỘT NĂM 2024



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2024 SO VỚI		
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 01 năm 2023	Tháng 12 năm 2023
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	114,14	103,37	100,31
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	118,26	102,31	100,21
1 - Lương thực	131,54	115,63	101,74
2 - Thực phẩm	114,62	99,66	99,91
3 - Ăn uống ngoài gia đình	122,08	103,60	100,30
II, Đồ uống và thuốc lá	111,70	101,70	100,38
III, May mặc, mũ nón, giày dép	107,50	101,39	100,22
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	117,80	106,39	100,56
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,16	101,14	100,14
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	109,92	106,52	101,02
Trong đó: Dịch vụ y tế	110,93	108,23	101,31
VII, Giao thông	109,12	101,58	100,41
VIII, Bưu chính, viễn thông	96,36	98,59	99,95
IX, Giáo dục	124,67	108,39	99,88
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	125,98	108,90	99,85
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	105,06	100,90	100,11
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	115,84	105,79	100,40
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	169,08	115,43	102,55
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,64	103,69	100,52

(*) Nhóm này bao gồm: Tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



NĂM 2024

KINH TẾ VIỆT NAM ĐÓN LỰC VỀ ĐÍCH

Bích Ngọc

Nhìn lại năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng trên một số lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tăng trưởng kinh tế từng bước phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, GDP cả năm ước đạt 5,05%, tuy không đạt mục tiêu đề ra nhưng thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Mức tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam cũng cao hơn so với dự báo tăng trưởng 5,2% của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), 4,7% của Ngân hàng thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế trong những dự báo cuối cùng trong năm vừa qua.

Năm 2023 là một năm đầy thách thức đối với các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái do chịu tác động từ nhiều yếu tố tiêu cực như: Biến động chính trị, tình trạng lạm phát neo ở mức cao, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu sụt giảm... Tương chừng như suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ là một cú sốc lớn đối với Việt Nam - một nền kinh tế có độ mở lớn, song nước ta vẫn vững vàng vượt qua những khó khăn và duy trì được tốc độ tăng trưởng cùng một số điểm sáng kinh tế nổi bật.

Trong bức tranh kinh tế chung, cả 3 khu vực có bước phát triển tốt, trong đó khu vực nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong hơn 10 năm qua, sản xuất công nghiệp và ngành dịch vụ có dấu hiệu phục hồi trong những tháng cuối năm. Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực, vốn FDI thực hiện đạt 23,18 tỷ USD, cao nhất từ năm 2019 đến nay. Môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh được cải thiện. Bên cạnh đó, các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, toàn bộ các chỉ tiêu về xã hội đều đạt và vượt so kế hoạch đề ra. Các chính sách người có công, bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp được thực hiện đầy đủ, kịp thời;

đời sống Nhân dân được nâng lên. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quốc tế đánh giá cao với tỉ lệ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều ước khoảng 3,2%.

Những kết quả trên đã chứng tỏ sức chống chịu bền bỉ của nền kinh tế Việt Nam. Đây cũng là lý do khiến nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới. Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ (từ mức BB), với triển vọng “Ổn định”. Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 431 tỷ USD, tăng 1 bậc lên thứ 32/100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

Có thể nói, những kết quả trên là nền tảng để Việt Nam tự tin bước sang năm 2024 với kỳ vọng nền kinh tế khởi sắc. Năm 2024 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để Việt Nam tăng tốc, bứt phá thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Đây cũng là năm không mấy dễ dàng khi chúng ta vừa phải thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên với yêu cầu cao hơn, chỉ tiêu lớn hơn năm 2023; vừa giải quyết các công việc tồn đọng kéo dài nhiều năm, nhiều nhiệm kỳ, các vấn đề còn ngên về chính sách và tổ chức thực hiện; đồng thời vừa phải cẩn trọng đối phó, phản ứng nhanh với các vấn đề, diễn biến mới được cho là tiếp tục khó khăn, thậm chí là có thể khó khăn hơn năm 2023. Đó là các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam như: Cục diện thế giới tiếp tục chuyển động theo xu hướng “đa cực, đa trung tâm”; các nước lớn điều chỉnh chiến lược linh hoạt, phức tạp hơn, vừa hợp tác,

thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế gay gắt lẫn nhau. Hậu quả của đại dịch Covid-19 vẫn còn dai dẳng. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, tăng lãi suất kéo dài ở nhiều quốc gia. Khả năng phục hồi của kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng...

Do đó, ngay từ đầu năm, Chính phủ đã thống nhất chủ đề điều hành của năm 2024 là 16 chữ vàng với 4 thông điệp hành động là: “Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo và hiệu quả bền vững” với tinh thần “Năm quyết tâm”: (i) Quyết tâm tháo gỡ khó khăn, vượt qua mọi thách thức trong các lĩnh vực; (ii) Quyết tâm thực hiện không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm; (iii) Quyết tâm bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, Nhân dân được thụ hưởng thật; (iv) Quyết tâm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm người dân, doanh nghiệp được hưởng các chế độ, chính sách và thành quả mang lại; (v) Quyết tâm nỗ lực phấn đấu cao nhất để đạt kết quả tốt nhất trong năm 2024.

Tại Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chính phủ thống nhất quan điểm, định hướng chỉ đạo

điều hành cho năm tới là: Quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, trong đó nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, kết hợp với ngoại lực là quan trọng, cần thiết, đột phá, thường xuyên. Tập trung chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chính sách. Bám sát tình hình thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường phân cấp, phân quyền; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phát triển văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Bảo đảm ổn định chính trị, xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển nhanh, bền vững.

Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức, giữ vững tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, chủ động thích ứng, linh hoạt, hành động quyết liệt, khoa học, hiệu quả, tích cực đổi mới, sáng tạo,



tập trung thực hiện 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Một là, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

Hai là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh.

Ba là, đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, cảng hàng không, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục...

Bốn là, tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường năng lực nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả; làm mới các động lực tăng trưởng cũ và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới.

Năm là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, chip và chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp.

Sáu là, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách

xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Bảy là, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Tám là, thúc đẩy phát triển liên kết vùng, Hội đồng vùng hoạt động có hiệu quả, thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị.

Chín là, tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Mười là, tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Không để Đảng, Nhà nước bị động, bất ngờ về chiến lược.

Mười một, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

Mười hai, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

Căn cứ chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã được Quốc hội thông qua, Chính phủ cũng xây dựng

2 kịch bản tăng trưởng GDP, tương ứng với GDP tăng trưởng lần lượt là 6% và 6,5%.

Kịch bản 1: Để đạt mức tăng trưởng GDP cả năm 6%, tăng trưởng GDP quý I phải đạt 5,2%, quý II đạt 5,8%, tăng trưởng GDP 6 tháng đạt 5,5%, tăng trưởng GDP quý III đạt 6,2%, tăng trưởng GDP 9 tháng đạt 5,7%, tăng trưởng quý IV đạt 6,5%.

Kịch bản 2: Để đạt mức tăng trưởng GDP cả năm 6,5%, tăng trưởng GDP quý I phải đạt 5,6%, quý II đạt 6,2%, tăng trưởng GDP 6 tháng đạt 6,0%, tăng trưởng GDP quý III đạt 6,7%, tăng trưởng GDP 9 tháng đạt 6,2%, tăng trưởng quý IV đạt 7%.

Để đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu cả hệ thống chính trị cùng tháo gỡ vướng mắc phát sinh, vượt qua khó khăn, thách thức; nỗ lực cao nhất để hoàn thành toàn diện các mục tiêu. Các địa phương tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 3 chương trình mục tiêu quốc gia, quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Chú trọng nâng cao tính tự lực, tự cường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của các cấp chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cũng ngay những ngày đầu năm mới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, nhằm cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường kinh doanh để phù hợp với bối cảnh và xu thế phát triển, nhằm nâng cao vị thế của nước ta trên các bảng xếp hạng quốc tế.

(Xem tiếp trang 27)

Du lịch Việt Nam

KỶ VỌNG BỨT PHÁ MẠNH MẼ TRONG NĂM 2024

ThS. Trần Thanh Tùng
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Năm 2023, với sự tăng trưởng mạnh mẽ, ngành du lịch Việt Nam gần như đã phục hồi như trước đại dịch, và những dấu hiệu khởi sắc đang đem tới kỳ vọng sẽ bứt phá trong năm 2024.

Du lịch một năm đạt nhiều kết quả tích cực

Bằng việc thực hiện bài bản, quy củ các chính sách kích cầu du lịch, ngay từ đầu năm 2023, du lịch Việt Nam đã có những dấu hiệu khởi sắc và tiếp tục đà phục hồi của năm 2022. Theo đó, sức hấp dẫn của thiên nhiên, văn hóa, ẩm thực và con người Việt Nam tạo được lan tỏa lớn từ những giải thưởng du lịch quốc tế uy tín và từ gợi ý của các hãng truyền thông, chuyên trang du lịch quốc tế lớn. Điều này đã thu hút sự quan tâm của du khách quốc tế đối với du lịch Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu đặt ra 8 triệu khách

quốc tế. Trong tổng số 12,6 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam năm 2023, khách đến bằng đường hàng không đạt gần 11 triệu lượt người, chiếm 86,9% số lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 3,3 lần năm 2022; bằng đường bộ đạt 1,5 triệu lượt người, chiếm 12,1% và gấp 4 lần; bằng đường biển đạt 126,1 nghìn lượt người, chiếm 1% và gấp 40,2 lần.

Doanh thu du lịch lữ hành năm 2023 ước đạt 37,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và tăng 52,5% so với năm 2022, các địa phương đã tích cực triển khai nhiều sản phẩm du lịch, hoạt động văn hóa, thể thao nhằm kích cầu du lịch. Doanh thu của một số địa phương cuối năm so năm 2022 như sau: Đà Nẵng tăng 133,8%;

Thành phố Hồ Chí Minh tăng 68%; Hà Nội tăng 47,5%; Hải Phòng tăng 41,9%; Cần Thơ tăng 29,1%.

Sự phục hồi nhanh của ngành du lịch cũng kéo theo doanh thu các ngành dịch vụ liên quan như dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng lên. Năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 673,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng mức và tăng 14,7% so với năm 2022. một số địa phương có tốc độ tăng khá như: Đà Nẵng tăng 33,9%; Cần Thơ tăng 28,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 28,3%; Hải Phòng tăng 13,1%; Hà Nội tăng 11,2%.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự vào cuộc mạnh mẽ, toàn diện của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Trong đó, Hiệp hội Du lịch

Việt Nam cùng các đơn vị trực thuộc và hiệp hội các tỉnh, thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến, quảng bá, truyền thông du lịch; nghiên cứu, xây dựng sản phẩm du lịch mới bên cạnh việc đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch phù hợp với xu thế, nhu cầu của khách du lịch... Một số sự kiện tiêu biểu như: Chương trình “Du lịch Việt Nam - Vietnam Traveller”; Lễ hội Bánh mì lần thứ nhất năm 2023; Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hà Nội 2023; Ngày hội Du lịch Đà Nẵng; Lễ hội Rạng danh văn hóa ẩm thực Việt...

Ngành du lịch Việt Nam cũng có nhiều thuận lợi khi hoạt động ngoại giao trong nước năm 2023 để lại dấu ấn về hình ảnh gần gũi của nguyên thủ các quốc gia khi đến với Việt Nam như: Hình ảnh Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng cùng Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk-yeol đi dạo quanh Hồ Gươm ở Thủ đô Hà Nội; Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng Belarus Roman Golovchenko tham quan Cột cờ Hà Nội và cùng chuyện trò bên tách cà phê nóng; Thủ tướng Phạm Minh Chính và Thủ tướng Hà Lan Mark Rutte cùng đạp xe trên các tuyến phố Hà Nội sau cuộc hội đàm tại trụ sở Chính phủ;... Những hình ảnh đó được quảng bá đến thế giới, cho thấy một Việt Nam an toàn, thân thiện và tươi đẹp. Qua khảo sát trên công cụ theo dõi xu hướng thị trường của Google cho thấy, lượng tìm kiếm về Việt Nam trong năm 2023 tăng hơn 75%, xếp thứ 6 thế giới và xếp trên các điểm đến nổi tiếng khác trong khu vực như: Thái Lan (10), Indonesia (11), Malaysia (12), Philippines (14). Ngoài ra, nhiều hãng truyền thông, chuyên trang du lịch quốc tế thường xuyên gợi ý cho du khách quốc tế về các điểm đến hấp dẫn của Việt Nam.

Năm 2023, Tổ chức giải thưởng du lịch thế giới World Travel Awards tôn vinh Việt Nam ở 19 hạng mục giải thưởng hàng đầu thế giới và 54 hạng mục giải thưởng hàng đầu châu Á. Trong đó, Việt Nam lần thứ 4 được vinh danh là “Điểm đến di sản hàng đầu thế giới”, lần thứ 5 liên tiếp là “Điểm đến hàng đầu châu Á”. Tại lễ trao Giải thưởng Du lịch Thế giới (World Travel Awards), Việt Nam được vinh danh là “Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới”; Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam vinh dự nhận danh hiệu “Cơ quan quản lý du lịch hàng đầu châu Á” lần thứ 4...

Du lịch Việt Nam kỳ vọng bứt phá mạnh mẽ trong năm 2024

Với kết quả đạt được trong năm 2023 và những tín hiệu khởi sắc ngay từ những ngày đầu năm mới 2024, khi các địa phương trên cả nước đón lượng khách du lịch lớn đến tham quan, nghỉ dưỡng đón chào năm mới, ngành du lịch Việt Nam kỳ vọng sẽ bứt phá mạnh mẽ trong năm nay.

Các hoạt động, sự kiện du lịch diễn ra sôi động trong cả nước đang tạo ra nội lực tăng trưởng và phục hồi cả hoạt động du lịch nội địa và quốc tế. Sản phẩm du lịch liên tục được làm mới, đa dạng, tăng sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cho du lịch Việt Nam. Hoạt động du lịch được các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội du lịch đẩy mạnh liên kết triển khai các hoạt động quảng bá, kích cầu du lịch.

Với sự phục hồi của hoạt động du lịch, các doanh nghiệp lữ hành quay trở lại thị trường và đăng ký mới tăng mạnh, số lượng hướng dẫn viên gia nhập thị trường lao động tăng thêm, cùng với đó là có nhiều cơ sở lưu trú du lịch cao cấp 4-5 sao được đưa vào hoạt động.

Theo Báo cáo của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, kỳ nghỉ Tết

Dương lịch 2024, công suất phòng trung bình tại các cơ sở lưu trú du lịch đạt gần 50%, tại một số trung tâm du lịch trên cả nước ghi nhận công suất cao hơn, khoảng 70%. Để đáp ứng nhu cầu tham quan, vui chơi nghỉ dưỡng của khách du lịch, các địa phương đã chủ động làm mới, xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng; đồng thời triển khai nhiều chương trình khuyến mại, gói dịch vụ đi kèm... nhằm thu hút và tăng chi tiêu, thời gian lưu trú của du khách.

Điểm nhấn ấn tượng trong dịp nghỉ Tết Dương lịch 2024 là các sản phẩm du lịch gắn với nét đặc trưng văn hóa của đồng bào dân tộc được tập trung đầu tư. Bên cạnh đó nhu cầu trải nghiệm văn hóa bản địa với các tour vùng cao đặc sắc của du khách cũng tăng lên. Các tour du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gần nhà được nhiều du khách ưu tiên lựa chọn. Tại các khu, điểm du lịch, nhiều sự kiện diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo lượng khách tham quan, trải nghiệm. Hoạt động kinh doanh du lịch tại các doanh nghiệp, cơ sở lưu trú du lịch diễn ra nhộn nhịp.

Bên cạnh đó, việc triển khai Nghị quyết số 127/NQ-CP, ngày 14/8/2023 của Chính phủ về việc áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ; các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử và Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ về ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid - 19” đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Tại một số địa bàn du lịch trọng điểm tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực, đặc biệt là khách tàu biển - dòng khách du lịch cao cấp.



Để kích cầu du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp để thu hút nhiều hơn lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Bên cạnh việc củng cố chất lượng các dịch vụ, điểm đến sau những tác động từ đại dịch, ngành du lịch phát triển những sản phẩm mới, sản phẩm theo hướng du lịch xanh đón dòng khách từ những thị trường có thu nhập cao.

Hướng tới mục tiêu phục hồi hoàn toàn hoạt động du lịch trên tất cả tiêu chí đã đạt được (năm 2019 trước dịch), năm 2024, Hiệp hội Du lịch Việt Nam kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp du lịch tiếp tục nỗ lực, quyết tâm đưa Việt Nam trở thành quốc gia có du lịch phát triển cao trong khu vực. Năm 2024, ngành du lịch đặt mục tiêu phấn đấu đón 17-18 triệu lượt khách quốc tế; phục vụ 110 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 840 nghìn tỷ đồng.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 nhấn mạnh quan điểm phải phát triển du lịch Việt Nam với định hướng bền vững và bao trùm trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch

Ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu năm 2025 phục hồi hoàn toàn như trước đại dịch. Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, có năng lực phát triển du lịch cao trên toàn cầu. Phấn đấu đón 18 triệu lượt khách quốc tế; 130 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng từ 8-9%/năm, đóng góp trực tiếp từ 6-8% trong GDP, tạo 5,5 triệu việc làm, trong đó khoảng 1,8 triệu việc làm trực tiếp.

cho các mục tiêu phát triển bền vững. Một số địa phương trong nước cũng đã ban hành những quy định riêng về phát triển du lịch xanh trên địa bàn. Nhiều địa phương, điểm đến đã tiên phong sáng tạo, phát triển xanh hóa như: Hướng những sản phẩm du lịch khai thác giá trị bản địa, cộng đồng, nông nghiệp, sản phẩm hữu cơ, rừng và khu bảo tồn... Qua đó, các mô hình du lịch xanh tiêu biểu đã được hình thành và

vận hành ở một số điểm đến, cơ sở lưu trú trên cả nước...

Đặc biệt, định hướng phát triển xuyên suốt của du lịch Việt Nam đã được xác định trong Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả bền vững với phương châm "Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện", thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới.

Theo đó, các cấp, các ngành, các địa phương và các hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch cần nghiêm túc thực hiện với phương châm "liên kết chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, hợp tác toàn diện"; Tiếp tục đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng logistics theo hướng tăng cường liên kết tỉnh, liên vùng, liên kết trong nước với quốc tế; Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch, bảo đảm đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và chất lượng, phù hợp với yêu cầu của cạnh tranh và hội nhập; Xây dựng các mô hình, sản phẩm du lịch mới, độc đáo trên cơ sở tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh; Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; Tăng cường quản lý môi trường du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa; Đẩy nhanh chuyển đổi số; Hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh ở Việt Nam./.



Chuyển đổi số năm 2024

ĐẦU TƯ HẠ TẦNG SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

ThS. Kiều Thị Tuấn

Học viện Ngân hàng

Hành trình chuyển đổi số quốc gia đã đi qua chặng đường 4 năm và được tiếp sức thêm bởi những điểm nhấn sắc nét của năm 2023. Năm 2024, chuyển đổi số tập trung vào phát triển kinh tế số với 4 trụ cột là công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số. Để tạo tiền đề cho kinh tế số phát triển, một trong những nội dung trọng tâm sẽ thực hiện là phổ cập hạ tầng số, phổ cập các thành tố nền tảng của chuyển đổi số, phát triển các ứng dụng số.

Những điểm nhấn sắc nét

Năm 2023, trọng tâm chuyển đổi số của Việt Nam là “Dữ liệu số, phát triển, kết nối, khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới” với quan điểm dữ liệu số là tài nguyên quốc gia, là nền tảng của sự phát triển. Theo đó, cả hệ thống chính trị đã tập trung thực hiện 5 nhiệm vụ chính là: Phát triển dữ liệu mở; Phát triển cơ sở dữ liệu; Phát triển các nền tảng số sử dụng thống nhất trên toàn quốc hoặc trong phạm vi mỗi địa phương;

Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử dựa trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, an toàn, bảo mật dữ liệu. Từ đó, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của các thành viên Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương; sự nỗ lực, chung tay đồng hành, ủng hộ và tham gia có hiệu quả của doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp công nghệ) và của người dân, chuyển đổi số quốc gia được đẩy mạnh theo hướng toàn dân, toàn diện, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước, tạo những nền tảng cơ bản trong tạo lập và chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước và tạo nền móng cho phát triển 3 trụ cột là chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Thứ hạng của Việt Nam trong nhiều bảng xếp hạng quốc tế

về chuyển đổi số được cải thiện đáng kể. Năm 2023, Việt Nam có chỉ số Đổi mới sáng tạo đứng thứ 46/132, tăng 2 bậc so với năm 2022 và liên tiếp duy trì trong nhóm 50 nước dẫn đầu từ năm 2018 đến nay (theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO). Chỉ số Bưu chính của Việt Nam đạt cấp độ 6/10, tăng 1 cấp độ so với năm 2021, đứng thứ 38 (theo Liên minh Bưu chính Thế giới). Bên cạnh đó, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số nhanh nhất khu vực Đông Nam Á trong 2 năm liên tiếp (2022, 2023). Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, kinh tế số năm 2023 đóng góp khoảng 12,33% GDP, trong đó ngành kinh tế số lõi (công nghiệp chế biến chế tạo; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô và xe có động cơ khác; thông tin truyền thông...) đóng góp 7,42% GDP, số hóa các ngành khác đóng góp 4,91%. Năm 2023, trong số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 5 tỉnh, thành phố có tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP trên 20%; 8 tỉnh, thành phố có tỷ trọng từ 10-20%; 48 tỉnh, thành phố có tỷ trọng từ 5-10% và chỉ có 2 tỉnh, thành phố có tỷ trọng này dưới 5%.

Bảng 1: Kết quả đo lường đóng góp giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP các năm 2020-2023

Đơn vị tính: %

	2020	2021	2022	2023
Tổng số	12,66	12,87	12,63	12,33
Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	0,05	0,05	0,05	0,05
Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	6,08	6,22	5,97	5,63
Khu vực dịch vụ	6,53	6,60	6,61	6,65

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Với chủ đề “Dữ liệu số, phát triển, kết nối, khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”, trong năm 2023, các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ; tạo tiện ích trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt, CSDL quốc gia về dân cư được đẩy mạnh, từng bước hình thành hệ sinh thái công dân số. Hoàn thành cấp 100% căn cước công dân gắn chip cho công dân đủ điều kiện; cấp trên 70 triệu tài khoản định danh điện tử. Bên cạnh đó, ứng dụng VneID được đẩy mạnh sử dụng, tích hợp dữ liệu đăng ký phương tiện, giấy phép lái xe, bảo hiểm y tế. Dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương được kết nối, chia sẻ, xác thực, làm sạch. Triển khai 38/53 dịch vụ công thiết yếu, giúp tiết kiệm hàng năm trên 2.500 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, thể chế, cơ chế, chính sách dần được hoàn thiện với nhiều văn bản Luật được thông qua (Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, Luật Viễn thông sửa đổi, Luật Căn cước) và nhiều nghị quyết, nghị định, chỉ thị được ban hành, tạo khuôn khổ cho chuyển đổi số quốc gia được triển khai tích cực, hiệu quả hơn. Tại các địa phương, có 50/63 tỉnh, thành phố ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Triển khai dịch vụ công trực tuyến cũng được đẩy mạnh, từng bước xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Đã có hơn 11,2 triệu tài khoản và hơn 35,4 triệu hồ sơ nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Xác định phát triển hạ tầng số là “xương sống” để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, do đó trong năm 2023, Việt Nam đã tập trung phát triển hạ tầng số và đạt nhiều kết quả tích cực. Gần 80% người dân Việt Nam sử dụng internet. Hiện đã phủ sóng di động tại 2.233/2.853 (chiếm 78%) điểm lồi sóng. Mạng di động 5G được thử nghiệm tại hơn 50 tỉnh, thành phố, giúp Việt Nam tăng tốc chuyển đổi số. Các trung tâm dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng ở cả khu vực công và tư. Chính phủ đã phê duyệt Đề án xây dựng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, 13 doanh nghiệp xây dựng 45 trung tâm dữ liệu.

Để chuyển đổi số thành công, an toàn thông tin là một trong những yếu tố đóng vai trò then chốt. Nội dung này càng quan trọng hơn khi các nền tảng số ngày càng thu thập được lượng lớn dữ liệu

quan trọng, bao gồm thông tin cá nhân, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như tài liệu nội bộ của các cơ quan nhà nước. Do đó, vấn đề an ninh mạng, an toàn thông tin ngày càng được coi trọng. Đến cuối năm 2023, có 65% hệ thống thông tin được xác nhận bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ; gần 4.800 trang web của cơ quan Nhà nước được đánh giá và dán nhãn tín nhiệm mạng.

Thêm vào đó, Việt Nam còn đạt được các thành tích ấn tượng, giành giải vô địch tại các cuộc thi quốc tế về an toàn thông tin ở cả cấp độ chuyên gia và cấp độ trẻ như: Cuộc thi tấn công mạng uy tín và lớn nhất thế giới Pwn2Own; Cuộc thi ASEAN Cyber Shield (phát hiện và nuôi dưỡng tài năng an ninh mạng ở ASEAN); cuộc thi Sinh viên với an toàn thông tin ASEAN.

Những kết quả trên đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành của các cấp, các ngành, các địa phương và hoạt động kinh tế, xã hội của người dân, doanh nghiệp; tạo những nền tảng cơ bản trong tạo lập và chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước, tạo nền móng cho phát triển cả 3 trụ cột là Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, qua đó góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Tuy vậy, bên cạnh đó cũng còn những tồn tại, hạn chế như: Việc xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách còn chậm so với yêu cầu phát triển. Nhiều thủ tục hành chính chưa được cắt giảm, đơn giản hóa. Chất lượng dịch vụ công trực tuyến còn chưa cao. Phát triển hạ tầng số còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Công tác bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, CSDL, bảo vệ dữ liệu cá nhân còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhân lực

số vừa thừa vừa thiếu, do đào tạo số lượng lớn nhưng chưa bảo đảm chất lượng...

Năm 2024, phổ cập hạ tầng số để phát triển kinh tế số

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đã đi qua 4 năm với các giai đoạn khác nhau, chuyển đổi số quốc gia được đánh giá là đã đến lúc và đã đủ điều kiện để gắn với nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế số là một động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng, đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong GDP cả nước và tăng năng suất lao động - vốn là chỉ tiêu chưa được cải thiện đáng kể trong nhiều năm nay. Do đó, chủ đề chuyển đổi số năm 2024 được xác định là: Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Từ chủ đề năm 2024, Chính phủ yêu cầu cần có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và nỗ lực đột phá vượt lên trong phát triển kinh tế số ngang tầm quốc tế, khu vực. Phát huy tính chủ động,

sáng tạo; huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và cộng đồng doanh nghiệp để phát triển kinh tế số. Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tận dụng mọi nguồn lực nhằm phát triển mạnh mẽ hạ tầng số, ứng dụng số, dữ liệu số đồng bộ, hiện đại, có tính liên thông, kết nối cao làm cơ sở cho phát triển thương mại điện tử, dịch vụ số thuận tiện, chất lượng cao, chi phí hợp lý.

Là nội dung trọng tâm của chuyển đổi số năm 2024, phát triển kinh tế số cần lấy tri thức và dữ liệu số làm yếu tố sản xuất chủ yếu, công nghệ số làm động lực cốt lõi và hạ tầng số hiện đại làm nền tảng quan trọng để đẩy nhanh công cuộc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và mô hình quản trị văn minh, hiện đại, thực hiện khát vọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chính phủ giao nhiệm vụ Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, các bộ, ngành, địa phương khẩn trương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 và tổ chức triển khai thực hiện chủ đề của năm. Thực hiện nhiệm vụ này, trong tháng Một, các bộ, ngành và địa phương đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, nhằm tăng cường

ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Nhà nước, sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung nhằm tạo bước chuyển mới trong chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, Chính phủ yêu cầu cầu đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách cho chuyển đổi số quốc gia với phương châm một văn bản điều chỉnh nhiều văn bản, áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.

Về đẩy mạnh số hóa các ngành kinh tế, Chính phủ yêu cầu thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực, phát triển ngành nông nghiệp bền vững, tập trung vào cải thiện năng suất, hiệu quả sản xuất, tối ưu hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải... Đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tập trung vào số hóa, tự động hóa và quản trị số hướng tới áp dụng mô hình nhà máy thông minh nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh sản phẩm, giảm phát thải... từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Ngành điện, năng lượng tập trung quản trị số, quản trị thông minh, điều hành thông minh như Hệ thống lưới điện thông minh, an ninh an toàn hệ thống điện. Đối với ngành xây dựng, cần tăng năng suất (tự động hóa quy trình xây dựng); quản lý dự án hiệu quả hơn; tối ưu hóa thiết kế; tăng tính linh hoạt; giảm thất thoát và lãng phí; cải thiện an toàn lao động; quản lý tài chính hiệu quả... Trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và quản trị số để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải, hình thành khu công nghiệp xanh, sinh thái...

Chương trình chuyển đổi số quốc gia ở nước ta đã triển khai được 4 năm. Năm đầu tiên 2020 là năm khởi động chuyển đổi số quốc gia. Năm 2021 là năm tổng diễn tập chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc để phòng chống Covid-19. Năm 2022 là năm "tổng tiến công" với sự phát triển của các nền tảng số dùng chung quốc gia của Việt Nam. Năm 2023 là năm dữ liệu số. Năm 2024 sẽ là năm phổ cập hạ tầng số, phổ cập các thành tố nền tảng của chuyển đổi số, phát triển các ứng dụng số để phát triển kinh tế số, tạo ra động lực mới để tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động.

Để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, Thủ tướng còn giao nhiệm vụ nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nhất là 53 dịch vụ công thiết yếu, nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến, số hóa kết quả, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số quốc gia, tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; khẩn trương nâng cấp đường trục quốc gia để sớm thương mại hóa 5G trong năm 2024; huy động nguồn lực, hợp tác công tư, tranh thủ nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng, xóa vùng lõm sóng di động trên phạm vi toàn quốc; phấn đấu 100% thôn, bản được cung cấp cáp quang...

Cùng với đó, triển khai hiệu quả và phát triển các nền tảng số, ứng dụng số, dịch vụ số, tập trung phát triển và đẩy mạnh phát triển nền tảng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, ứng dụng công dân số VNeID, ứng dụng thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số cá nhân, đặc biệt là thuế, phí, lệ phí... Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; khẩn trương khắc phục những lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số, nhất là hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để tạo tiền đề cho kinh tế số phát triển theo chủ đề của năm, tạo động lực mới để tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định một trong những vấn đề trọng tâm sẽ thực hiện trong năm 2024 là phổ cập hạ tầng số, phổ cập các thành tố nền tảng của chuyển đổi số, phát triển các ứng dụng số. Hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông, hạ tầng IoT, hạ tầng tính toán, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng cung cấp công nghệ số như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng. Hạ tầng số sẽ được ưu tiên đầu tư, hiện đại hoá và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Chuyển đổi số vừa là mục tiêu vừa là động lực, ở mặt trận đó có cả thời cơ, thuận lợi đan xen lẫn khó khăn, thách thức. Mỗi bước thành công trong chuyển đổi số là hành trang quan trọng để Việt Nam tiếp tục nắm bắt, tận dụng cơ hội, hóa giải thách thức, vững vàng đi đến đích trở thành quốc gia số của hành trình chuyển đổi số quốc gia tầm nhìn đến năm 2030./.

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu và là mục tiêu hàng đầu mà các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đều đang hướng tới. Mục tiêu phát triển của các nước trong bối cảnh hiện nay không chỉ quan tâm vào phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu của người dân mà còn phải đảm bảo không gây tổn hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai.

Việt Nam thúc đẩy chuyển dịch xanh bao trùm

Là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, vì vậy nhằm hướng đến phát triển bền vững Việt Nam sớm tiếp cận với các mô hình tăng trưởng xanh (TTX).

Theo đó, chuyển dịch xanh được Đảng và Nhà nước quan tâm thông qua việc ban hành khung khổ pháp lý, xây dựng chiến lược và có kế hoạch hành động quốc gia. Cụ thể, Quốc hội đã ban hành mới, bổ sung, sửa đổi một số luật liên quan đến TTX như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Khí tượng thủy văn và một số văn bản pháp quy mới đã được xây dựng. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg, ngày 25/9/2012 phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050"; Quyết định số 1658/QĐ-TTg, ngày 1/10/2021 phê duyệt "Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050" đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển xanh, bền vững. Để cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về TTX, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030. Trong đó, Việt Nam xác định rõ mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế; giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; xanh hóa quá trình chuyển dịch trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Kết quả sau hơn 10 năm triển khai, Chiến lược TTX (kể từ năm 2012), Việt Nam đã đạt được những bước tiến



VÌ MỘT THẾ GIỚI XANH

VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trang Nguyễn

quan trọng. Theo đó, nhận thức của nhân dân, cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của TTX đã được nâng lên rõ rệt, từng bước thay đổi hành vi sản xuất, sinh hoạt và có nhiều hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện TTX; xuất hiện nhiều mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên; cảnh quan, môi trường sống của người dân ngày càng thay đổi theo hướng tích cực hơn, đặc biệt là tại các xã nông thôn mới.

Một số mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chính của Chiến lược TTX thời kỳ 2011 - 2020 đã đạt được kết quả khả quan như: Các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được triển khai rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng giảm 12,9% so với phương án phát triển bình thường; tiêu hao năng lượng tính trên GDP giảm bình quân 1,8%/năm; tỷ lệ năng lượng tiết kiệm của Việt Nam đạt 5,65%, tương đương với tổng năng lượng tiết kiệm được gần 11,3 triệu tấn dầu quy đổi (TOE) trong giai đoạn 2011 - 2015. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp có nhận thức về sản xuất sạch hơn đã tăng từ 28% năm 2010 lên 46,9% năm 2020; tỷ lệ

che phủ rừng năm 2020 đạt 42%. Hoạt động xanh hóa sản xuất, bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm đã được chú trọng tạo làn sóng về đầu tư xanh như:

Năng lượng gió, mặt trời, năng lượng tái tạo...

Việt Nam vì một thế giới xanh

Việt Nam ủng hộ và luôn đồng hành cùng Liên Hợp Quốc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, là một trong số ít các quốc gia

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn 2050

Một số mục tiêu cụ thể:

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP

Mục tiêu đến năm 2030: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014.

Mục tiêu đến năm 2050: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014.

Xanh hóa các ngành kinh tế

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20%; kinh tế số đạt 30% GDP; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; ít nhất 30% tổng diện tích cây trồng cận có tươi được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2050: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân mỗi giai đoạn (10 năm) giảm 1,0%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 25 - 30%; phần đầu kinh tế số đạt 50% GDP; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%; ít nhất 60% tổng diện tích cây trồng cận có tươi được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

đang phát triển tuyên bố nỗ lực để đạt được mục tiêu đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050, loại bỏ điện than trong giai đoạn 2030 - 2040.

Với tinh thần hành động vì Trái Đất xanh và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế tại COP26, Việt Nam đã cùng 147 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào giữa thế kỷ; cùng với 103 quốc gia tham gia Cam kết giảm phát thải khí methanol toàn cầu; cùng 140 quốc gia tham gia Tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất; cùng 48 quốc gia tham gia Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch; cùng 150 quốc gia tham gia Liên minh hành động thích ứng toàn cầu.

Tích cực triển khai thực hiện các cam kết quốc tế, Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động thực hiện nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Theo đó, với sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia đã triển khai thực hiện cam kết; các Bộ, ngành, cơ quan liên quan đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều đề án, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hành động. Lãnh đạo Chính phủ và lãnh đạo các Bộ, ngành cũng đã làm việc với lãnh đạo của các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các định chế tài chính quốc tế để thúc đẩy tiếp cận các nguồn lực tài chính, tri thức và công nghệ, mở ra nhiều cơ hội hợp tác phát triển, hướng tới chuyển đổi xanh, phát thải carbon thấp.

Các Bộ có đối tượng phải giảm phát thải khí nhà kính như: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường,

Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang tổ chức xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực. Đơn cử, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện và công bố Báo cáo tiềm năng năng lượng gió, sóng ngoài khơi tại các vùng biển phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, các dự án điện gió ngoài khơi; phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện Đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thành Đề án triển khai Tuyên bố JETP... Về phía Bộ Công Thương, đã xây dựng chương trình giảm sử dụng năng lượng hóa thạch trong ngành năng lượng, lồng ghép vào Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng quốc gia; dự thảo cơ chế xác định giá bán điện gió và điện mặt trời thực hiện theo cơ chế thị trường... Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và ban hành Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính (bao gồm khí methanol) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Kế hoạch triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất; rà soát các dự án trao đổi tín chỉ carbon rừng thực hiện các sáng kiến đã tham gia tại COP26. Đặc biệt, Bộ đã triển khai Thỏa thuận chi trả/mua bán giảm phát thải khí nhà kính (ERPA) từ rừng vùng Bắc Trung Bộ... Bộ Giao thông vận tải đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí methanol của ngành Giao thông vận tải; xây dựng cơ chế, chính sách và lộ trình phát triển phương tiện giao thông điện (E-mobility) cấp quốc gia và thành phố...

Cùng với các Bộ, ngành, các địa phương cũng đã vào cuộc tổ chức quán triệt các cam kết COP26; triển khai các chiến lược, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tổ chức đồn đốc, hướng dẫn các cơ sở trên địa bàn thuộc đối tượng phải kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch, lộ trình giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh; rà soát, cập nhật danh mục cơ sở trên địa bàn.

Một số địa phương đã chủ động thực hiện các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng đề án thí điểm trao đổi tín chỉ carbon rừng (Quảng Nam, Sơn La, Lào Cai...). Nhiều địa phương đã thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp; kêu gọi đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời, điện gió trên địa bàn.

Các doanh nghiệp, trong đó có nhiều tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đã có những hành động đồng hành cùng Chính phủ, triển khai nghiên cứu và giảm dần các nguồn năng lượng hóa thạch, xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính.

Ngoài ra, Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng về rừng, việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng không chỉ góp phần quan trọng bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu vì một thế giới xanh, rừng còn mang lại lợi ích kinh tế thiết thực của Việt Nam thông qua việc vận hành thị trường tín chỉ carbon. Theo lộ trình, sàn giao dịch tín chỉ carbon của Việt Nam sẽ chính thức vận hành vào năm 2028 sau khi hoàn thiện các quy định cho hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới./



Chấn hưng và phát triển văn hóa TRONG THỜI KỲ MỚI

ThS. Lê Thị Thu Trang
Trường Đại học Lao động Xã hội

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề cập một cách toàn diện và sâu sắc đến lĩnh vực văn hóa, từ chủ đề Đại hội đến các quan điểm, mục tiêu, định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Những quan điểm, chủ trương sâu sắc và toàn diện đó là đường hướng để toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

Văn hóa là động lực và nguồn lực quan trọng của đất nước

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa đa dạng, đặc sắc. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, văn hóa dân tộc luôn là thành tố quan trọng góp phần làm nên những kỳ tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ rất sớm, Đảng và Nhà nước đã nhìn nhận vai trò quan trọng của văn hóa. Ngay từ những ngày đầu lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra rằng văn hóa phải “soi đường cho quốc dân đi”.

Bước vào thời kỳ đổi mới, vấn đề này được Đảng ta đặc biệt chú trọng. Tại Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” Đảng ta nêu rõ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội”.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, khẳng định đây là một trong những vấn đề cơ bản của đất nước trong giai đoạn mới. Muốn phát triển bền vững đất nước, không chỉ văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội, mà phải

xây dựng và phát triển văn hóa, con người nhằm tạo sức mạnh nội sinh cho sự phát triển bền vững...

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa”.

Sau 35 năm đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, tháng 11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp tục khẳng định về những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực văn hóa. Đó là: Nhận thức về văn hoá ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn trên các lĩnh vực, các loại hình; các sản phẩm văn hoá ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu mới, nhiều mặt của xã hội; Nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển; Văn hoá trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả, tích cực; Công nghiệp văn hoá và thị trường văn hoá

có bước khởi sắc; Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới; Xây dựng con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hoá, lối sống được chú trọng; Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã được biểu dương, lan toả vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hoá nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung...

Trên cơ sở những thành tựu đạt được, Tổng Bí thư nhấn mạnh, cần phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng nền văn hóa dân tộc bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước.

Đứng trước những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng Việt Nam là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng

“tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi”, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Đảng cũng nhấn mạnh vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế” và “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”.

Trong thời đại ngày nay, sức mạnh văn hóa cũng như năng lực cạnh tranh về văn hóa của các quốc gia chủ yếu thể hiện ở ba khía cạnh sau:

Một là, khả năng đổi mới văn hóa. So với đổi mới trên các lĩnh vực khác, đổi mới văn hóa có ý nghĩa đặc biệt hơn, trong đó sáng tạo là “lẽ sống” của văn hóa; sản phẩm văn hóa có cạnh tranh được hay không phụ thuộc chủ yếu vào năng lực đổi mới văn hóa.

Hai là, gia tăng hàm lượng công nghệ của công nghiệp văn hóa. Sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa là kết hợp giữa công nghệ, thị trường và văn hóa. Sự cạnh tranh trong công nghiệp văn hóa ngày càng biểu hiện rõ ở cạnh tranh về sức mạnh công nghệ. Chỉ bằng cách phát triển mạnh mẽ công nghệ cao và các ngành liên quan, thúc đẩy sự kết hợp của các ngành công nghiệp văn hóa và công nghệ thông tin, công nghệ cao mới có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp văn hóa nói riêng và sức mạnh văn hóa dân tộc nói chung.

Ba là, nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc thúc đẩy đổi mới văn hóa, ứng dụng công nghệ cao để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa không thể tách rời nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, điểm cơ bản của nâng cao năng lực cạnh tranh về văn hóa và tăng sức mạnh văn hóa dân tộc nằm ở việc xây dựng một nguồn nhân lực thực sự có chất lượng

cho sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện trong văn hóa

Chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới là sứ mệnh vô cùng vẻ vang nhưng rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm đảm bảo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng và phát triển văn hóa từ Trung ương tới cơ sở, đồng thời, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa. Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phải nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa và trên cơ sở đó xây dựng các chương trình kế hoạch thực hiện.

Nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa được kỳ vọng sẽ giải quyết các vấn đề thực tiễn cấp bách của văn hóa trong thời kỳ mới.

Việc xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa nhằm tạo ra sự chuyển biến căn bản, to lớn trong sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam; đồng thời, tạo động lực để khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, xây dựng một nền văn hóa vì hạnh phúc của Nhân dân.

Đến năm 2030, việc sử dụng nguồn kinh phí từ Chương trình sẽ hướng đến mục tiêu 100% đơn vị



hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, cấp huyện, cấp xã có Trung tâm văn hóa - thể thao; 95% di tích quốc gia đặc biệt và khoảng 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo; ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa; hằng năm có khoảng 20-30 tác phẩm, công trình văn hóa, văn học nghệ thuật về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước; tin học hóa 100% các đơn vị thực hiện hoạt động văn hóa; các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP; đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm.

Tầm nhìn đến năm 2035, Chương trình Mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phấn đấu 100% thư viện được bảo đảm điều kiện hoạt động, 100% công chức, viên chức thuộc đơn vị công lập được đào tạo, nâng cao về chuyên môn, 100% các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật được trang bị đầy đủ, đồng bộ cơ sở vật chất, có 5 trường đại học và 2 viện nghiên cứu được đầu tư trở thành cơ sở trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực: Âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh và văn hóa ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Với những mục tiêu cụ thể, chương trình hành động được đánh giá là sẽ mang lại hiệu quả tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong Chiến lược phát triển văn hóa của Chính phủ đề ra. Đầu tư cho xây dựng các cơ sở hạ tầng văn hóa một cách đồng bộ chính là cơ sở quan trọng, cần thiết để gìn giữ, khai thác, phát triển văn hóa trong thời kỳ mới, góp phần chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./.

NĂM 2024: KINH TẾ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 15)

Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; tăng số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; giảm chi phí đầu vào và chi phí tuân thủ pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; giảm rủi ro chính sách; củng cố niềm tin, tạo điểm tựa phục hồi và nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp.

Nghị quyết số 02/NQ-CP đặt mục tiêu cụ thể cho năm 2024 là tăng số doanh nghiệp gia nhập thị trường (thành lập mới và quay trở lại hoạt động) ít nhất 10%; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2024 tăng dưới 10% so với năm 2023. Đồng thời nâng xếp hạng nhóm chỉ số Hạ tầng công nghệ thông tin lên ít nhất 3 bậc, chỉ số Chất lượng môi trường tăng lên ít nhất 10 bậc và chỉ số Xuất khẩu dịch vụ ICT lên ít nhất 5 bậc cùng hàng loạt các chỉ số khác như: Chỉ số Đăng ký tài sản trong xếp hạng Quyền tài sản của Liên minh quyền tài sản lên ít nhất 2 bậc; Chỉ số Thủ tục thông quan trong xếp hạng Hiệu quả logistics của Ngân hàng thế giới lên ít nhất 0,2 điểm; Nhóm chỉ số Mức độ ưu tiên cho du lịch và lữ hành lên ít nhất 5 bậc; Nhóm chỉ số Hạ tầng dịch vụ du lịch lên ít nhất 3 bậc. Từ đó tạo xung lực mới để Việt Nam tăng tốc trong năm 2024.

Có thể thấy, nhiệm vụ đặt ra cho năm 2024 là rất nặng nề, song kỳ vọng Việt Nam hoàn thành các mục tiêu đặt ra, bởi các dấu hiệu lạc quan đến từ nội tại nền kinh tế trong nước và những triển vọng kinh tế thế giới. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, dù các tổ chức quốc tế như IMF, WB, OECD... đều hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 xuống thấp hơn so với năm 2023, tăng khoảng 2,4-2,9% nhưng có điểm tích cực là lãi suất sẽ giảm, lạm phát ở các nền kinh tế lớn bắt đầu hạ nhiệt, qua đó sẽ kích thích đầu tư và tiêu dùng thế giới tăng dần trở lại. Điều này kéo theo tăng lượng đơn hàng xuất khẩu, tạo động lực cho ngành công nghiệp trong nước bứt phá mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh đó, trong nội tại nền kinh tế Việt Nam, dòng vốn FDI tăng từ cuối năm 2023 cùng các chính sách tài khóa tiếp tục được thực hiện trong năm 2024 kỳ vọng hạ lãi suất cho vay, giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp..., từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phục hồi kinh tế cả nước.

Tin tưởng rằng, với việc thực thi một cách đầy đủ, quyết liệt và nhanh chóng thông điệp hành động của Chính phủ cùng quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, Việt Nam sẽ nắm bắt tốt các cơ hội, tiếp tục vững vàng vượt qua những khó khăn để tăng tốc thành công trong năm 2024, góp phần hoàn thành cao nhất các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025, tạo nền tảng vững chắc để hướng tới hoàn thành các mục tiêu phát triển đến năm 2030./.

CẢI THIỆN CHÍNH SÁCH ĐỂ ỨNG PHÓ VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ TỪ GÓC NHÌN CHUYÊN GIA

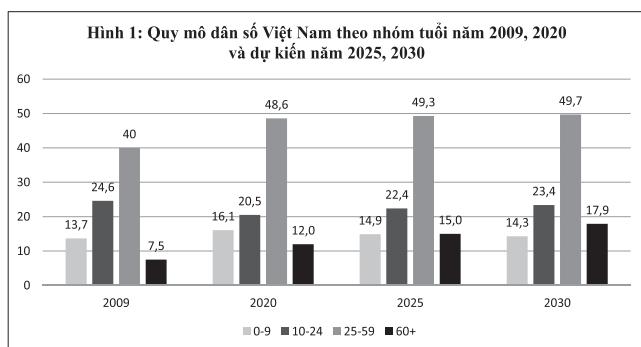
Phạm Hoài Nam

Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động - TCTK

Mặc dù đang trong thời kỳ “dân số vàng”, tuy nhiên già hóa dân số đã và đang trở thành một trong những vấn đề Việt Nam phải đối mặt trong hiện tại và cả tương lai về sau. Chính vì vậy, Việt Nam cần có sự chuẩn bị để thích ứng với tình trạng già hóa dân số nhằm đảm bảo sự tiến bộ xã hội và hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

Chuyển dịch nhân khẩu học theo hướng già hóa dân số

Theo các chuyên gia trong nước và thế giới, Việt Nam đã và đang trải qua giai đoạn chuyển dịch nhân khẩu học một cách mạnh mẽ với các đặc trưng cơ bản như: Mức sinh đã giảm mạnh và duy trì quanh mức sinh thay thế trong những năm trở lại đây. Trong khi đó, sự tiến bộ trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe và điều kiện sống của người dân ngày càng nâng lên đã góp phần làm giảm nguy cơ tử vong và tăng tuổi thọ của người dân. Những yếu tố trên có tác động làm thay đổi cơ cấu dân số theo hướng số lượng và tỷ trọng dân số trẻ giảm, đồng thời số lượng và tỷ trọng người già tăng lên, dẫn đến hiện tượng già hóa dân số.



Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê

Tổng cục Thống kê đã có các cuộc điều tra, tổng điều tra, nghiên cứu về tình trạng già hóa dân số của Việt Nam trong nhiều năm qua, các kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng già hóa dân số bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam năm 2011, sớm hơn khoảng 6 năm so với dự kiến. Báo cáo “Tổng quan Tài khoản chuyển nhượng quốc gia Việt Nam giai đoạn 2018-2022” (TKCNQG) do Tổng cục Thống kê phối hợp với Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNDP) nghiên cứu và biên soạn

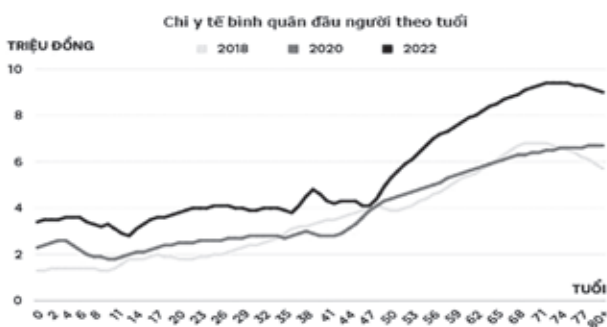
đã chỉ ra rằng, quy mô dân số Việt Nam vẫn tiếp tục tăng nhưng với tốc độ giảm dần. Dự báo thời kỳ dân số vàng của đất nước sẽ kết thúc trong khoảng 15 năm tới; Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già từ năm 2036 và dân số siêu già từ năm 2056.

Các số liệu từ kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019 của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, dân số Việt Nam đang già hóa với tốc độ rất nhanh. Tỷ trọng dân số cao tuổi từ 8,0% tổng số dân Việt Nam năm 1999 đã tăng lên 11,9% vào năm 2019 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên 17,0% vào năm 2030. Chỉ số già hóa cũng tăng mạnh từ 24,2% năm 1999 lên 35,5% năm 2009, đạt 48,8% năm 2019 và còn tăng mạnh ở những năm tiếp theo. Tỷ số giữa dân số trên 60 tuổi so với dân số từ 15-59 tuổi (tỷ số phụ thuộc) dự kiến sẽ tăng từ 18,6% năm 2019 lên 44,3% năm 2049 nếu không có sự can thiệp hay tác động nào.

Theo kết quả Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình (BĐDS&KHHGD) thời điểm 01/04/2021, Việt Nam vẫn trong thời kỳ già hóa dân số. Giai đoạn 2019-2021, tổng dân số Việt Nam tăng thêm 2,07 triệu người (từ 96,21 triệu lên 98,28 triệu) thì dân số cao tuổi cũng tăng thêm 1,17 triệu người (từ 11,41 triệu lên 12,58 triệu, tương ứng với tăng từ 11,9% tổng dân số lên 12,80% tổng dân số). Trong số 12,58 triệu người cao tuổi, có 4,62 triệu người cao tuổi sống ở khu vực thành thị (chiếm 36,72%) và 7,96 triệu người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn (chiếm 63,28%). Theo giới tính, có 5,30 triệu nam giới (chiếm 42,18%) và 7,28 triệu phụ nữ (chiếm 57,82%). Theo dân tộc, có 11,29 triệu người dân tộc Kinh (chiếm 89,75%) và 1,29 triệu người dân tộc khác (chiếm 10,25%). Số người từ 65 tuổi trở lên ở Việt Nam là 7,8 triệu người, tăng gần 2,3 triệu người so với năm 2009. Dự báo, con số này có thể đạt gần 10 triệu người

vào năm 2025 và 12,6 triệu người vào năm 2030. Phần lớn người cao tuổi sống ở các khu vực nông thôn, tuy nhiên, do vấn đề di cư và đô thị hóa dẫn đến số người già ở khu vực thành thị tăng lên nhanh hơn so với khu vực nông thôn.

Già hóa dân số có liên quan và tác động tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là về y tế ở Việt Nam. Các vấn đề về phúc lợi của người cao tuổi như: Thu nhập, chi tiêu cho y tế, chi tiêu cho người già, chăm sóc sức khỏe... đang trở thành thách thức lớn đối với cộng đồng, xã hội, tác động đến phát triển bền vững kinh tế - xã hội không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới. Năm 2021, 16% người cao tuổi ở Việt Nam tự đánh giá sức khỏe ở mức “kém” hoặc “rất kém”. Có 11,70% người cao tuổi (tương đương với khoảng 1,47 triệu người) có ít nhất một khuyết tật về chức năng (nhìn; nghe; đi bộ hoặc bước lên cầu thang; ghi nhớ hoặc tập trung chú ý; và giao tiếp bằng ngôn ngữ thông thường). Gần 800 nghìn người cao tuổi rất khó khăn hoặc không thể thực hiện được ít nhất một trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày như: Ăn, mặc và cởi quần áo, tắm rửa, ngồi dậy khi đang nằm và tự đi vệ sinh mà cần có sự chăm sóc/hỗ trợ. Báo cáo TKCNQG cho thấy, tổng chi cho y tế của Việt Nam năm 2022 chiếm 5,0% GDP. Đáng nói là, từ 51-75 tuổi, cứ mỗi tuổi tăng thêm thì mức chi cho y tế tăng thêm khoảng 200-300 nghìn đồng/người/tháng; còn từ 75 tuổi trở lên cần mức chi cho y tế cao gấp 2,7 lần mức chi cho trẻ em dưới 15 tuổi. Như vậy, dân số ở độ tuổi càng cao thì nhu cầu chăm sóc sức khỏe càng lớn. Do đó, với cơ cấu dân số đang già hóa với tốc độ nhanh như hiện nay, dự báo nhu cầu đầu tư vào hệ thống chăm sóc sức khỏe ở Việt Nam sẽ tăng cao trong những năm tới.



Nguồn: Báo cáo “Tổng quan Tài khoản chuyển nhượng quốc gia Việt Nam giai đoạn 2022-2028”, Tổng cục Thống kê.

Bên cạnh khoản chi cho y tế, ở các khoản chi khác, dân số từ 60 tuổi trở lên có mức chi bình quân trong năm 2022 là 56,8 triệu đồng/người, dù có xu hướng

giảm dần theo tuổi nhưng vẫn cao hơn mức bình quân đầu người cả nước (51,9 triệu đồng/người) và cao hơn rất nhiều so với nhóm trẻ từ 0-4 tuổi (24,5 triệu đồng/người).

Trong khi đó, thu nhập của người dân Việt Nam giảm dần sau độ tuổi 44 và về mức xấp xỉ 0 ở nhóm dân số có độ tuổi từ 72 tuổi trở lên. Mặt khác, hệ thống lương hưu ở Việt Nam hiện nay có tỷ lệ bao phủ thấp do lượng lớn người lao động, chủ yếu là lao động làm việc cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, lao động ở khu vực phi chính thức không tham gia bảo hiểm xã hội. Theo Báo cáo TKCNQG, ở nhóm dân số già từ 60 tuổi trở lên, thu nhập từ lương chỉ chiếm khoảng 55-66% tổng thu nhập, tương ứng có khoảng 34-45% nhóm dân số này có nguồn thu nhập không cố định. Kết quả trên cho thấy, khả năng đảm bảo thu nhập tuổi già của người cao tuổi Việt Nam khá bất bênh. Trong khi đó, tỷ số phụ thuộc người già cao hơn đồng nghĩa với tỷ lệ người hưởng lương hưu cao hơn người đóng góp lương hưu. Điều này được cho là có ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững tài chính của quỹ lương hưu. Trong trường hợp mức độ bao phủ lương hưu ở Việt Nam thấp, nhiều người cao tuổi có thể sẽ không được hệ thống lương hưu bảo vệ trong tương lai.

Tất cả các quốc gia trong giai đoạn già hóa dân số đều phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến thị trường lao động, ảnh hưởng đến năng suất lao động, khi một số lượng ít những người làm việc phải hỗ trợ một số lượng lớn người phụ thuộc. Phần lớn người cao tuổi tại Việt Nam được chăm sóc/hỗ trợ từ người thân trong gia đình (vợ/chồng, các con và các cháu), trong khi tỷ lệ được chăm sóc tại cộng đồng hoặc tại cơ sở chăm sóc không đáng kể. Tỷ số phụ thuộc chung tại Việt Nam đã tăng 0,5%, từ 47,1% năm 2019 lên 47,6%. Điều đó có nghĩa, cứ 100 người trong độ tuổi lao động từ 15-64 sẽ hỗ trợ cho khoảng gần 50 người ngoài độ tuổi lao động, tương ứng với 2 người trong độ tuổi lao động sẽ hỗ trợ cho 1 người ngoài độ tuổi lao động.

Nhìn theo góc độ kinh tế ở một khía cạnh khác, dân số già góp phần khiến chênh lệch giữa tiêu dùng cuối và thu nhập của người lao động ở chỉ số dương, tạo nên thâm hụt vòng đời kinh tế. Với cấu trúc dân số có tuổi thọ trung bình 73,6 tuổi như hiện nay, Việt Nam chỉ có khoảng 31 năm để tạo ra “thặng dư vòng đời” và khoảng 42,6 năm còn lại rơi vào tình trạng “thâm hụt vòng đời”.

Cải thiện chính sách, ứng phó với già hóa dân số trong hiện tại và tương lai

Các kết quả điều tra, nghiên cứu của Tổng cục Thống kê đã cho thấy, tình trạng già hóa dân số

đang dần tạo ra các tác nhân gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng của kinh tế - xã hội, sự phát triển bền vững của đất nước cả trong hiện tại và tương lai. Tổng cục Thống kê nhận định, thời kỳ lợi tức nhân khẩu học thứ nhất đạt được nhờ cấu trúc tuổi của dân số tại Việt Nam đã kết thúc. Việt Nam cần chuyển sang thời kỳ lợi tức nhân khẩu học thứ hai, đó là tận dụng hiệu quả các nguồn lực để tăng năng suất lao động, tăng tích lũy tài sản, từ đó tạo cơ hội cho tăng trưởng kinh tế. Theo đó, Việt Nam cần thực hiện tốt các chiến lược, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo đúng tinh thần của Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 08/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ để đạt được mức tăng năng suất lao động bình quân 6,5% của giai đoạn 2023-2030. Nếu duy trì được mức năng suất này đến năm 2030, Việt Nam sẽ đạt lợi tức nhân khẩu học thứ hai đến những năm 2040.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đã đưa ra một số khuyến cáo giúp Việt Nam tiếp tục duy trì lợi tức nhân khẩu học ngay cả khi chính thức bước vào thời kỳ dân số già như: (1) Tích cực triển khai các giải pháp tăng năng suất lao động kết hợp với các chính sách tạo việc làm, khuyến khích tăng tỷ lệ tham gia lao động, đặc biệt là tỷ lệ tham gia lao động ở nhóm người cao tuổi để góp phần tạo thêm thu nhập, giúp giảm thiểu “thâm hụt vòng đời kinh tế”, từ đó cải thiện tỷ số hỗ trợ kinh tế để đạt được lợi tức nhân khẩu học thứ hai. (2) Tăng cường nguồn lực đầu tư vào y tế và giáo dục giúp nâng cao năng suất lao động, đồng thời giúp dân số kéo dài khoảng thời gian tạo ra giá trị thặng dư, cải thiện tình trạng thâm hụt, đạt được lợi tức nhân khẩu học nhằm đảm bảo

Chênh lệch (có giá trị dương) giữa tiêu dùng cuối cùng và thu nhập của người lao động được gọi là thâm hụt vòng đời kinh tế, thể hiện giá trị tiêu dùng không được đảm bảo từ nguồn thu nhập của người lao động mà cần được bổ sung từ các nguồn khác như thu nhập từ sở hữu tài sản, tiết kiệm và chuyển nhượng (Ví dụ: lương hưu, quà biếu, quà tặng, trợ cấp, kiều hối v.v...). Trái ngược với thâm hụt là tình trạng thặng dư vòng đời, thể hiện thu nhập cao hơn chi tiêu.

tương lai dài hạn cho người dân Việt Nam. (3) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách để tận dụng thời kỳ “dân số vàng” còn lại, đặc biệt là chính sách tạo việc làm và việc làm thỏa đáng cho người lao động nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế và ổn định xã hội. (4) Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách và lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu thích hợp với một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định. Triển khai tốt chế độ bảo hiểm hưu trí, đảm bảo cuộc sống cho người cao tuổi. (5) Ưu tiên đầu tư cho các chính sách dân số theo các nguyên tắc của Hội nghị về Dân số và Phát triển (ICPD), đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa. (6) Đầu tư nghiên cứu xây dựng và áp dụng phương pháp TKCNQG để phân tích vòng đời kinh tế, góp phần nâng cao hiểu biết về thể hệ dân số và đặc điểm nhân khẩu học của từng thể hệ tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế. Qua đó, cung cấp thêm bằng chứng phục vụ xây dựng các chương trình, chính sách cũng như thiết lập quy trình giám sát tác động của thay đổi

nhân khẩu học đối với các chỉ số kinh tế quan trọng.

Các chuyên gia kinh tế, chuyên gia nhân khẩu học cũng đưa ra các khuyến nghị ở các lĩnh vực, nội dung tương tự trên. Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức về vấn đề già hóa dân số và cuộc sống của người cao tuổi; chính sách an sinh xã hội dành cho người cao tuổi cần được bao phủ tới các nhóm thu nhập thấp được thực hiện đồng thời với tăng trưởng kinh tế nhằm đảm bảo thu nhập cho người cao tuổi. Hệ thống bảo hiểm xã hội cần được bao phủ, nâng cao tính linh hoạt trong khả năng chi trả của người tham gia và khả năng tiếp cận bảo hiểm xã hội của các nhóm dân cư. Cùng với chăm sóc tại nhà và cộng đồng, cần nâng cao chất lượng và sự sẵn sàng của các cơ sở chăm sóc, đẩy mạnh xã hội hóa các công trình phúc lợi cho người cao tuổi, thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân trong chăm sóc người cao tuổi thông qua hợp tác công-tư (PPP) nhằm đáp ứng nhu cầu cần được chăm sóc ngày càng tăng lên trong tương lai.

Với kinh nghiệm thực tiễn của các nước và điều kiện thực tế của Việt Nam, cần có những nghiên cứu, điều chỉnh, cải thiện một số chính sách liên quan như: Bổ sung chính sách về bảo hiểm chăm sóc dài hạn (LTCL - long-term care insurance) để có thể thích ứng với già hóa dân số nhanh và đảm bảo tài chính cho chăm sóc dài hạn. Để góp phần giải quyết bài toán thu nhập tuổi già, bên cạnh các giải pháp kể trên, cần cân nhắc giải pháp tăng cường quỹ lương hưu xã hội từ nguồn thuế Nhà nước. Đồng thời, tăng cường đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành y tế; cùng với chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe ban đầu./.

LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH THU HÚT FDI VÀO NÔNG NGHIỆP

TS. Cảnh Chí Hoàng

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Là địa phương có lợi thế về phát triển nông nghiệp, đặc biệt nông nghiệp công nghệ cao, Lâm Đồng cũng là một trong những tỉnh có số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn của khu vực Tây Nguyên. Dù các dự án chủ yếu tập trung lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chăn nuôi, sản xuất giống cây trồng, trồng nấm, ương tơ, du lịch dịch vụ, dệt may.... song, thu hút FDI vào nông nghiệp của Lâm Đồng còn có những hạn chế. Thời gian tới, để tạo động lực thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, Lâm Đồng cần triển khai nhiều giải pháp đồng bộ và mạnh mẽ hơn nữa.

Nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm thu hút FDI

Là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, phía Nam Tây Nguyên, Lâm Đồng có nhiều lợi thế để phát triển nông nghiệp. Do vậy, lãnh đạo Tỉnh luôn có sự quan tâm đặc biệt đến phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và thu hút đầu tư vào nông nghiệp nói riêng, thông qua việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Tỉnh đến cơ sở. Tỉnh đã triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19 và Nghị quyết 35 của Chính phủ với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư kinh doanh,

giảm chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn trong quá trình hoạt động, triển khai dự án của doanh nghiệp.

UBND Tỉnh đã ban hành các thủ tục, văn bản chỉ đạo nhằm nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện để nhà đầu tư triển khai đồng thời nhiều thủ tục, góp phần giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, gồm: Danh mục một số thủ tục hành chính thực hiện cắt, giảm thời gian giải quyết để tăng cường hiệu quả thu hút đầu tư; trình tự thực hiện dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Để thu hút được nhiều nhà đầu tư đến với Lâm Đồng, Tỉnh đã tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp định kỳ hàng tháng để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh... Đó là những nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư vào nông nghiệp của Lâm Đồng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 02 khu công nghiệp tập trung là Khu công nghiệp Lộc Sơn và Khu công nghiệp Phú Hội.

Báo cáo của UBND tỉnh Lâm Đồng cho biết, tình hình thu hút, triển khai dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách năm 2023 đã có nhiều chuyển biến tích cực, công tác tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

Theo thống kê của ngành Nông nghiệp tỉnh, tính đến cuối năm 2023, Lâm Đồng đã thu hút được 103 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 533,29 triệu USD. Trong đó, có 77 doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực nông nghiệp với tổng vốn đầu tư gần 267 triệu USD và khoảng 1.425 doanh nghiệp, cơ sở trong nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; 327 doanh nghiệp đang đầu tư 393 dự án liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 56.798 ha. Một số Quốc gia có nhiều dự án FDI vào tỉnh Lâm Đồng như: Hàn Quốc 16 dự án, Nhật Bản 11 dự án.

Việc hợp tác Quốc tế, thu hút các dự án đầu tư FDI không chỉ giúp Tỉnh tiếp cận công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận

thị trường mà còn phát triển một cách toàn diện, bền vững, hiện đại trên các lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực của ngành Nông nghiệp. Các dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp đã và đang làm tăng giá trị hàng nông sản, tăng giá trị sử dụng đất; bên cạnh đó, hoạt động của một số doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã góp phần trong việc nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, kỹ năng lao động mang tính chuyên nghiệp cho người lao động. Đồng thời tạo việc làm cho nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và tăng nguồn thu cho ngân sách Tỉnh.

Ngoài ra, khu vực FDI ngành nông nghiệp đã góp phần tích cực trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam, cũng như thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, góp phần đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng Nông thôn mới; Các doanh nghiệp cũng là nhân tố nòng cốt trong công tác ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đầu mối thực hiện chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu các nông sản chủ lực của Tỉnh ra thị trường ngoài nước. Đặc biệt, việc thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao trong thời gian qua đã góp phần đưa Lâm Đồng trở thành một trong những Tỉnh đi đầu trong cả nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cũng là địa phương đứng đầu cả nước thu hút các nhà đầu tư Nhật Bản trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn Tỉnh năm 2023 ước đạt 929 triệu USD, tăng 4,75% so với cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch năm 2023. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 172,1 triệu USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ, đạt 97,23% kế hoạch năm 2023. Một số mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu đạt giá trị cao như: Cà phê nhân ước sản lượng đạt 90 ngàn tấn, giá trị đạt 205 triệu USD, tăng 16,92% so với cùng kỳ; Chè chế biến 4,5 ngàn tấn, giá trị 17,8 triệu USD, giảm 4,34% về lượng nhưng tăng 54,3% về giá trị so với cùng kỳ; Rau quả 60,6 ngàn tấn, đạt 93,76 triệu USD, tăng 78,34% về lượng và 35,55% về giá trị so với cùng kỳ; Hạt điều nhân 740,8 tấn, đạt 4,5 triệu USD, tăng 15,9% về lượng và tăng 0,61% giá trị so với cùng kỳ; Hoa tươi các loại ước đạt 69,3 triệu USD, bằng 93,66% so với cùng kỳ...

Hiện nay, diện tích đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Lâm Đồng đạt khoảng 62 nghìn ha với giá trị sản xuất bình quân 180 triệu đồng/ha/năm.

Riêng diện tích rau ứng dụng công nghệ cao đạt từ 400 - 500 triệu đồng/ha/năm, sản xuất hoa đạt 800 triệu đến 1,2 tỷ đồng/ha/năm.

Đặc biệt, năm 2023 chương trình Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh được triển khai đồng bộ ở nhiều địa phương trong toàn Tỉnh. Theo thống kê, diện tích nông nghiệp công nghệ cao theo tiêu chí mới năm 2023 đạt 66.873 ha, chiếm 20,4% diện tích canh tác (Trong đó: Cây rau 25.978 ha; hoa các loại 3.161 ha; chè 3.559 ha; cây ăn quả 7.367 ha; lúa chất lượng cao 5.045 ha; cà phê 20.400 ha và cây trồng khác 595 ha). Lũy kế đến hết năm 2023, toàn Tỉnh có 09 vùng được công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 14 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao với tổng diện tích 2.412 ha và 01 vùng chăn nuôi quy mô 13.850 con...

Giải pháp thu hút FDI vào nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng đạt hiệu quả

Tuy đạt được những kết quả đáng khích lệ, song hoạt động thu hút FDI vào nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng hiện còn có những hạn chế, chưa phát huy tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh:

- Lâm Đồng là Tỉnh có thế mạnh sản xuất nông nghiệp, song quỹ đất có diện tích lớn, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư hiện nay lại rất hạn chế. Tỉnh đã quy hoạch nhiều khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung, tuy nhiên, theo cơ chế chính sách sử dụng đất hiện nay còn có những bất cập, giá đất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh tăng cũng gây khó khăn cho nhà đầu tư.

- Nông nghiệp là lĩnh vực tương đối đặc thù và khó thu hút đầu tư so với các lĩnh vực khác, song ngành Nông nghiệp địa phương



chưa có cơ quan chuyên trách theo dõi và giúp đỡ giải quyết vướng mắc trong quá trình xúc tiến và thực hiện các dự án FDI.

- Cơ sở hạ tầng và tay nghề lao động ở khu vực nông thôn còn rất hạn chế, chưa đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là đối với các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, là nguyên nhân khiến cho các nhà đầu tư chưa thật sự mặn mà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp....

- Mối liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế, chưa thật sự bền vững.

- Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; chỉ số PCI năm 2022 tuy tăng điểm số nhưng giảm thứ bậc (giảm 2 bậc so với năm 2021); chỉ số PAPI, SIPAS đều giảm điểm số và thứ hạng so với năm 2021 (chỉ số PAPI giảm 2,84 điểm, giảm 31 bậc; chỉ số SIPAS giảm 9,02 điểm, giảm 18 bậc).

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thời gian tới, Lâm Đồng cần có những giải pháp đồng bộ để tạo điều kiện thu hút FDI nông nghiệp của Tỉnh:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện đầu tư, kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; rà soát quy hoạch sử dụng đất và đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp ở địa phương. Thực hiện nhất quán, minh bạch chính sách, quy trình cho thuê đất, hình thức thuê đất; ưu tiên các dự án có chất lượng và giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tạo thêm nhiều việc làm và hỗ trợ cho những khâu yếu trong chuỗi giá trị nông sản của tỉnh.

Hai là, xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan Trung ương và địa phương để lựa chọn, đề xuất các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư ngay từ khâu mời gọi và xúc tiến đầu tư, từ đó nâng cao chất lượng dự án đầu tư. Ngoài ra, cơ cấu ngành nghề trong khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng cần được xem xét để đảm bảo sự phát triển chuyên môn hóa các ngành, đặc biệt là cần chú trọng thu hút đầu tư vào các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

Ba là, cần xác định việc lấy doanh nghiệp làm nòng cốt, nông dân là chủ thể, đồng thời, ứng dụng khoa học công nghệ là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Bên cạnh đó, Tỉnh cần khuyến khích thu hút các doanh nghiệp FDI, đầu tư dự án có hàm lượng ứng dụng khoa học công nghệ cao, dự án về sản xuất giống, công nghiệp chế biến và máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp để thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo chiều sâu, theo hướng tạo thêm giá trị gia tăng thay cho chỉ tăng về số lượng.

Bốn là, cần nâng cao chất lượng cán bộ viên chức hành chính, cụ thể xây dựng và nâng cao kỹ năng giải quyết các thủ tục hành chính, kỹ năng trong giao tiếp... của cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư và quản lý dự án, đặc biệt là cán bộ, nhân viên một cửa, một cửa liên thông... giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư trên mạng thông tin điện tử, từng bước thực hiện cấp phép đầu tư qua mạng; đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và xây dựng chính phủ điện tử...

Năm là, xây dựng và triển khai các đề án sử dụng ngân sách địa

phương kết hợp huy động nguồn lực trong Nhân dân nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Đồng thời, tranh thủ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ, các nguồn vốn chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; Ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế; đảm bảo cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững.

Sáu là, hướng đến xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở vùng nông thôn. Trong đó, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ký kết hợp đồng cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm với nông dân, hợp tác xã theo mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng./.

Tài liệu tham khảo

1. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2021). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025*
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (2023). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2023*
3. Hoàng Ái (2023). *Lâm Đồng thu hút gần 13.000 tỷ đồng vốn đầu tư FDI*, truy cập từ lamdongtv.vn/tin-tuc-n20712/lam-dong-thu-hut-gan-13000-ty-dong-von-dau-tu-fdi.html
4. Minh Hậu, Kim Sơ (2023). *Lâm Đồng nỗ lực đưa nông nghiệp lên tầm cao mới*, truy cập từ <https://nongnghiep.vn/lam-dong-no-luc-dua-nong-nghiep-len-tam-cao-moi-d350453.html>
5. Mai Văn Bảo (2023). *Lâm Đồng phát triển nền nông nghiệp hiện đại*, truy cập từ <https://nhandan.vn/lam-dong-phat-trien-nen-nong-nghiep-hien-dai-post786197.html>

THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BAN ĐÊM TẠI TỈNH PHÚ YÊN

ThS. Vũ Thị Khánh Minh
Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Kinh tế ban đêm là các nguồn lợi kinh tế thu được từ việc kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trong khoảng thời gian buổi tối và ban đêm được tính vào chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - Gross Regional Domestic Product). Là địa phương có thế mạnh về du lịch, tỉnh Phú Yên đang xây dựng để án phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Tuy Hòa. Các con số trên dữ liệu thống kê cho thấy các điều kiện đang rất thuận lợi.

Hiện trạng kinh tế xã hội tỉnh Phú Yên phù hợp phát triển kinh tế ban đêm

Tại thành phố (TP) Tuy Hòa và các trung tâm huyện nói chung, các giao dịch mua bán tại vỉa hè luôn mang lại thuận lợi cho người dân, khi mà phần lớn người dân ở đây còn sử dụng phương tiện xe 2 bánh cho hoạt động đi lại. Đồng thời, tại TP Tuy Hòa và các trung tâm huyện, có một lượng người dân rất lớn đang tham gia

Kinh tế ban đêm đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của một thành phố hoặc khu vực thông qua tạo việc làm và kích thích chi tiêu trong các ngành như du lịch, giải trí, giao thông và bán lẻ. Hoạt động kinh tế mạnh mẽ ban đêm tạo ra nguồn thu thuế tăng cao cho chính quyền địa phương, có thể được đầu tư lại vào cộng đồng cho nhiều dự án phát triển và dịch vụ.

vào hoạt động kinh doanh buổi tối và đêm để tạo ra thu nhập chính. Hoạt động kinh doanh này là hoạt động kinh tế cá thể. Do đó, để thấy được giá trị đóng góp của kinh tế ban đêm trong Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh Phú Yên thì cần xem xét tỷ trọng đóng góp của thành phần Kinh tế cá thể trong Tổng giá trị sản phẩm tạo ra, bởi vì một số lượng lớn thành phần Kinh tế cá thể kinh doanh tự phát, thu nhập đến từ kinh doanh vào ban đêm.

Số liệu trong Bảng 1 cho thấy, giai đoạn 2018-2022, giá trị tăng thêm

của khu vực Kinh tế ngoài nhà nước đều chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP của tỉnh Phú Yên.

Bên cạnh đó, theo báo cáo Báo cáo hiện trạng Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 UBND tỉnh Phú Yên công bố năm 2022 (tại Bảng 15 “Tăng trưởng và đóng góp vào tăng trưởng theo thành phần kinh tế”), giá trị tăng thêm của khu vực Kinh tế cá thể thuộc khu vực Kinh tế ngoài nhà nước luôn chiếm tỷ trọng từ 30-50% trong GRDP trong 5 năm qua (2018-2022). Điều này cho thấy, với một tỉnh có phát triển

Bảng 1: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	2018		2019		2020		2021		Sơ bộ 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
TỔNG SỐ	38.606,6	100	42.459,2	100	44.141,7	100	45.457,7	100	50.506,8	100
Kinh tế nhà nước	8.946,7	23,17	9.416,1	22,18	9.565,3	21,67	9.854,5	21,68	10.965,1	21,72
Kinh tế ngoài nhà nước	25.991,0	67,33	28.762,0	67,74	30.447,0	68,98	31.382,2	69,03	34.992,7	69,29
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1.719,1	4,45	2.037,9	4,80	1.930,7	4,37	1.980,3	4,36	2.214,2	4,38
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	1.949,8	5,05	2.243,2	5,28	2.198,7	4,98	2.240,7	4,93	2.334,8	4,62

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2022

kinh tế thấp so với các đô thị lớn như Phú Yên thì kinh tế cá thể là nguồn đóng góp chính cho GRDP tỉnh.

Thêm vào đó, khi phân tích giá trị tăng thêm các ngành kinh tế thì hoạt động kinh doanh của kinh tế ban đêm thuộc ngành Thương mại - Dịch vụ. Ngành Thương mại - Dịch vụ được chia thành 4 khu vực nhỏ gồm: Bán lẻ hàng hóa, Dịch vụ lưu trú và ăn uống, Du lịch lữ hành, Các ngành khác. Tác giả tính toán lại kết cấu giá trị tăng thêm các khu vực thuộc ngành Thương mại - Dịch vụ trong Bảng 2 như sau:

Bảng 2: Kết cấu giá trị tăng thêm các khu vực thuộc ngành Thương mại - Dịch vụ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	2011	2015	2020
Giá trị tăng thêm khu vực TM-DV (giá hiện hành)	11.506,3	22.679,8	34.256,1
Chia ra:			
Bán lẻ hàng hóa	9.717,0	19.044,5	28.727,7
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.343,5	2.655,6	3.992,3
Du lịch lữ hành	1,9	2,0	7,5
Các ngành khác	443,9	977,7	1.528,6
Cơ cấu khu vực dịch vụ (%)	100	100	100
Chia ra			
Bán lẻ hàng hóa	84,44	83,97	83,86
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	11,68	11,71	11,66
Du lịch lữ hành	0,02	0,01	0,02
Các ngành khác	3,86	4,31	4,46

Nguồn: Tác giả tính toán dựa vào số liệu trong Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2015, 2023

Theo số liệu của Bảng 2 thì khu vực Bán lẻ hàng hóa và khu vực Dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm tỷ trọng trên 95% giá trị tăng thêm của ngành Thương mại - Dịch vụ, mà 2 khu vực này đều có hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh ban đêm. Hơn nữa, giá trị tăng thêm của khu vực Bán lẻ hàng hóa, Dịch vụ lưu trú và ăn uống phát triển tăng dần đều, kết cấu các khu vực khá ổn định, điều này cho thấy kinh tế ban đêm và kinh tế du lịch có mối quan hệ tỷ lệ thuận.

Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm

Mục tiêu chung của Phú Yên là trở thành tỉnh đạt trình độ phát triển ở mức thu nhập trung bình cao

Các hoạt động về đêm như nhạc sống, triển lãm nghệ thuật và sự kiện văn hóa đóng góp vào sự phong phú văn hóa của một thành phố. Ngoài ra, nó còn cung cấp cơ hội cho các nghệ sĩ và diễn viên trình diễn tài năng của họ và cho người dân, du khách thưởng thức các trải nghiệm văn hóa đa dạng. Đồng thời, nó cung cấp sự tiện lợi cho người dân có thể làm việc vào các giờ buổi tối và đêm để phù hợp với năng lực của mình; phát triển các không gian trước đây chưa được tận dụng, tạo ra một môi trường an toàn và sống động hơn; cải thiện và mở rộng dịch vụ giao thông công cộng, phục vụ nhu cầu của những người di chuyển vào giờ khuya,...

với vị trí là cửa ngõ hướng Đông của vùng Tây Nguyên và trung tâm kết nối của khu vực Duyên hải Nam Trung bộ; Nền kinh tế phát triển dựa trên đầu tư công nghệ hiện đại và liên kết kinh tế để phát huy các ngành sản phẩm có lợi thế. Quan điểm phát triển dịch vụ du lịch của tỉnh Phú Yên tầm nhìn năm 2030 là: Xây dựng các khu, điểm du lịch, thiết kế sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu, khả năng chi trả của cả khách trong nước và khách quốc tế trong cùng một không gian phát triển¹. Để đạt mục tiêu, các giải pháp khuyến nghị tập trung như sau:

Một là, các giải pháp phát triển thương mại tại khu vực có hoạt động kinh tế ban đêm

Xây dựng hoặc cải tạo các đường phố có hoạt động kinh tế ban đêm lớn để phục vụ cho hoạt động thương mại. Đường phố phải vừa hiện đại,

1. Báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2022). Báo cáo hiện trạng Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.



vừa được trang trí mang bản sắc văn hoá truyền thống của tỉnh.

Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới các loại hình chợ phiên trên ban đêm, lấy chợ làm hạt nhân để tổ chức các hoạt động thương mại - dịch vụ bằng cách tạo ra các chợ bán sản phẩm truyền thống, có gắn kèm hoạt động văn hóa, văn nghệ bản sắc Phú Yên.

Tiếp tục phát triển các loại hình chợ thanh toán không dùng tiền mặt (chợ 4.0), chợ phiên thanh toán không dùng tiền mặt để tăng tính hấp dẫn khi mua sắm của người dân du lịch.

Hai là, các giải pháp phát triển các loại hình du lịch

Phát triển loại hình du lịch MICE [Meeting (hội họp, lễ hội), Incentive (khen thưởng), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm)] để có thể gắn với tổ chức các sự kiện văn hóa kết hợp du lịch mua sắm ban đêm.

Phát triển du lịch văn hóa ẩm thực biển: Khách hàng thưởng thức ẩm thực ban đêm tại các con phố biển làm du lịch.

Phát triển sản phẩm du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn. Khách du lịch mong muốn được chiêm ngưỡng, mua sắm các sản phẩm thủ công làm vật kỷ niệm trong chuyến du lịch. Thực tế nhu cầu mua sắm của khách du lịch là rất lớn, làng nghề truyền thống sẽ đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu tinh tế và đa dạng của khách du lịch... Từ đó, có thể mang bán các sản phẩm truyền thống tại ban đêm đô thị cho những khách du lịch không có thời gian đi tham quan.

Chọn ban đêm làm nơi diễn ra các lễ hội ẩm thực phục vụ cho loại hình “du lịch văn hóa ẩm thực biển”. Khi nhà quản lý sử dụng thế mạnh về nguồn lợi thủy sản và cách chế biến đặc sản địa phương,

thì có thể phát triển nhiều sản phẩm du lịch gắn với thưởng thức, chế biến, quan sát, mua sắm làm quà các loại ẩm thực là đặc sản địa phương. Phú Yên nổi tiếng về các loại hải sản tươi sống như: Ốc nhảy Sông Cầu, cua huỳnh đế, ghẹ đầm Cù Mông, gỏi cá mai, cá đét khô, mực khô, cá ngựa, tôm hùm, cá mú, nước mắm, nước chấm các loại... là những sản vật tạo sức hấp dẫn, làm tăng thêm những trải nghiệm có giá trị cho khách du lịch nội địa và quốc tế.

Ba là, các giải pháp quản lý không gian ban đêm

Thực hiện đô thị hóa xanh, sạch, đẹp với xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường; nâng cao mật độ cây trồng trong các khu vực đô thị; tạo ban đêm xanh mát và sạch. Bên cạnh đó, quy hoạch vị trí bán nông sản của nông dân và quản lý vệ sinh chặt chẽ, từ đó hạn chế việc lấn chiếm ban đêm, gây ô nhiễm và mất mỹ quan đô thị.

Bổ sung thêm phương tiện công cộng, nhà vệ sinh công cộng, thiết bị chiếu sáng đường phố.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên cần quy hoạch thêm về phố đi bộ, ban đêm phục vụ du lịch và ban đêm được phép bán hàng, ban đêm được phép triển lãm, trưng bày. Phố đi bộ phải là nơi bán

các sản phẩm đạt OCOP, triển lãm văn hóa đặc trưng của tỉnh, cho các đơn vị thuê không gian làm thủ công bằng tay.../.

Tài liệu tham khảo

- 1) Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2015, 2020, 2021, 2022, 2023
- 2) Minh Phương (2021). “*Kinh tế ban đêm*”. Available for download on <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/kinh-te-via-he-578503.html>
- 3) Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2022). *Báo cáo hiện trạng Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- 4) Beer C (2011). Centres that never sleep? Planning for the night-time economy within the commercial centres of Australian cities. Australian Planner 48(3): 141-147. Retrieved from <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/07293682.2011.581245>
- 5) Bianchini F (1995). Night cultures, night economies. Planning Practice & Research 10(2): 121-126. Retrieved from <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/02697459550036667>
- 6) China Tourism Academy (2019). Data Report on China Night-Time Tourism Market. Beijing, China: China Tourism Academy. Retrieved from: <https://mp.weixin.qq.com/s/vJ2eslreS9VKF8lVP5XEWQ>.
- 7) China Tourism Academy (2020). China Night-Time Economy Development Report China Night-Time Economy Forum 2020, Wuxi, China: China Tourism Academy. Retrieved from: <https://mp.weixin.qq.com/s/f0sF4mnNyiHzVq8NcDKBTQ>.
- 8) Lin et al (2021). Night-time economy vitality index: Framework and evidence. Retrieved from <https://journals.sagepub.com/doi/full/10.1177/13548166211042970>



SỰ HÀI LÒNG VỀ DỊCH VỤ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ở HAI TỈNH NAM ĐỊNH VÀ TIỀN GIANG

Vũ Hoàng Đạt - Nguyễn Thị Vân Hà

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Kinh tế Việt Nam

Mở đầu

Với tư cách là một dịch vụ, sự hài lòng là một yếu tố không thể tách rời khỏi giáo dục. Tuy nhiên, do đặc thù của dịch vụ giáo dục, sự hài lòng trong giáo dục ít được quan tâm hơn so với các loại dịch vụ thông thường khác: Thứ nhất, giáo dục ở một khía cạnh nào đó là dịch vụ độc quyền, không có dịch vụ thay thế. Thứ hai, giáo dục có tính bắt buộc, hầu hết các quốc gia đều quy định về công dân bắt buộc phải tham gia giáo dục đến một mức nhất định. Thứ ba, giáo dục là một loại hàng hóa, tiêu dùng ở hiện tại nhưng một phần quan trọng của lợi ích chỉ được hiện thực hóa trong tương lai. Do đó, người học có thể không đánh giá được hết lợi ích và chi phí giáo dục tại thời điểm tiêu dùng dịch vụ này và có xu hướng chấp nhận tiêu dùng ở hiện tại với một kỳ vọng giáo dục có tác động tích cực hơn trong tương lai. Điều này dẫn đến, người học có xu hướng tối đa hóa sự tích lũy về mặt giáo dục với kỳ vọng tối đa lợi ích trong tương lai.

Những vấn đề trên dẫn đến nhu cầu đo lường và phân tích sự hài lòng về dịch vụ giáo dục ở các quốc gia. Ở các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu, đo lường

về sự hài lòng trong giáo dục đại học bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ XX. Trong khi đó, các quốc gia khác, có lịch sử muộn hơn (Razinkina và cộng sự, 2021).

Tại Việt Nam, từ năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công¹. Đo lường này được thực hiện hàng năm ở tất cả các tỉnh trên toàn quốc với kế hoạch điều tra và công cụ điều tra thống nhất giữa các tỉnh. Tuy vậy, điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng có những hạn chế nhất định về nội dung và chủ thể thực hiện điều tra.

Do đó, bài viết* này tập trung phân tích sự hài lòng của dịch vụ giáo dục nói chung, từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học trên cơ sở khảo sát phụ huynh học sinh các cấp tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang. Đồng thời, phân tích những khác biệt trong sự hài lòng giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Khái niệm về sự hài lòng đối với giáo dục

Theo Oliver (1985), sự hài lòng là phản ứng của người tiêu dùng đối với việc được đáp ứng những mong muốn từ hàng hóa dịch vụ họ mua. Như vậy, sự hài lòng về dịch vụ giáo dục có thể hiểu là sự đánh giá và so sánh giữa kỳ vọng

và thực tế của những người trải nghiệm dịch vụ giáo dục hoặc người trực tiếp liên quan như phụ huynh, người chăm sóc hay người sử dụng lao động. Do đó, ảnh hưởng của sự hài lòng trong giáo dục ảnh hưởng bởi sự kỳ vọng của các cá nhân liên quan.

Trong khi đó, chất lượng dịch vụ nói chung và chất lượng dịch vụ giáo dục nói riêng là những khái niệm chưa có sự thống nhất. Theo Mục tiêu 4 của các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc², “Giáo dục chất lượng đặc biệt đòi hỏi các vấn đề như phát triển kỹ năng phù hợp, bình đẳng giới, cung cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị, tài liệu và nguồn lực giáo dục phù hợp, học bổng hoặc lực lượng giảng dạy”. Trong khi đó, chất lượng dịch vụ theo Parasuraman và cộng sự (1988) là mức độ khác nhau giữa sự mong đợi của người tiêu dùng về dịch vụ và nhận thức của họ về kết quả của dịch vụ.

Như vậy, hai cách tiếp cận này là khác nhau đối với chất lượng giáo dục. Giáo dục chất lượng theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc đề cập đến chức năng và mục đích của giáo dục. Trong khi đó, định nghĩa của Parasuraman và cộng sự, chất lượng đơn giản là sự trải nghiệm và so sánh với kỳ vọng của các bên.

* Bài viết thuộc Đề tài cấp Bộ: Xây dựng bộ chỉ số Phát triển Giáo dục và Đào tạo. Thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: Xây dựng Bộ Chỉ số đảm bảo An sinh Quốc gia.

1. Quyết định số 3982/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2013.

2. <https://en.unesco.org/themes/education/sdgs/material/04>

Nghiên cứu này theo cách tiếp cận của Liên Hợp Quốc, theo đó, sự hài lòng về dịch vụ giáo dục và chất lượng dịch vụ giáo dục là hai khái niệm khác nhau, mặc dù có sự liên hệ chặt chẽ với nhau.

Thông thường, sự hài lòng về dịch vụ giáo dục sẽ được đo lường bằng các câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ với các câu hỏi trên từng khía cạnh khác nhau của hoạt động giáo dục. Ví dụ, các công cụ hướng dẫn đánh giá sự hài lòng về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017³ bao gồm các câu hỏi về các khía cạnh: (1) Tiếp cận dịch vụ giáo dục của nhà trường; (2) Cơ sở vật chất của nhà trường; (3) Môi trường giáo dục của nhà trường; (4) Hoạt động giáo dục của nhà trường; (5) Kết quả giáo dục của nhà trường; (6) Mức độ hài lòng chung.

Sự hài lòng về giáo dục từ điều tra thực địa tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang

Số liệu chúng tôi sử dụng trong bài viết này bao gồm 600 quan sát có được từ điều tra do nhóm nghiên cứu thực hiện tại hai tỉnh trên. Mỗi tỉnh có hai địa bàn cấp xã, thành thị và nông thôn được lựa chọn trên cơ sở khuyến nghị của địa phương. Trong mỗi địa bàn (cấp xã), 150 quan sát được lựa chọn ngẫu nhiên. Đối tượng phỏng vấn đều là các đối tượng có con hoặc đang chăm sóc chính ít nhất một trẻ đang đi học từ mẫu giáo đến đại học. Việc lựa chọn người phỏng vấn có con hoặc đang chăm sóc trẻ đi học đảm bảo sự phù hợp của đối tượng phỏng vấn.

Câu hỏi với thang đo Likert 5 mức độ và nội dung các câu hỏi có phần tương đồng với nội dung

trong công cụ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo điều tra sự hài lòng về dịch vụ giáo dục công. Theo đó, các nội dung thu thập bao gồm: Sự hài lòng ở từng cấp học, giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và từng khía cạnh về nội dung, khối lượng kiến thức, an toàn, cơ sở vật chất, giáo viên, chi phí và giáo dục nói chung. Trong đó, các nội dung về chi phí và giáo viên là mở rộng so với công cụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đảm bảo tính hiệu quả, chúng tôi chỉ sử dụng một câu hỏi cho mỗi một nội dung.

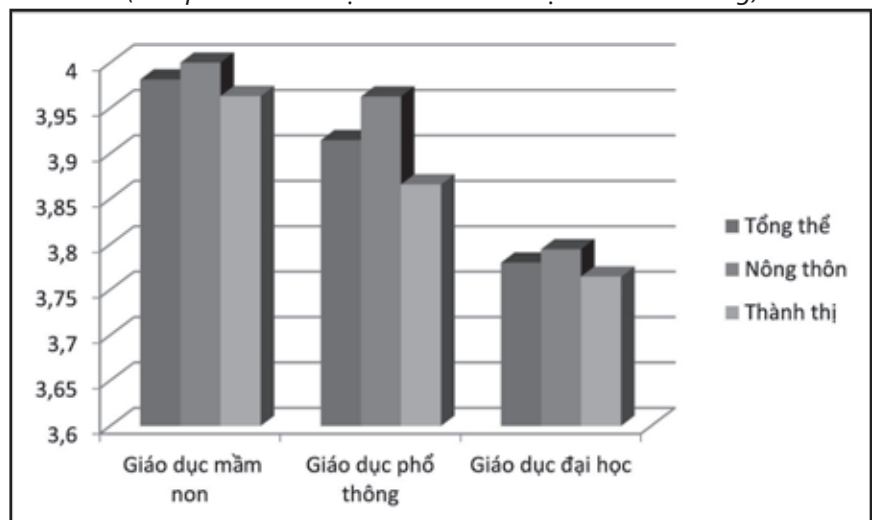
Kết quả về sự hài lòng về giáo dục

Với câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, điểm số cho mỗi câu trả lời như sau: Với (1) hoàn toàn không hài lòng tương đương với điểm số 1, và (5) hoàn toàn hài lòng tương đương với điểm số 5. Từ đó, có thể tính toán trung bình câu trả lời. Bên cạnh đó, tỷ lệ hài lòng là tỷ lệ các câu trả lời 4 (Hài lòng) và 5 (Hoàn toàn hài lòng).

Đầu tiên là sự hài lòng về các cấp học. Điểm trung bình trong các câu trả lời về sự hài lòng các cấp học như trình bày ở Hình 1. Kết quả cho thấy, sự hài lòng giảm dần theo cấp học. Điểm số trung bình của các câu trả lời có sự khác biệt có ý nghĩa ở mức 1% với kiểm định thống kê T. Kết quả này phản ánh khá chính xác thực trạng giáo dục ở Việt Nam, khi giáo dục phổ thông được đánh giá cao hơn so với giáo dục đại học.

Về tỷ lệ hài lòng, tỷ lệ đối với các bậc phổ thông có sự khác biệt với kết quả theo khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ví dụ, tỷ lệ hài lòng với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trong điều tra sử dụng trong bài viết này lần lượt là 90,7% và 86,1%. Tỷ lệ này thấp hơn so với kết quả khảo sát ở Bắc Giang năm 2021 và xấp xỉ kết quả năm 2022 ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình 1: Điểm số trung bình về sự hài lòng ở các cấp học
(Kết quả khảo sát tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang)



Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu điều tra

Với hai khu vực nông thôn và thành thị (Bảng 1), trung bình điểm số câu trả lời ở khu vực nông thôn luôn cao hơn thành thị. Tuy nhiên, với tỷ lệ hài lòng nói chung, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Điều này là do tỷ lệ câu trả lời hoàn toàn hài lòng ở khu vực nông thôn cao hơn.

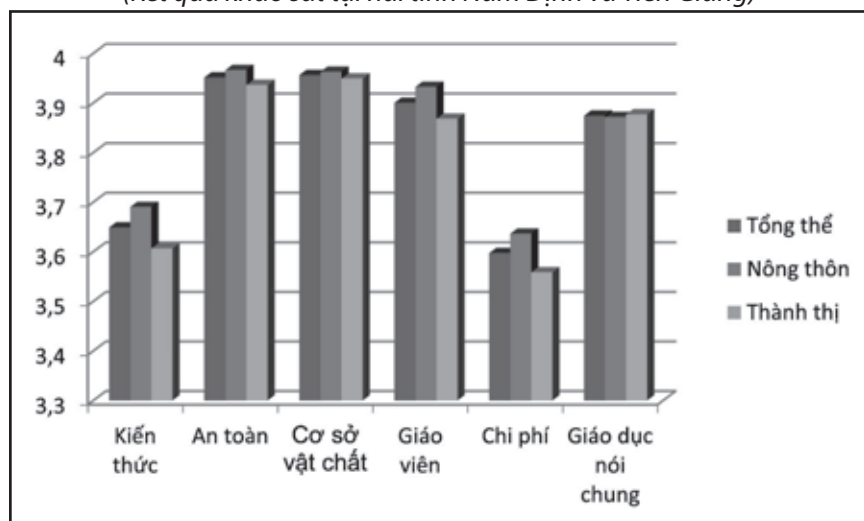
3. Quyết định số 2329 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 1. Tỷ lệ hài lòng các cấp học và các khía cạnh giáo dục (%)
(Kết quả khảo sát tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang)

	Toàn bộ mẫu	Nông thôn	Thành thị	Thống kê của kiểm định T khác biệt giữa Nông thôn và Thành thị
Giáo dục mầm non	90.772	90.909	90.635	0.115
Giáo dục phổ thông	86.177	88.136	84.192	1.383
Giáo dục đại học	74.941	77.626	72.115	1.313
Khối lượng kiến thức	67.736	72.388	62.977	2.325
An toàn trường học	91.625	92.282	90.970	0.578
Cơ sở vật chất	89.207	90.909	87.500	1.338
Giáo viên, cán bộ giáo dục	85.304	89.189	81.419	2.682
Chi phí giáo dục	64.597	68.687	60.535	2.085
Giáo dục nói chung	85.092	85.811	84.385	0.488

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu điều tra

Hình 2. Điểm số trung bình về sự hài lòng các khía cạnh của giáo dục
(Kết quả khảo sát tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang)



Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu điều tra

Trong các khía cạnh của học tập, điểm số của sự hài lòng về khối lượng kiến thức và chi phí ở mức thấp hơn đáng kể so với sự hài lòng về an toàn, cơ sở vật chất và giáo viên (Hình 2). Nếu xét tỷ lệ hài lòng, là các câu trả lời có điểm số 4 và 5, mức độ hài lòng đối với khối lượng kiến thức và chi phí lần lượt là 67,7% và 64,6%. Trong khi đó, mức độ hài lòng về giáo viên, cơ sở vật chất và an toàn biến động từ 85% đến 91%. Như vậy,

có thể thấy, hiện tại phụ huynh kém hài lòng hơn về khối lượng kiến thức và chi phí giáo dục.

Một lần nữa, kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng của phụ huynh ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị.

Kết luận

Kết quả khảo sát thực nghiệm tại hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang cho thấy, có sự khác biệt nhất định trong sự hài lòng giữa các cấp học, sự hài lòng giảm dần theo cấp học. Sự khác biệt này có ý nghĩa

về mặt thống kê. Kết quả này dường như phản ánh đúng thực trạng giáo dục ở Việt Nam, khi giáo dục phổ thông được đánh giá cao hơn so với giáo dục đại học.

Tỷ lệ hài lòng ở khu vực nông thôn cao hơn đáng kể và có ý nghĩa với hai yếu tố là khối lượng kiến thức và giáo viên. Như vậy, có thể nói, phụ huynh học sinh ở khu vực thành thị kỳ vọng nhiều hơn ở khía cạnh cốt lõi của giáo dục là trang bị kiến thức cho học sinh./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), Quyết định 2034/QĐ-BGDĐT về Phê duyệt Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, giai đoạn 2023-2030.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Quyết định 2329/QĐ-BGDĐT về Ban hành bộ Công cụ Khảo sát và Tài liệu Hướng dẫn Triển khai đo lường sự Hài lòng của Người dân đối với Dịch vụ Giáo dục công.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Quyết định số 3982/QĐ-BGDĐT về Phê duyệt Đề án "Xây dựng Phương pháp Đo lường sự Hài lòng của Người dân đối với Dịch vụ Giáo dục Công".

Oliver, R. L. và Bearden, W. O. (1985), "Disconfirmation Processes and Consumer Evaluations in Product Usage", *Journal of Business Research*, Vol.13, trang: 235-246.

Parasuraman, A., Zeithaml, V. A và L. L. Berry, L. L. (1988), "Servqual: A multipleitem scale for measuring consumer perceptions of service quality", *Journal of Retailing*, Vol. 64 (1), trang: 12-40.

Razinkina, E., Pankova, L., Trostinskaya, I., Pozdeeva, E., Evseeva, L., và Tanova, A. (2018), "Student satisfaction as an element of education quality monitoring in innovative higher education institution". *E3S Web of Conferences*, Vol. 33. EDP Sciences.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CHÂU ÂU LOAY HOAY VỚI BÀI TOÁN LẠM PHÁT

Tiến Long

Lạm phát tiếp tục tăng cao

Dữ liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho thấy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 trên toàn khối 20 nước thành viên Eurozone tăng lên 2,9% từ mức 2,4% của tháng Mười một. Đợt tăng này chủ yếu là do các yếu tố kỹ thuật, trong đó nổi bật nhất là việc chấm dứt một số chương trình trợ cấp của các chính phủ.

Đối với CPI cơ bản (không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng), tăng chậm lại về mức 3,4% trong tháng 12/2023 so với 3,6% của tháng 11/2023. Điều này cho thấy, áp lực về giá vẫn đang hạ xuống, ngay cả khi lạm phát tổng thể tăng cao.

Mức tăng lạm phát mạnh ở Đức và Pháp, hai nền kinh tế lớn của Eurozone, đã tác động đến mức tăng lạm phát tổng thể của khu vực này.

Tốc độ lạm phát ở Đức trong tháng 12/2023 đã tăng lên mức cao nhất trong 3 tháng, đặt ra mối hoài nghi đối với niềm hy vọng

Theo dữ liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), lạm phát khu vực sử dụng đồng Euro (Eurozone) tăng mạnh vào tháng 12/2023 và vẫn có thể tăng cao hơn vào đầu năm 2024. Diễn biến lạm phát này làm gia tăng hoài nghi về triển vọng giảm lãi suất của Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) trong thời gian tới, đồng thời làm ảnh hưởng tới đà tăng trưởng kinh tế của khu vực này.

trước đó của nhà đầu tư rằng Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) có thể bắt đầu cắt giảm lãi suất ngay từ tháng Ba.

Số liệu từ cơ quan thống kê Đức Destatis cho thấy, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nền kinh tế

lớn nhất châu Âu tăng 3,8% trong tháng Mười hai so với cùng kỳ năm trước, từ mức tăng 2,35 ghi nhận trong tháng 11/2023.

Theo tờ Financial Times, việc chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp khí đốt, điện và thực phẩm đã áp dụng trong năm 2023 là nguyên nhân chính dẫn tới sự tăng tốc trở lại của lạm phát, không chỉ ở Đức mà nhiều nước châu Âu khác. Giá điện ở Đức trong tháng 12/2023 tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, đảo ngược cú giảm 4,5% của tháng Mười Một.

Nhà kinh tế Marco Wagner của ngân hàng Đức Commerzbank cảnh báo, lạm phát có thể tiếp tục mạnh lên trong tháng 1/2024 do các biện pháp tăng thuế và giảm trợ cấp, trước khi dần ổn định ở ngưỡng 3% trong năm nay.

Tại Pháp, CPI tăng lên 4,1% trong tháng 12/2023 từ mức 3,9% của tháng trước. Sự gia tăng của lạm phát tại quốc gia này phản ánh giá năng lượng và dịch vụ tăng.

Trước đó, lạm phát tại khu vực sử dụng đồng tiền chung Eurozone đã có 6 tháng giảm liên tiếp, về gần ngưỡng 2% mà ECB đề ra. Trong những tuần cuối của năm 2023, thị trường chứng khoán và trái phiếu châu Âu đồng loạt tăng, khi nhà đầu tư tin rằng ECB sẽ bắt đầu giảm lãi suất trong mùa xuân này - tương tự như kỳ vọng của giới đầu tư chứng khoán Mỹ. Tuy nhiên, lạm phát của khu vực Eurozone trong tháng 12/2023 được dự báo tăng lên mức 3% từ mức 2,4% trong tháng Mười một, chấm dứt chuỗi 6 tháng giảm liên tiếp.

Trong 2 năm qua, ECB đã tăng mạnh lãi suất từ ngưỡng âm lên mức cao kỷ lục 4% để chống lại tốc độ lạm phát cao tại khu vực này. Thị trường lãi suất tương lai đang phản ánh dự báo ECB sẽ giảm lãi suất tổng cộng 1,6 điểm phần trăm trong năm nay và khả năng 60% đợt giảm đầu tiên sẽ diễn ra vào tháng 3/2024.

Tuy nhiên, ông Carsten Brzeski, trưởng kinh tế vĩ mô toàn cầu của ngân hàng Hà Lan ING nhận định, việc lạm phát ở Đức tăng trở lại và khả năng áp lực giá cả tiếp tục tăng lên do những thay đổi về thuế trong tháng 1/2024, có thể ECB sẽ không có đợt cắt giảm lãi suất nào trong 5 tháng tới. Vì vậy, ông Carsten Brzeski cho rằng, việc giảm lãi suất sớm nhất cũng phải đến tháng 6/2024 mới bắt đầu.

Tăng trưởng kinh tế đối mặt với nhiều thách thức

Các nền kinh tế khu vực Eurozone đã rơi vào tình trạng trì trệ trong suốt bốn quý của năm trước khi tăng trưởng GDP chỉ đạt 0% trong giai đoạn từ quý IV/2022 đến quý III/2023.

Tiêu dùng tư nhân và đầu tư đã bị ảnh hưởng bởi quy mô tăng lãi suất chưa từng có của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB)

trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 9/2023 với tổng mức tăng 4,5 điểm phần trăm. Điều này khiến nhu cầu vay vốn của các công ty và hộ gia đình giảm sút, trong khi các điều kiện cho vay của ngành ngân hàng bị thắt chặt đáng kể.

Do tác động của việc thắt chặt tiền tệ có độ trễ nên ngay cả khi ECB đã tạm dừng tăng lãi suất trong những tháng gần đây, nền kinh tế khu vực Eurozone vẫn sẽ cảm nhận được những ảnh hưởng tiêu cực khá rõ rệt trong giai đoạn cuối năm 2023 và những quý đầu năm 2024. Do vậy, nhu cầu nội địa đối với cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ vẫn sẽ tiếp tục mờ nhạt.

Bên cạnh đó, các số liệu gần đây cho thấy, thị trường việc làm tại Eurozone đang xấu đi đáng kể, khi các công ty không nhận thấy triển vọng cải thiện và đã tiến hành cắt giảm nhân sự trong tháng thứ hai liên tiếp. Chỉ số việc làm tổng hợp của khu vực hiện đã rơi xuống mức thấp nhất trong ba năm là 49,6.

Điều này kết hợp với lãi suất vẫn ở mức cao, được dự báo sẽ cản trở đáng kể sự phát triển kinh tế của Eurozone, khiến các công ty gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư, làm xói mòn sức mua của thu nhập khả dụng và làm giảm nhu cầu đối với hàng tiêu dùng.

Hiệu ứng kìm hãm tăng trưởng sẽ đặc biệt mạnh mẽ ở các quốc gia có đặc điểm tỷ trọng sản xuất công nghiệp cao trong tổng thể nền kinh tế. Điều này thể hiện rất rõ ràng tại Đức – nền kinh tế đầu tàu của khu vực Eurozone.

Ngoài ra, căng thẳng địa chính trị cũng là một diễn biến kinh tế toàn cầu khác có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng và việc làm tại Eurozone. Các hạn chế liên quan đến thương mại xuyên biên giới

đang ảnh hưởng đến các nền kinh tế định hướng xuất khẩu, bao gồm nhiều nước châu Âu.

Thông thường trong các giai đoạn kinh tế suy yếu, các chính phủ châu Âu sẽ hỗ trợ tăng trưởng bằng các gói kích thích kinh tế. Tuy nhiên, điều này khó có thể xảy ra trong năm 2024 khi những biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ của các chính phủ dành cho các công ty và hộ gia đình trong cuộc khủng hoảng năng lượng và đại dịch Covid-19 đã dẫn đến tình trạng thâm hụt ngân sách trầm trọng và tỷ lệ nợ chính phủ cao hơn trên toàn khu vực Eurozone.

Khoản nợ công cao đã khiến khả năng ổn định nền kinh tế của các chính phủ giảm dần, đặc biệt là ở những quốc gia mắc nợ đặc biệt nặng nề. Do vậy, thay vì trông đợi vào các biện pháp hỗ trợ, kinh tế châu Âu sẽ phải đối mặt với việc chính sách tài khóa bị thắt chặt đáng kể trong năm 2024.

Với những khó khăn, thách thức khu vực phải đối mặt, ECB đã cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế châu Âu trong cả năm 2023 và 2024. Theo ECB, tăng trưởng kinh tế khu vực Eurozone dự báo đạt 0,6% trong năm 2023, giảm nhẹ so với mức 0,7% trong dự báo trước đó. Trong năm 2024, tăng trưởng kinh tế khu vực này dự báo đạt 0,8%, cũng thấp hơn mức dự kiến trước đó là 1%.

Tuy nhiên, một số nhà phân tích không kỳ vọng GDP của châu Âu sẽ suy yếu trong thời gian quá dài. Theo các chuyên gia của Ngân hàng ABN AMRO, sau khi suy giảm nhẹ 0,1% trong quý III và giảm 0,2% trong quý IV/2023, GDP của Eurozone sẽ ổn định hơn trong quý I/2024 và ghi nhận sự tăng trưởng vừa phải, ở dưới mức xu hướng trong thời gian còn lại của năm 2024./.



HÒA BÌNH: PHÁT HUY HIỆU QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Những năm qua, tỉnh Hòa Bình luôn được coi là một trong những “điểm sáng” trong khu vực và cả nước về thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Đặc biệt, với sự tham mưu, hướng dẫn kịp thời của Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình, các địa phương đã đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình, dự án trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Nhờ vậy, kinh tế - xã hội khu vực vùng DTTS có sự chuyển biến mạnh mẽ, chất lượng cuộc sống của đồng bào được nâng lên rõ nét.



Nguyễn Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc Hoàng Thị Hạnh (thứ 2, trái sang) thăm và động viên các mô hình phát triển kinh tế tại huyện Tân Lạc

Nâng cao chất lượng tham mưu

Hòa Bình là 1 trong 10 tỉnh có tỷ lệ đồng bào DTTS cao, chiếm tới 74,43% dân số (gồm các dân tộc Mường, Thái, Tày, Dao, Mông), sinh sống tại 145/151 xã, phường, thị trấn. Vì vậy, đầu tư phát triển toàn diện kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS được Hòa Bình xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong nhiệm kỳ 2020-2025. Để tạo sự chuyển biến cho khu vực đồng bào DTTS, thời gian qua, Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình đã có nhiều cố gắng, nỗ lực thực hiện tốt việc tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về công tác dân tộc; đồng thời hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc. Cụ thể, Ban đã tham mưu trình UBND Tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; tổng hợp

đề xuất của UBND các huyện, thành phố, đề xuất UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2023...

Tuy nhiên, việc triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn đầu gặp nhiều khó khăn do các văn bản hướng dẫn từ Trung ương còn chưa cụ thể. Vì vậy, Ban Dân tộc Tỉnh thường xuyên bám sát cơ sở, nắm bắt những vướng mắc ở cơ sở từ đó kịp thời tham mưu UBND tháo gỡ hoặc tổng hợp trình Chính phủ, các bộ, ngành liên quan hướng dẫn triển khai các dự án thành phần. Đơn cử như trong năm 2023, Ban đã đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương về nội dung mua sắm thiết bị cho các Trung tâm GDNN – GDTX, thống nhất phương án triển khai thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Đà Bắc, bổ sung đối tượng thụ hưởng Tiểu dự án 1 của Dự án 5, điều chỉnh nội dung hỗ trợ Tiểu Dự án 2 của Dự án 3...

Với sự chủ động trong thực hiện của các cấp ngành, địa phương, cùng với những tháo gỡ khó khăn kịp thời, kết quả thực hiện giải ngân Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, tính đến ngày 20/11/2023, đã giải ngân 458.019 triệu đồng, đạt 37,02% so với kế hoạch giao, trong đó: Nguồn vốn đầu tư giải ngân 306.335 triệu đồng, đạt 48,19% so với kế hoạch giao; nguồn vốn sự nghiệp

giải ngân 151.684 triệu đồng, đạt 25,22% so với kế hoạch giao.

Những chuyển biến tích cực

Từ nguồn vốn của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, trong 2 năm qua, Hòa Bình triển khai được nhiều dự án xây dựng hạ tầng, cơ sở thiết yếu như giao thông, thủy lợi, điện sinh hoạt, trường học, y tế; chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất; đào tạo nghề, mở rộng việc làm cho lao động người DTTS. Từ đó, diện mạo vùng DTTS và miền núi có nhiều thay đổi, đời sống của đồng bào có nhiều cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Tỷ lệ giảm nghèo vùng DTTS giai đoạn 2021-2023 của Hòa Bình là 2,93%/năm, đạt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (giảm trong khoảng từ 2,5-3,0%/năm).

Bên cạnh đó, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo người có công và các đối tượng chính sách được quan tâm thực hiện; chất lượng sự nghiệp y tế, giáo dục tiếp tục có sự chuyển biến, đồng bào dân tộc được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, người nghèo được khám, chữa bệnh miễn phí; giá trị văn hóa các dân tộc tiếp tục được quan tâm, bảo tồn và phát huy; năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ vùng đồng bào DTTS ngày càng được nâng cao...

Đến hết năm 2023, toàn Tỉnh có 06 xã thoát khỏi diện ĐBKK và được công nhận hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nâng tổng số xã ĐBKK thoát khỏi diện xã đặc biệt khó khăn



và được công nhận hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 là 14/59 xã. Trong số xã ĐBKK về đích nông thôn mới năm 2023, xã Độc Lập (thành phố Hòa Bình) là một trường hợp “đặc biệt”. Bởi, trước đó một năm, Độc Lập mới đạt 9/19 tiêu chí nông thôn mới, còn đến 10 tiêu chí chưa đạt. Song với sự vào cuộc cả hệ thống chính trị, xã Độc Lập được thành phố Hòa Bình tập trung đầu tư để tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng như mở đường, cứng hóa giao thông nông thôn, công trình nước sạch, hệ thống chiếu sáng...Người dân cũng sẵn sàng hiến đất, góp công sức cùng chính quyền xây dựng các công trình giao thông, phúc lợi...



Mô hình trồng bí xanh đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân xã Độc Lập, TP Hòa Bình

Bên cạnh đó, từ nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Xã đã triển khai các Dự án hỗ trợ sản xuất như: Chăn nuôi dê, bò, trồng rau sạch; tạo điều kiện, hỗ trợ người dân phát triển du lịch cộng đồng; mở các lớp đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, giới thiệu việc làm... qua đó góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Chỉ chưa tròn một năm, Độc Lập giờ đã khác rất nhiều. Điện, đường, trường, trạm, chợ, nhà văn hóa... được đầu tư đồng bộ, khang trang. Cái khó, cái nghèo đã được đẩy lùi, người dân cùng giúp nhau vươn lên làm giàu. Những đổi thay trên địa bàn xã Độc Lập khẳng định các chính sách cho vùng đồng bào, chính sách dân tộc đã đi vào cuộc sống.

Phát huy những thành tích đã đạt được, thời gian tới, Ban Dân tộc tỉnh sẽ tiếp tục tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, quản lý, điều hành, hướng dẫn và đôn đốc tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh, phấn đấu tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ giảm nghèo vùng đồng bào DTTS bình quân từ 2,5 - 3%/năm; đối với các xã ĐBKK bình quân từ 4 - 4,5%, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng; củng cố, tăng cường khối Đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước./.

Trịnh Long

CỤC THUẾ TỈNH HÒA BÌNH: TÍCH CỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ, ỨNG DỤNG MẠNH MẼ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO QUẢN LÝ THUẾ

Năm 2023, ngành Thuế tỉnh Hòa Bình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của Tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhiều doanh nghiệp thu hẹp quy mô, tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, thu hút đầu tư đạt thấp, thị trường bất động sản trầm lắng. Tuy nhiên, nhờ chủ động triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, Ngành Thuế Hòa Bình đã đạt được một số kết quả tích cực, nổi bật là cung cấp các dịch vụ thuế điện tử nhằm hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế.

Tổng thu nội địa thực hiện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2023 là 4.770 tỷ đồng, đạt 97% dự toán pháp lệnh, bằng 97,3% cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Thu tiền sử dụng đất là 1.490 tỷ đồng, đạt 74,5% dự toán pháp lệnh, bằng 102,3% cùng kỳ; Thu từ thuế và phí thực hiện 3.280 tỷ đồng, đạt 112,3% so với dự toán pháp lệnh; Có 9/17 khoản thu, sắc thuế vượt dự toán pháp lệnh.

Đặc biệt, trong năm 2023, Cục Thuế tỉnh Hòa Bình đã tích cực chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý thuế; Cải cách thủ tục hành chính; Cung cấp các dịch vụ thuế điện tử nhằm hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế, tạo thuận lợi và giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân. Cục đã hoàn thành triển khai hệ thống hóa đơn điện tử (HĐĐT) trên phạm vi toàn tỉnh và mở rộng triển khai HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền.



Trung tâm điều hành triển khai hóa đơn điện tử của Cục Thuế Hòa Bình



Cục Thuế Hòa Bình đã thực hiện xây dựng và lập Bản đồ số hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thông qua ứng dụng eTax Mobile trên thiết bị thông minh cầm tay

Đến nay, trên phạm vi toàn tỉnh Hòa Bình đã có trên 11 triệu HĐĐT được phát hành, công tác vận hành, xử lý hạ tầng kỹ thuật hệ thống HĐĐT đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định 24/7, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý cấp mã HĐĐT, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh.

Về triển khai HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, tính đến 09/10/2023, đã có 47 doanh nghiệp, hợp tác xã và 155 hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công, với số lượng hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền là 204.690 hóa đơn.

Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả quản lý về thuế, Cục Thuế Hòa Bình đã chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ và tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác quản lý HĐĐT, đẩy mạnh truyền thông, cảnh báo, xử lý hành vi gian lận về thuế, mua bán hóa đơn bất hợp pháp, tạo tính răn đe mạnh mẽ tới các doanh nghiệp, người nộp thuế, góp phần

ngăn chặn, phòng ngừa việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp từ sớm, từ xa.

Riêng với hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng, dầu, Cục đã thực hiện rà soát, thống kê các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên toàn Tỉnh nhằm tăng cường quản lý sử dụng HĐĐT đối với hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu; Ban hành Công văn số 5803/CTHBI-TTKT1 ngày 14/12/2023 về việc thực hiện quy định hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gửi thông tin hướng dẫn tới các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ xăng dầu trên địa bàn và đơn đốc triển khai thực hiện xuất HĐĐT theo từng lần bán hàng.

Cùng với đó, Cục Thuế cũng đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về phát hành HĐĐT theo từng lần bán hàng tới người nộp thuế. Đồng thời, tổ chức các cuộc trao đổi và làm việc với các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp cung cấp giải pháp HĐĐT để chia sẻ kinh nghiệm cũng như thảo luận các giải pháp hiệu quả để giúp các doanh nghiệp triển khai thành công.

Ngoài ra, Cục phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan liên quan khác tăng cường thanh tra, kiểm tra việc lập HĐĐT tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu, bảo đảm đúng quy định pháp luật, kiên quyết xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc cố tình không thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Nhờ tích cực chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý thuế, Cục Thuế Hòa Bình đã và đang tiếp tục nâng cao hiệu quả kiểm soát việc phát hành hóa đơn, quản lý doanh thu và thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, ngăn chặn tình trạng gian lận trong kinh doanh thương mại, đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, tạo thói quen tiêu dùng văn minh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thông qua đó, thể hiện thực hiện cam kết của ngành Thuế trong việc đồng hành, tạo điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện pháp luật thuế.

Bước sang năm 2024, trước dự đoán tình hình kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến hoạt động thu ngân sách, Cục Thuế Hòa Bình đã và đang thực hiện tốt các giải pháp nhằm tăng thu ngân sách Nhà nước, tập trung huy động các nguồn thu từ thuế, phí, đặc biệt quan tâm và đơn đốc thu nợ đọng thuế; Thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách; Chú trọng các nguồn thu từ đất và khai thác các nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn. Thực hiện chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí đầy đủ, kịp thời cho người nộp thuế để hỗ trợ người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững, lâu dài cho ngân sách./.

Minh Hùng



HÒA BÌNH: TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠO "ĐÒN BẨY" GIÚP ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỪNG BƯỚC VƯƠN LÊN THOÁT NGHÈO

Đồng hành cùng đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển kinh tế, giảm nghèo, thời gian qua, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hòa Bình triển khai nhiều chương trình tín dụng hiệu quả, tạo "đòn bẩy" để đồng bào dân tộc thiểu số từng bước vươn lên, giảm nghèo bền vững và góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn.



Cán bộ tín dụng chính sách huyện Mai Châu thăm hộ vay vốn
Phàng A Páo (người Mông, xã Pà Cò)

Hòa Bình là tỉnh miền núi phía Tây Bắc, dân số trên 854 nghìn người, trong đó trên 74% là người dân tộc thiểu số (DTTS). Những năm qua, bên cạnh những chính sách hỗ trợ đặc thù của Nhà nước, nguồn vốn tín dụng chính sách (TDCS) đã góp phần tạo động lực quan trọng giúp các hộ nghèo, nhất là các hộ đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có cơ hội phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhằm mở ra cơ hội thoát nghèo nhanh, bền vững.

Hàng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Hòa Bình đã thực hiện hiệu quả nhiều chương trình tín dụng đối với vùng đồng bào DTTS&MN giúp hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vay vốn để tạo đất sản xuất, chuyển đổi nghề và sản xuất, kinh doanh như: Chương trình cho vay hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn triển khai năm 2007 theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cho vay hộ đồng bào DTTS nghèo, khó khăn thực hiện

năm 2015 theo Quyết định số 755/QĐ-TTg dành cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo sinh sống ở vùng khó khăn có nhu cầu chuyển đổi nghề; cho vay hộ đồng bào DTTS theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg thực hiện từ năm 2018.

Theo số liệu báo cáo của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Hòa Bình năm 2022, thông qua nguồn vốn TDCS, đã giúp trên 34 ngàn lượt khách hàng, với phần lớn là đồng bào DTTS vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống. Trong đó, trên 6,2 ngàn lượt hộ nghèo, 4,2 ngàn lượt hộ cận nghèo, trên 1,6 ngàn lượt hộ mới thoát nghèo vay vốn; tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho trên 08 ngàn lao động; xây mới, mua nhà ở xã hội được 270 căn hộ; giúp 82 học sinh, sinh viên vay vốn chi phí học tập, mua máy tính học tập trực tuyến; 101 lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, trong năm 2022, từ nguồn vốn TDCS đã có 9,2 nghìn công trình nước sạch và 8,9 nghìn công trình vệ sinh

tại vùng nông thôn được xây dựng, nâng cấp. Vốn TDCS đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Hòa Bình năm 2022 xuống còn 12,29% (giảm 3,2% so 2021), hộ cận nghèo xuống 10,03% (giảm 0,62% so năm 2021), giúp cải thiện, ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, hạn chế tình trạng tín dụng đen trên địa bàn Tỉnh.

Tính đến hết ngày 31/11/2023, tổng dư nợ của 19 chương trình tín dụng đạt trên 4.553,5 tỷ đồng, với 99.670 khách hàng, tăng 8,74% so với 31/12/2022, hoàn thành 93,6% kế hoạch tăng trưởng của năm. Trong năm 2023, thông qua nguồn vốn TDCS đã giúp hơn 18 nghìn lượt khách hàng vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống. Trong đó, hơn 6.700 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn; hơn 3,3 nghìn lao động được tạo việc làm; xây dựng, nâng cấp 13 nghìn công trình nước sạch và công trình vệ sinh tại vùng nông thôn.

Đơn cử như tại huyện Lạc Sơn, đây là địa bàn rộng, dân số đông, chủ yếu là đồng bào DTTS với nhiều xã, xóm còn khó khăn. Những năm qua, nguồn vốn TDCS đã giúp nhiều hộ gia đình trong Huyện có vốn đầu tư phát triển kinh tế, tạo việc làm, sửa chữa nhà cửa...góp phần giúp trên 4,5 nghìn hộ nghèo, hộ sinh sống ở vùng DTTS&MN của Huyện thoát nghèo. Đến hết ngày 31/10/2023, tổng dư nợ của các chương trình tín dụng chính sách

trên địa bàn Huyện đạt trên 576 tỷ đồng, là Huyện có số dư nợ lớn nhất Tỉnh.

Hay như huyện Đà Bắc, là huyện nghèo 30a duy nhất của tỉnh Hòa Bình, với trên 90% người dân là đồng bào DTTS, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn. Nhu cầu được tiếp cận với các chương trình TDCS của người dân là rất lớn. Trước nhu cầu cấp thiết đó, Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Đà Bắc đã tập trung thực hiện công tác TDCS đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng, đồng vốn sử dụng đúng mục đích, đảm bảo 100% hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu và đủ điều kiện đều được vay vốn. Những năm qua, Đà Bắc luôn là một trong những địa phương có dư nợ TDCS cao nhất tỉnh. Hiện nay, tổng dư nợ TDCS trên địa bàn Huyện đạt trên 546 tỷ đồng, với gần 14 nghìn khách hàng. Trong 10 tháng của năm 2023, đã có 1.896 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn Huyện được vay vốn chính sách, doanh số cho vay đạt 75,5 tỷ đồng. Việc sử dụng hiệu quả vốn vay ưu đãi từ NHCSXH được xem như “chìa khóa” cho hộ nghèo mà phần lớn là hộ người DTTS và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn huyện vùng cao Đà Bắc cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.



Từ nguồn vốn vay chính sách gia đình ông Bàn Văn Toàn ở xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc đã đầu tư làm chuồng nuôi và mua trâu giống để phát triển kinh tế gia đình

Không riêng gì Đà Bắc hay Lạc Sơn, thực tế cho thấy, dòng vốn TDCS luôn được khơi thông, chảy đều đặn về khắp các miền quê của tỉnh Hòa Bình. Vốn TDCS đã và đang phát huy hiệu quả, giúp nhiều hộ đồng bào DTTS, miền núi của Tỉnh xây dựng nhà mới, đầu tư phát triển sản xuất từng bước vươn lên thoát nghèo. Từ nguồn vốn vay TDCS, nhiều địa phương trong Tỉnh đã xây dựng các trường học đạt chuẩn, kiên cố hóa giao thông, hệ thống kênh mương, xây dựng trụ sở xã, xóa nhà tạm, dạy nghề cho lao động nông thôn... Qua đó giúp cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là tại vùng DTTS&MN của tỉnh Hòa Bình từng bước hiện đại./.

Minh Châu

Với quan điểm “Tất cả vì sự hài lòng của người bệnh” những năm vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức (do mô hình bệnh tật thay đổi, cơ chế chính sách có sự điều chỉnh, việc cung ứng thiết bị y tế, vật tư y tế có lúc bị chậm) song Trung tâm y tế huyện Cao Phong luôn kiên trì thực hiện mục tiêu dài hạn là không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thái độ, tinh thần phong cách phục vụ của tất cả nhân viên y tế nhằm tạo ra chuyển biến toàn diện về chất lượng dịch vụ.

Theo đó, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ, bác sĩ đi đào tạo dài hạn hoặc tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh tổ chức hoặc cử đi học tập các bệnh viện tuyến trên; hoặc tiếp nhận đào tạo, chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương. Đặc biệt, trong năm 2023, Trung tâm là đơn vị được Sở Y tế Hòa Bình lựa chọn để triển khai Dự án “Phát triển mô hình chăm sóc Mắt tuyến huyện”. Thông qua chương trình này, Trung tâm không chỉ được thụ hưởng rất nhiều trang thiết bị chuyên khoa mắt mà còn được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhân lực y tế do Dự án tổ chức.

Nhờ quá trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục, nguồn nhân lực của Trung tâm có sự thay đổi lớn về số lượng và chất lượng. Cùng với đó, Ban lãnh đạo Trung tâm quan tâm bố trí sắp xếp vị trí việc làm phù hợp nhằm phát huy năng lực về chuyên môn và kinh nghiệm của từng nhân viên y tế.

Song song với việc phát triển trình độ chuyên môn, Trung tâm tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của tỉnh, ngành; đồng thời cũng dành nguồn lực của đơn vị để cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng



Các bác sĩ, nhân viên y tế TTYT Cao Phong trong ca mổ cấp cứu sản phụ nguy kịch, cứu sống thành công bệnh nhân



TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAO PHONG: SÁNG Y ĐỨC, VỮNG CHUYÊN MÔN



Được hỗ trợ từ Dự án “Phát triển mô hình chăm sóc mắt tuyến huyện”, TTYT Cao Phong được đầu tư trang thiết bị, phục vụ khám, chữa các bệnh về mắt cho Nhân dân

môi trường bệnh viện ngày càng xanh, sạch, đẹp; đầu tư hệ thống máy móc, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, chuyên sâu như: Hệ thống nội soi tiêu hóa, nội soi tai mũi họng, hệ thống đo mật độ xương, máy siêu âm 4D, máy sinh hóa miễn dịch tự động...

Bên cạnh đó, TTYT đặc biệt coi trọng xây dựng y đức gắn liền với thực hiện Đề án “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Từ Ban Giám đốc đến đội ngũ nhân viên y tế luôn xác định đây là việc làm cốt lõi và trọng tâm cần phải thực hiện thường xuyên và liên tục, không mang tính hình thức mà phải xuất phát từ nhận thức “Thầy thuốc như mẹ hiền”.

Ngay từ đầu năm, Trung tâm tổ chức ký cam kết giữa nhân viên y tế với Trưởng khoa/phòng và giữa Trưởng khoa/phòng với lãnh đạo Trung tâm về việc thực hiện thay đổi phong cách, thái độ phục vụ. Hằng năm, Trung tâm tổ chức các lớp tập huấn về giao tiếp ứng xử, rèn luyện kỹ năng hình thành văn hoá giao tiếp trong bệnh viện cho toàn bộ cán bộ, viên chức; đồng thời phát động các phong trào thi đua, tổ chức hội thi giao tiếp ứng xử nhằm tuyên truyền đạo đức nghề nghiệp, tinh thần, thái độ phục vụ của y bác sĩ, nêu gương người tốt, việc tốt.

Với phương châm “Trị bệnh bằng khối óc, Chăm sóc bằng trái tim”, Trung tâm đã thành lập đội “Tiếp sức người bệnh” do các điều dưỡng trẻ đảm nhận với mục đích hướng dẫn và giúp đỡ người bệnh trong quá trình khám chữa bệnh như: Hướng dẫn

đăng ký khám bệnh, thực hiện các cận lâm sàng, hỗ trợ giúp đỡ người bệnh già yếu, tư vấn giải thích các quy trình khám bệnh, thủ tục nhập viện, chế độ ăn uống sinh hoạt và phòng bệnh... Để hướng tới chất lượng toàn diện, Ban lãnh đạo Trung tâm đã xây dựng quy trình khám chữa bệnh theo hướng đơn giản hoá, tiếp tục tiếp đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và chuyên môn, giảm thời gian chờ đợi của người bệnh.

Với những biện pháp đồng bộ và thiết thực, công tác khám, chữa bệnh tại TTYT huyện Cao Phong có những chuyển biến toàn diện. Từ năm 2022 đến nay, lượng bệnh nhân quay trở lại khám, điều trị tại các tuyến từ trạm y tế xã tới tại Trung tâm tuyến huyện tăng dần trở lại. Tổng số lượt người đến khám chữa bệnh năm 2023 đạt gần 33 nghìn lượt và tổng số bệnh nhân điều trị nội trú là 7,2 nghìn lượt (cả hai chỉ số đều tăng xấp xỉ 20% so với năm 2022). Nhìn chung, chất lượng khám và điều trị bệnh cho Nhân dân bảo đảm an toàn, phát huy có hiệu quả các trang thiết bị được cung cấp, không để xảy ra sai sót làm ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của người bệnh, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng sai sót chuyên môn và giảm tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến; tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú luôn đạt trên 85%. Trong giai đoạn 2020-2023, Trung tâm triển khai 200 kỹ thuật mới; trong đó có các kỹ thuật cao, tương đương với tuyến tỉnh. Việc phát triển kỹ thuật chuyên môn thực hiện đồng đều ở tất cả các khoa, đảm bảo điều kiện để Trung tâm thành lập chuyên khoa sâu, phù hợp mô hình hoạt động của một Trung tâm y tế hạng II.

Đối với công tác dự phòng và dân số, TTYT huyện Cao Phong cũng đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao. Trung tâm chỉ đạo các Trạm Y tế xã, thị trấn triển khai công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư, giám sát chặt chẽ các ổ dịch khi phát sinh; phát hiện kịp thời, khống chế và xử lý nhanh các ca bệnh truyền nhiễm không để dịch lây lan ra cộng đồng. Công tác Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em hàng năm đều đạt chỉ tiêu, đảm bảo an toàn, không có tai biến xảy ra trong và sau tiêm chủng, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ trẻ em hàng năm đều đạt trên 95%/.

T.L



HOÀ BÌNH: TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hòa Bình, ngành Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình đã nỗ lực cố gắng để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Chất lượng giáo dục đại trà được quan tâm, củng cố và ngày càng nâng cao. Các hoạt động đổi mới theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh được triển khai sâu rộng.



Giáo viên Trường tiểu học thị trấn Hàng Trám (Yên Thủy) ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh

Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

Xác định đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền trong Tỉnh luôn ưu tiên đầu tư củng cố mạng lưới trường lớp, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học...

Chỉ tính riêng trong năm học 2022- 2023, Hòa Bình đầu tư xây mới, xây dựng bổ sung thay thế phòng học xuống cấp là 445 phòng; Cải tạo, sửa chữa, kiên cố hoá là 739 phòng; tổng số phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh được đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo là 396 phòng... với tổng kinh phí trên 784 tỷ đồng. Song song với đó, toàn Ngành đã thực hiện mua sắm 25.362 bộ thiết bị theo danh mục tối thiểu và 6.885 bộ thiết bị khác cho các khối lớp, đáp ứng nhu cầu dạy và học của thầy và trò.

Bên cạnh đó, Hòa Bình đã xây dựng và ban hành các chính sách đãi ngộ, thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đặc biệt, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên được tổ chức dưới nhiều hình thức, trong đó ưu tiên đào tạo nâng chuẩn trình độ giáo dục theo quy định và Luật Giáo dục năm 2019... Nhờ đó, trình độ đạt chuẩn của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được tăng lên hằng năm.

Chất lượng giáo dục chuyển biến tích cực

Nhờ chú trọng đầu tư, nâng cấp trường lớp, cùng với sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chất lượng giáo dục Hòa Bình đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể, chất lượng giáo dục đại trà đạt kết quả tốt, từng bước thu hẹp khoảng cách chất lượng giữa vùng thuận lợi với vùng khó khăn. Tỷ lệ thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT năm 2023 của tỉnh đạt 99,31%; điểm thi tốt nghiệp trung bình năm 2022 của thí sinh, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố (tăng 29 bậc so với năm 2021); Không chỉ vậy, việc huy động trẻ mầm non ra lớp cũng đạt tỷ lệ rất cao với 44% (cao hơn 16% so với tỷ lệ chung toàn quốc).

Năm 2022, toàn Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

Bên cạnh chất lượng đại trà, học sinh tỉnh Hòa Bình còn khẳng định được tài năng trong các cuộc thi học sinh giỏi, học sinh tài năng. Nổi bật, trong hai năm học gần đây, Hòa Bình đều tăng cả về số lượng

và chất lượng giải. Ngoài ra, hội thi Khoa học Kỹ thuật cấp quốc gia năm 2023, Hòa Bình đạt 01 giải Nhì, 01 giải triển vọng. Ở các cuộc thi trong khu vực và quốc tế. Năm học vừa qua, các học sinh của Hòa Bình cũng đã đạt 02 giải Á quân tại vòng chung kết Cuộc thi Coolest Projects Malaysia 2022; 01 huy chương Vàng tại cuộc thi Olympic Phát minh và Sáng chế thế giới tại Hàn Quốc (WICO 2023).

Việc đổi mới phương pháp dạy học được triển khai tích cực ở tất cả các cấp, bậc học mang đến hiệu quả tích cực. Toàn ngành Giáo dục đã tập trung tạo chuyển biến mạnh mẽ từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nội dung giáo dục bao gồm tổng hợp kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại, hài hòa đức - trí - thể - mỹ, tạo điều kiện phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; đồng thời tổ chức các kỳ thi an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo khách quan, phản ánh đúng chất lượng, tác động tích cực đến việc dạy và học.

Với những kết quả nổi bật đó, năm học 2021-2022, Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập". Riêng năm 2022, Sở được tặng Cờ thi đua của Chính phủ, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2022./.

Trịnh Đình



TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN KIM BÔI: THỰC HIỆN HIỆU QUẢ MỤC TIÊU KÉP

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình được thành lập theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình, có nhiệm vụ đào tạo nhân lực trực tiếp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 03 tháng, đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên và các chương trình giáo dục để lấy bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Trung tâm tích cực phối hợp với các ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng, Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời, tiến hành khảo sát nhu cầu học nghề của người dân tại các xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển sinh; liên kết với các đơn vị có liên quan để tổ chức dạy nghề.

Để thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, Trung tâm đã đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tính chủ động của người lao động trong quá trình tìm việc làm và chuyển đổi nghề; xây dựng chương trình, nội dung đào tạo nghề thiết thực cho từng nhóm đối tượng; tăng cường liên kết trong việc chuyển giao, tiếp nhận kiến thức, kỹ thuật, sử dụng lao động qua đào tạo.

Các lớp đào tạo nghề được Trung tâm tổ chức linh hoạt về thời gian, địa điểm (tổ chức tại các xã, các thôn) nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học viên theo học.



Ông Trần Nam Hải - Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi trao chứng nhận cho các học viên hoàn thành khóa học kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cỏ mủi

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Bôi phát huy tốt cơ sở vật, nhân lực chất sẵn có, tích hợp bài bản hai loại hình giáo dục, thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa kết hợp với đổi mới đào tạo, xây dựng chương trình dạy nghề phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Các ngành nghề đào tạo luôn gắn với nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của Huyện, như: Nghề may công nghiệp, may túi siêu thị; làm Chổi chít; trồng và chăm sóc cây có múi, thêu thổ cẩm; mây tre đan; chăn nuôi thú y...

Năm 2022, Trung tâm đã tổ chức 35 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 1.095 học viên. Trong đó 09 lớp dạy nghề theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; 11 lớp theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và 15 lớp theo Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN. Trong 10 tháng năm 2023, Trung tâm

đã tổ chức 48 lớp đào tạo, với 1640 học viên, trong đó có 24 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp và 24 lớp đào tạo nghề nông nghiệp. Có trên 80% học viên học nghề tại Trung tâm là người dân tộc thiểu số; 90% học viên học xong các lớp đào tạo nghề có việc làm, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất, kinh doanh tại địa phương, gia đình, góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

Bên cạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Trung tâm đã triển khai thực hiện hình thức tổ chức đào tạo kết hợp giữa học văn hóa và học nghề (học 3 năm cấp 2 bằng, 01 bằng trung cấp nghề và 01 bằng tốt nghiệp THPT). Trung tâm đã phối hợp với các trường trung cấp, cao đẳng nghề trong và ngoài tỉnh tổ chức các lớp học trung cấp nghề liên kết, với các ngành nghề như: Kế toán; tin học ứng dụng; du lịch, quảng trị nhà hàng khách sạn; hàn; máy lạnh; kỹ thuật chế biến món ăn; chăm sóc sắc đẹp, trồng trọt... cho các học viên học hệ giáo dục thường xuyên tại Trung tâm. Chỉ tính riêng trong 2 năm học 2022-2023 và 2023-2024, Trung tâm đã liên kết tổ chức



được 26 lớp đào tạo hệ trung cấp nghề cho 825 học viên đang theo học hệ giáo dục thường xuyên. Hình thức đào tạo này đã giúp các học viên tiết kiệm được thời gian và chi phí học tập. Thực tế nhiều học viên học tại Trung tâm đã tìm kiếm được việc làm tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã thành công trong việc lập nghiệp, mở các cửa hàng kinh doanh, các hợp tác xã, các tổ sản xuất cho thu nhập ổn định.

Nhờ được học nghề ở Trung tâm mà nhiều người lao động được tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao kiến thức trong sản xuất, kinh doanh. Qua đó làm thay đổi tư duy của người dân về thay đổi ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập, đặc biệt là các lao động trong các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ là người đồng bào DTTS.



Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề cho học sinh

Có thể khẳng định hoạt động đào tạo nghề của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Huyện. Theo số liệu báo cáo, tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện Kim Bôi đã tăng từ 48,5% năm 2018 lên 62% năm 2022 và 63,7% năm 2023. Trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ là 25%.

Phát huy những kết quả đã đạt được, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi đã và đang thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Trung tâm hướng đến mục tiêu là tất cả các học viên sau khi được đào tạo nghề tại Trung tâm sẽ có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng nghề vào thực tế lao động sản xuất, là nguồn nhân lực chất lượng để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kim Bôi trong thời gian tới./.

Hùng Minh

Trường PT Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Lạc Sơn được thành lập từ tháng 8 năm 1995. Đến nay, Trường đã có đầy đủ các công trình phục vụ tốt cho việc dạy và học, bao gồm: 11 phòng học trang bị các thiết bị thông minh, phòng học bộ môn, phòng học ngôn ngữ, khu nội trú với 32 phòng khép kín, khu vực sân chơi, bãi tập, cảnh quan thoáng mát xanh, sạch, đẹp.... Đặc biệt, những năm gần đây, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Trường được nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục thiết yếu, đồng thời bổ sung, mua sắm các trang thiết bị tối thiểu phục vụ các hoạt động giáo dục, hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học thông qua việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

Cô Đinh Thị Thanh Tươi - Hiệu trưởng Nhà trường chia sẻ: “Để có chất lượng giáo dục tốt cần phải xây dựng được môi trường giáo dục tốt. Điều này khởi đầu phải từ năng lực, đạo đức của đội ngũ giáo viên”. Vì vậy, Ban Giám hiệu luôn quan tâm đến công tác xây dựng và nâng cao trình độ năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên, đồng thời động viên các thầy cô giáo nỗ lực tự học, không ngừng tích lũy kiến thức đổi mới công tác dạy học để xứng đáng là “người dẫn đường tin cậy”. Nhà trường cũng thường xuyên phát động các phong trào thi đua gắn với nội dung chuyên môn; tổ chức các Hội thi, hội thảo chuyên môn cấp trường tạo động lực cho cán bộ, giáo viên thi đua nâng cao năng lực, trình độ. Nhờ vậy, chất lượng đội ngũ giáo viên không ngừng được nâng lên. Năm học 2022 – 2023. Tỷ lệ đạt chuẩn của giáo viên là 99,6%, trong đó có 30 cán bộ, nhà giáo có trình độ đại học.



Một tiết học áp dụng phương pháp dạy học tích cực, học sinh được phân nhóm, nghiên cứu, thảo luận những nội dung bài học



TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS VÀ THPT HUYỆN LẠC SƠN: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN



Các thầy cô hướng dẫn học sinh sắp xếp quần áo, đồ dùng ngăn nắp, nền nếp, xây dựng "Phòng ở nội trú sạch, đẹp, an toàn, thân thiện"

Thực hiện các hướng dẫn của Ngành, ngay từ đầu các năm học, Trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập để học sinh thực hiện ở trong và ngoài lớp học.

Song song với việc dạy văn hóa, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động giáo dục trải nghiệm nhằm giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, hiểu biết pháp luật, ý thức công dân, giáo dục quốc phòng, an ninh, tư vấn hướng nghiệp, những giá trị cơ bản của truyền thống, đạo lý dân tộc, văn hóa Việt Nam và tinh hoa nhân loại... Tiêu biểu, trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề như: "Hào khí Việt Nam", "Em yêu Khoa học tự nhiên", "Ngày hội STEM", phối hợp với Ban dân tộc tỉnh tổ chức buổi nói chuyện với chủ đề "Phòng chống nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống" giúp học sinh biết cách chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và nhận biết được tác hại của nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Xuất phát từ đặc thù là trường nội trú, Trường đặc biệt coi trọng công tác quản sinh. Trong hai năm học gần đây, Nhà trường triển khai 2 mô hình trong công tác quản lý, được đánh giá có hiệu quả mang tính nhân rộng. Đó là: Mô hình "Nhà trường an toàn

không có ma túy" tạo môi trường lành mạnh, an toàn không để ma túy xâm nhập học đường và Mô hình "Phòng ở nội trú sạch, đẹp, an toàn và thân thiện" giúp học sinh có ý thức cao trong việc thực hiện nội quy, quy định của Nhà trường.

Được sự hướng dẫn, chỉ bảo của các thầy cô, cùng với nỗ lực của học sinh, chất lượng giáo dục Nhà trường trong nhiều năm qua luôn ổn định. 3 năm học gần đây, học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đều đạt từ 95% trở lên, không có học sinh hạnh kiểm yếu. Về học lực, tỷ lệ học sinh đạt khá giỏi các năm đều tăng, không có học sinh yếu. Đặc biệt, năm học 2022 -2023, Trường có 295/320 học sinh có học lực khá, giỏi đạt tỷ lệ 92,18%. 100% học sinh khối 12 đều tốt nghiệp THPT, số điểm bình quân các môn thi tốt nghiệp đạt 7,51, đứng thứ 2 toàn tỉnh, chỉ sau trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ và đứng đầu các trường PT DTNT trong tỉnh. Nhiều học sinh đã đỗ vào các trường đại học top đầu như: Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học giáo dục/Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện Ngân hàng...

Trong kỳ thi học sinh giỏi, học sinh của Trường tiếp tục có sự tiến bộ rõ rệt, số lượng chất lượng các giải qua mỗi năm đều được nâng lên. Năm học 2022 -2023, toàn trường có: 61 em đạt học sinh giỏi cấp trường, 29 học sinh giỏi cấp huyện và 09 em học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hoá. Cuộc thi Khoa học cấp tỉnh dành cho học sinh trung học đạt 01 giải Ba và 2 sản phẩm STEM dự thi cấp tỉnh.

Với những thành tích đã đạt được, nhiều năm liền, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Lạc Sơn được công nhận là "Tập thể Lao động tiên tiến" và "Tập thể Lao động xuất sắc", Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích xuất sắc phong trào thi đua năm học 2022 - 2023 (xếp thứ 3 khối thi đua các trường DTNT toàn tỉnh). Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác xây dựng đội ngũ, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới của Ngành, xây dựng kế hoạch tiến tới đạt trường Chuẩn quốc gia mức độ 2 và tham mưu mở rộng quỹ đất để phát triển quy mô Nhà trường đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng học tập cho con em các dân tộc trên địa bàn Huyện và Tỉnh./.

Đình Long

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 02/2024 (663) Ra hàng tháng. Năm thứ 64
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tiếp và làm việc với Giám đốc Văn phòng phát triển năng lực Quỹ Tiền tệ quốc tế tại Thái Lan
2. Hội Ban Chỉ đạo dự án "Hỗ trợ Việt Nam cải thiện chất lượng số liệu Thống kê chính thức"
3. Tăng cường chuyển đổi số sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê

Vũ Thị Thu Thủy

KINH TẾ - XÃ HỘI

8. Tình hình kinh tế - xã hội tháng Một năm 2024
12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng Một năm 2024
13. Năm 2024 - Kinh tế Việt Nam dồn lực về đích
16. Du lịch Việt Nam kỳ vọng bứt phá mạnh mẽ trong năm 2024
19. Chuyển đổi số năm 2024 - Đầu tư hạ tầng số để phát triển kinh tế số
23. Vì một Thế giới xanh Việt Nam phát triển bền vững
25. Chấn hưng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới
28. Cải thiện chính sách để ứng phó với già hóa dân số từ góc nhìn chuyên gia

ThS. Trần Tranh Tùng

ThS. Kiều Thị Tuấn

Trang Nguyễn

ThS. Lê Thị Thu Trang

Phạm Hoài Nam

TƯ LIỆU ĐỊA PHƯƠNG

31. Lâm Đồng đẩy mạnh thu hút FDI vào nông nghiệp
34. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế ban đêm tại tỉnh Phú Yên

ThS. Vũ Thị Khánh Minh

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

37. Sự hài lòng về dịch vụ giáo dục ở Việt Nam: Bằng chứng từ kết quả khảo sát ở hai tỉnh Nam Định và Tiền Giang

Vũ Hoàng Đạt - Nguyễn Thị Vân Hà

QUỐC TẾ

40. Châu Âu hoay hoay với bài toán lạm phát

Tiến Long

HÒA BÌNH - ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

42. Hòa Bình: Phát huy hiệu quả các chính sách dân tộc
43. Cục Thuế tỉnh Hòa Bình: Tích cực chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý thuế
45. Hòa Bình: Tín dụng chính sách tạo "đòn bẩy" giúp đồng bào dân tộc thiểu số từng bước vươn lên thoát nghèo
46. Trung tâm Y tế huyện Cao Phong: Sáng y đức, vững chuyên môn
48. Hòa Bình: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục
49. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi: Thực hiện hiệu quả mục tiêu kép

Trịnh Long

Minh Hùng

Minh Châu

T.L

Trịnh Đình

Hùng Minh

Đình Long

TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG XÁ: LAN TỎA YÊU THƯƠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ TOÀN DIỆN

Là đơn vị nằm trong tốp đầu khối giáo dục mầm non của huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình những năm qua, Trường Mầm non Đông Xá luôn tiên phong trong đổi mới về phương pháp dạy học theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm”, đem đến cho trẻ sự phát triển toàn diện hài hòa cả về thể chất lẫn trí tuệ, được người dân và phụ huynh trong khu vực đặt trọn niềm tin.

Trường Mầm non Đông Xá có tổng diện tích trên 4.300 m² bao gồm 10 phòng học xây dựng kiên cố với đầy đủ tivi, bàn ghế đúng quy cách, hệ thống chiếu sáng, quạt mát đảm bảo phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Nhà trường có sân chơi, bãi tập, khu trải nghiệm khám phá, khu vui chơi giao thông, chợ quê..., cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp. Đặc biệt, khu vực bếp ăn xây dựng theo quy trình “một chiều” với đầy đủ trang thiết bị hiện đại như: Nồi cơm hấp, máy xay thịt, bếp ga, tủ sấy bát, sấy cốc, bảo quản thực phẩm, lưu mẫu thức ăn, sử dụng nguồn nước sạch...

Tuy nhiên, do được xây dựng từ lâu nên một số hạng mục đã bắt đầu xuống cấp, vì vậy, năm học vừa qua, Ban Giám hiệu nhà trường đã tích cực tham mưu với các cấp, các ngành tăng cường đầu tư tu sửa, cải tạo cơ sở vật chất mua sắm các phương tiện, thiết bị nhằm đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Song song với việc tăng cường cơ sở vật chất, Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng và nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên bằng nhiều hình thức như tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn hoặc lý luận chính trị, tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng chuẩn, tổ chức thi đồ dùng, đồ chơi tự làm, thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Đội ngũ giáo viên của Trường cũng không ngừng học tập, nỗ lực tự trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tích cực hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động, cuộc phong trào thi đua thiết thực như: Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; Đẩy mạnh

ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy; Mỗi cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo... Đến nay, Nhà trường đã có 24/24 cán bộ, giáo viên trình độ chuyên môn đạt chuẩn (trong đó tỷ lệ đạt trên chuẩn là 79,1%) và 100% giáo viên đều có khả năng khai thác, sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng giáo án.

Với thế mạnh là đội ngũ giáo viên vững vàng chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, Trường Mầm non Đông Xá đã tiên phong triển khai có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm”. Nổi bật, Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên đẩy mạnh xây dựng môi trường bên trong các lớp học nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm, sáng tạo để phát triển toàn diện; đồng thời khuyến khích giáo viên sử dụng phương tiện, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tương tác, học bằng chơi, chơi mà học. Trong năm học vừa qua, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm vào các ngày lễ, tết với chủ đề như: “Tết và mùa xuân”, “Vui tết Trung thu”; tham gia vào các hoạt động lễ hội tại địa phương và nhiều hoạt động trải nghiệm khác với quy mô nhỏ hơn như lớp, nhóm học sinh.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện có hiệu quả, chất lượng việc cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh qua các hình thức phù hợp như: Cho trẻ nghe các bài hát tiếng Anh, xem các hình ảnh trong các quyển truyện tranh bằng Tiếng Anh, cho trẻ chơi trò chơi bằng tiếng Anh. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức triển khai thành công các chuyên đề liên quan đổi mới giáo dục như: Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe lồng ghép với phát triển vận động, Đồ dùng đồ chơi tự làm và sản phẩm giáo dục Stem, Đổi mới phương pháp, ứng dụng phương pháp giáo dục Stem trong tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non...

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ được chú trọng đổi mới không ngừng, Nhà trường luôn cải tiến

quy trình chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, đảm bảo quy trình chế biến thức ăn cho trẻ theo đúng quy định về VSATTP, ứng dụng phần mềm Nutrikid để lên thực đơn theo tuần, xây dựng khẩu phần ăn khoa học; đồng thời phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, ghi biểu đồ theo dõi, tổng hợp kết quả, kịp thời trao đổi tình hình sức khỏe của trẻ với phụ huynh để phối hợp chăm sóc trẻ.

Bằng tình yêu thương, mến trẻ, sự đoàn kết và năng động sáng tạo trong mọi hoạt động, Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu, kế hoạch đào tạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II vào tháng 8 năm 2018 và được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III. Đặc biệt, trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ, không để xảy ra mất an toàn đối với trẻ; 100% số trẻ đến trường được theo dõi, đánh giá sự phát triển ở từng độ tuổi theo đúng quy định; 100% số trẻ đến trường được học Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi; 100% số trẻ đến trường tham gia ăn bán trú tại Trường và không xảy ra ngộ độc thực phẩm trong Trường; Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường khối nhà trẻ đạt 98,5%, khối mẫu giáo đạt trên 99%, toàn trường không có trẻ gầy còm, thừa cân và béo phì, 10/10 nhóm, lớp xếp loại tốt.

Với những kết quả tích cực đó, nhiều năm liền, Nhà trường được công nhận là đơn vị “lao động tiên tiến”, đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, được UBND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tặng Bằng khen vì “Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội của Tỉnh”. Quan trọng hơn, Trường Mầm non Đông Xá được người dân địa phương tin yêu, gửi gắm con em, trở thành “cái nôi” nuôi dưỡng tuổi thơ và mang đến sự phát triển toàn diện cho trẻ./.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

GIÁP THÌN 2024

